

Tác Giả và Tác Phẩm

Thạch Lam (II)

Tiểu sử

Mất ngày 28.6.1942 tại làng Yên Phụ, Hà Nội.

Tác phẩm

tiểu thuyết Ngày mới (1939), tập tiểu luận Theo dòng (1941).



(tranh Đinh Cường)

Mục Lục

Vài hàng về tác giả - 2

Bố tôi Thạch Lam – Tường Nhung – 3

Thạch Lam, cha tôi trong trí tưởng tượng - Nguyễn Tường Giang – 6

Anh em nhà Thạch Lam, từ Cẩm Phô tới Cẩm Giàng – Trần Tuấn - 10

Về Cẩm Giàng, nhớ Thạch Lam - Nguyễn Tường Tâm - 13

Thạch Lam, cơn say chưa tỉnh – Trọng Đạt - 15

Gửi hương hồn Thạch Lam – Đinh Hùng – 18

Thạch Lam, hình bóng khôn nguôi - Nguyễn Tường Giang - 19

Thạch Lam, nhà văn tâm lý xuất sắc - Hoàng Yến Lưu – 22

Tưởng nhớ nhà văn Thạch Lam – Vũ Bằng - 25

Thạch Lam – Nguyễn Tuân – 28

Cái ấm đất, bộ chén trà Nguyễn Tuân tặng Thạch Lam - Nguyễn T. Giang – 32

Thạch Lam, Thế Lữ, những điều còn nhớ - Song Kim - 39

Phụ đính :

Thạch Lam nhìn từ góc độ lý luận văn xuôi - Vương Trí Nhàn

Thạch Lam (1910 - 1942) Thụy Khuê

Thạch Lam, tiểu thuyết gia – Huỳnh Phan Anh

Thạch Lam chưa biết kéo cánh với bồi và lính tập - Vũ Trọng Phụng

(Tim bài đọc: ở “Keyboard”, nhấn nút “F5”, đánh số trang, rồi “Enter”)

Vài hàng về tác giả

Tên thật là Nguyễn Tường Vinh, sau đổi là Nguyễn Tường Lân, sinh năm 1909. Quê nội làng Cẩm Phô, Hội An, Quảng Nam. Quê ngoại Cẩm Giàng, Hải Dương. Thuở nhỏ, Thạch Lam sống với gia đình ở quê ngoại, sau đó theo cha chuyển sang Thái Bình tiếp tục bậc tiểu học. Lớn lên, ông cùng gia đình chuyển ra Hà Nội, học trường Canh nông, rồi trường Trung học Albert Saraut.

Thạch Lam bắt đầu hoạt động văn học từ 1932, thành viên của Tự lực văn đoàn. Ông tham gia biên tập các tờ tuần báo Phong hóa, Ngày nay. Thạch Lam mất vì bệnh lao năm 1942 tại Hà Nội.

Tác phẩm chính: Các tập truyện ngắn Gió đầu mùa (1937), Nắng trong vườn (1938), Sợi tóc (1942), tiểu thuyết Ngày mới (1939), tập tiểu luận Theo dòng (1941), tập bút ký Hà Nội băm sáu phố phường (1943).

- | | | | |
|------------------------------|-------------------|----------------------|------------------------|
| 01.Đứa con đầu lòng | 02.Nhà mẹ Lê | 03.Trở về | 04.Một cơn giận |
| 05.Người bạn trẻ | 06.Cái chân què | 07.Đói | 08.Một đời người |
| 09.Người lính cũ | 10.Người bạn cũ | 11.Hai lần chết | 12.Gió lạnh đầu mùa |
| 13.Bên kia Sông | 14.Người đằm | 15.Hai đứa trẻ | 16.Đứa con |
| 17.Trong bóng tối buổi chiều | 18.Đêm sáng trăng | 19.Cuốn sách bỏ quên | 20.Dưới bóng hoàng lan |
| 21.Tối ba mươi | 22.Cô hàng xén | 23.Tình xưa | 24.Sợi tóc |

Trong bài giới thiệu tập truyện ngắn Gió đầu mùa xuất bản trước cách mạng tháng Tám, Thạch Lam viết :

"Đối với tôi văn chương không phải là một cách đem đến cho người đọc sự thoát ly trong sự quên, trái lại văn chương là một thứ khí giới thanh cao và đặc lực mà chúng ta có, để vừa tổ cáo và thay đổi một cái thế giới giả dối và tàn ác, làm cho lòng người được thêm trong sạch và phong phú hơn".

Có thể coi đoạn văn ngắn nói trên như là "Tuyên ngôn văn học" của Thạch Lam. Và quả thật, trong toàn bộ gia tài sáng tạo của Thạch Lam, hầu như không một trang viết nào lại không thấm đượm tinh thần đó. Là thành viên của nhóm Tự Lực văn đoàn, được coi là một trong những cây bút chính của nhóm ấy, song trước sau văn phong Thạch Lam vẫn chảy riêng biệt một dòng. Đề tài quen thuộc của nhóm Tự Lực văn đoàn là những cảnh sống được thi vị hóa, những mơ ước thoát ly mang màu sắc cải lương, là những phản kháng yếu ớt trước sự trói buộc của đạo đức phong kiến diễn ra trong các gia đình quyền quý. Thạch Lam, trái lại, đã hướng ngòi bút về phía lớp người lao động bần cùng trong xã hội đương thời. Khung cảnh thường thấy trong truyện ngắn Thạch Lam là những làng quê bùn lầy nước đọng, những phố chợ tẻ tàn với một bầu trời âm đạm của tiết đông mưa phùn gió bắc, những khu phố ngoại ô nghèo khổ, buồn, vắng ... Trong khung cảnh ấy, các nhân vật cũng hiện lên với cái vẻ heo hút, thâm đạm của số kiếp lầm than - Đó là mẹ Lê, người đàn bà nghèo khổ, đông con, góa bụa ở phố chợ Đoàn Thôn, là bác Dư phu xe ở phố Hàng Bột, là Thanh, Nga với bà nội và cây hoàng lan trong một làng quê vùng ngoại ô, là cô Tâm hàng xén với lối đường quê quen thuộc trong buổi hoàng hôn ... Tất cả những cảnh, những người ấy đều được mô tả bằng một số đường nét đơn sơ, thưa thoáng nhưng vẫn hết sức chân thực. Thạch Lam không hề gán cho nhân vật của mình những hành động, những ý nghĩ khả dĩ có thể làm bi thảm thêm cuộc đời của họ. Trái lại ông cũng không như một số nhà văn lúc ấy vẫn thường khoác lên cảnh vật hoặc nhân vật thứ "ánh trăng lừa dối" như nhà văn Nam Cao đã từng nhận xét.

Tác phẩm của Thạch Lam vì thế có nhiều yếu tố hiện thực tuy nhân vật không dữ dội như Chí Phèo, lão Hạc của Nam Cao, hay bị đày đọa như chị Dậu của Ngô Tất Tố ... Cái riêng, cái độc đáo, cái mạnh của Thạch Lam, chính là ở lòng nhân ái, và vẻ đẹp tâm hồn quán xuyên trong

mọi tác phẩm của ông. Nhân vật Thạch Lam, bất luận ở hoàn cảnh nào, vẫn ánh lên trong tâm hồn cái chất nhân ái Việt Nam. Mẹ Lê nghèo khổ đến cùng cực nhưng vẫn nguyên vẹn là một bà mẹ cần cù, chăm chỉ chịu thương chịu khó, hết lòng vì đàn con. Liên và Huệ hai cô gái điếm, hai con người tưởng như vất đi ấy, trong đêm giao thừa ngồi khóc vì nổi trơ trọi, thiếu quê hương và chán chường cho cảnh bèo bọt của thân phận mình. Thạch Lam đôi khi còn đặt nhân vật của mình vào vùng ranh giới tranh chấp giữa cái thiện và cái ác, để rồi tự bản thân con người bằng việc thức tỉnh của lương tri, của phẩm giá xác lập chỗ đứng tốt đẹp cho mình trong cuộc sống đầy bùn nhơ của xã hội cũ. Đó là trường hợp của nhân vật Thanh trong truyện ngắn Một cơn giận hoặc Thành trong truyện ngắn Sợi tóc.

Đọc truyện ngắn Thạch Lam rõ ràng ta thấy yêu con người, quý trọng con người hơn. Và cũng từ đó ta thương cảm, nâng niu, chắt gạn từng chút tốt đẹp trong mỗi một con người.

Sống rất ngắn ngủi (sinh năm 1909, mất năm 1942), Thạch Lam viết chưa nhiều. Một truyện dài : Ngày mới; một tập tiểu luận : Theo giòng; hai cuốn truyện cho thiếu nhi : Cuốn sách và Hạt ngọc; một tập ký : Hà Nội ba mươi sáu phố phường. Phần quan trọng nhất, ba tập truyện ngắn : Nắng trong vườn, Gió đầu mùa, Sợi tóc.

(...)

*trích Lời Nhà Xuất Bản tập truyện Gió đầu mùa
Nhà Xuất Bản Văn Học - Hà Nội - 1982*

Bố tôi Thạch Lam Tường Nhung

Ngày đưa đám Bố, tôi được ngồi xe kéo chung với mẹ tôi. Trước giờ đưa đám, bà vú bắt tôi mặc áo tang may bằng vải sô thô sơ, lại có dây bằng gai thắt ngang bụng, lại thêm cái mũ mấn chụp vào đầu, kéo miềng vải ở phía trước chụp xuống mắt thì chỉ còn nhìn thấy hai bàn chân mình mà thôi. Tuy còn nhỏ nhưng có lẽ tôi cảm nhận được sự đau buồn qua chiếc áo tang hay có nhẽ vì trông chiếc áo và mũ đó quá xấu và kỳ dị mà tôi chưa thấy bao giờ, cho nên tôi đã khóc và trốn vào trong tủ áo nhất định không chịu mặc khi đưa đám bố tôi.

Ngày bố tôi mất, tôi lên 6 tuổi, em kế tôi 3 tuổi và em út mới sanh được 3 ngày. Cả hai em tôi đều là trai. Bố tôi bị lao phổi, vì thời gian đó làm việc quá sức. Một mình ông phải trông coi nhà in, xuất bản báo, viết bài, viết truyện. Bố tôi bị bệnh nằm nhà đã mấy tháng nhưng vẫn tỉnh táo, ngay trước khi mất vài tiếng đồng hồ, cũng vẫn tỉnh. Thấy bố tôi đau lâu mà không bớt, bà Nội và cô tôi đi coi bói hỏi về bệnh trạng của Bố tôi. Thầy bói nói sợ bố tôi không qua khỏi, nhưng sau khi ông bấm số của Mẹ tôi, Mẹ tôi lúc ấy đang mang thai người em út gần đến ngày sinh. Ông bảo: "Nếu bà sanh con gái thì nên làm tiệc lớn ăn mừng, còn nếu con trai thì nên lo trước việc tang lễ, vì đứa con trai này khắc cha mẹ và anh chị em nữa. Tuy Bà và Cô tôi không tin hẳn lời của ông thầy bói, vì cậu tôi vẫn còn tỉnh táo lắm, nhưng cả hai đều rất lo lắng. Rồi ngày sinh em của Mẹ đã đến. Khi biết là con trai thì Bà và Cô tôi khóc rất nhiều. Mọi người dẫu Mẹ tôi về chuyện đó. Mẹ tôi ở nhà thương được 2 ngày thì tối ấy Bố tôi hơi trở bệnh mệt hơn. Sáng sớm ngày thứ 3 thì Bà tôi cho người đến đón Mẹ về vì muốn Bố tôi thấy mặt em tôi. Lúc ấy Bà phải nói cho Mẹ tôi biết về lời thầy bói nói. Thế là cả 3 đều khóc, phải xuống dưới bếp khóc vì sợ làm động đến Bố tôi. Người nào mắt cũng đỏ hoe. Mẹ tôi bế em tôi vào để bố nhìn mặt. Bố tôi bảo đã dậy để nhìn em cho rõ hơn, Bố tôi ngắm nghía em rồi khen thẳng bé kháu khĩnh và khỏe mạnh, rồi quay qua Mẹ tôi mắng nhẹ, sao lại bế con về nhà sớm vậy, mới sinh nở còn non nớt, sức khỏe còn yếu, phải nằm lại nhà thương một tuần lễ chứ. Thế là mẹ tôi không thể cầm lòng được nữa và ra khóc nức nở. Bố tôi cau mày và nói, tôi đã chết đâu mà khóc.

Đến trưa bố tôi tỉnh dậy và đòi ăn na, thứ na bờ mùi thơm ngon ngào ngạt mà bố tôi thích nhất. Ngoài na ra bố tôi còn thích ăn dưa hồng và dưa gang, các thứ dưa đó khi chín cũng tỏa ra một mùi thơm thật nhẹ nhàng. Ăn được vài miếng thì bố tôi lại đuối sức mệt lả, người nhà vội đỡ bố tôi nằm xuống, và bố tôi bắt đầu thiếp dần. Chiều đến thì chú Bảy tôi đến thăm, chú đã ngồi lại trong phòng bố tôi rất lâu. Khi chú bảy tôi đẩy cửa bước ra thì mọi người trong nhà đều nhìn chú bảy tôi bằng ánh mắt chờ đợi một hy vọng may mắn do chú tôi đem lại, vì lúc ấy chú Bảy tôi đã đậu xong bằng bác sĩ, cho nên chú biết rất rõ về bệnh trạng của bố tôi. Chú bước ra và đi rất vội vàng không nhìn ai cả. Có lẽ chú sợ làm cho mọi người ruột thịt trong nhà mất hết niềm hy vọng đã đặt vào chú là chú có thể chữa khỏi bệnh cho Bố tôi. Về mặt đau buồn và cặp mắt đỏ hoe của chú đã nói lên được sự sắp ra đi của Bố tôi. Cho nên chú chỉ nói một câu tiếng tây ý nghĩa là bệnh của Bố tôi không khỏi được và sự ra đi vĩnh viễn của Bố cũng gần đến. Vài giờ sau đó thì Bố tôi tắt thở.

Ngày đưa đám Bố, tôi được ngồi xe kéo chung với mẹ tôi. Trước giờ đưa đám, bà vú bắt tôi mặc áo tang may bằng vải xô thô sơ, lại có dây bằng gai thắt ngang bụng, lại thêm cái mũ mấn chụp vào đầu, kéo miếng vải ở phía trước chụp xuống mắt thì chỉ còn nhìn thấy hai bàn chân mình mà thôi. Tuy còn nhỏ nhưng có lẽ tôi cảm nhận được sự đau buồn qua chiếc áo tang hay có lẽ vì trông chiếc áo và mũ đó quá xấu và kỳ dị mà tôi chưa thấy bao giờ, cho nên tôi đã khóc và trốn vào trong tủ áo nhất định không chịu mặc khi đưa đám bố tôi.

Chiếc xe tang có 4 con ngựa kéo, ngựa được phủ cái choàng màu đen có viền ren trắng, kéo theo chiếc quan tài được phủ bằng nhung đen chung quanh có tua, bốn góc của chiếc xe tang có 4 người thân tay cầm mỗi người một sợi dây từ bốn góc của chiếc quan tài đi chậm chậm theo xe tang. Mẹ tôi mặc áo tang may bằng vải xô, buộc ngang lưng bằng dây gai, đầu đội mũ mấn, tóc xỏa ngang lưng, chẳng nhìn thấy mặt mẹ tôi đâu cả. Lúc ấy Mẹ tôi mới ngoài 30 tuổi. Bố tôi chết đi để lại cho mẹ tôi 3 đứa con còn quá nhỏ dại, về vật chất thì chẳng có gì, ngoài những cuốn truyện, tiểu thuyết ngắn, dài, mà sau này khi chúng tôi khôn lớn đó là một gia tài vô cùng quý giá và là một niềm hãnh diện cho chúng tôi. Không biết mẹ tôi lúc ấy nghĩ gì và đau buồn ra sao, nhưng tôi chắc Mẹ tôi đã đau buồn đến cực độ. (Tôi sẽ viết về Mẹ tôi vào một dịp khác)

Khi quan tài hạ huyệt thật là thảm thiết, Bà, Cô Chú Bảy cùng bạn bè thân thiết của Bố tôi, ai nấy đều quá đau lòng thương tiếc người ra đi còn quá trẻ, khi nhìn cảnh Mẹ tôi cứ khóc ngất đi và không còn nói ra lời nữa. Tôi thì cứ nhìn mọi người khóc rồi cũng khóc theo luôn. Em kể tôi khi nhìn thấy có bát cơm đầy, trên có cắm đôi đũa vòng và có hai cái trứng gà luộc thì chỉ tay và đòi ăn. Chị em chúng tôi nào đã biết được sự chia ly chết chóc như thế nào đâu.

Tôi còn nhớ rất rõ về hình dáng của Bố tôi, Bố tôi rất cao, da trắng hồng trông như lai tây vậy. Bố tôi hay mặc bộ vét màu kem nhạt may bằng hàng vải dũi, đầu luôn đội cái mũ phớt, chân đi giày tây, lúc nào cũng bóng loáng. Quần áo của bố tôi lúc nào cũng phải là thẳng tắp, bố tôi rất ngăn nắp thứ tự và rất quý sách. Bố tôi có một tủ sách bìa mạ chữ vàng được xếp rất ngăn nắp. Có một lần cô Năm tôi sang thăm, cô tôi có dẫn theo 2 người con trai đang ở tuổi nghịch phá, và họ đã vào phòng sách và lục sách của bố tôi. Bố tôi nói ngay với cô tôi lần sau chị sang thăm em thì chị đến một mình, đừng dẫn theo mấy cháu nữa”. Cô tôi đã quá quen thuộc với tính nói thẳng của bố tôi cho nên không bao giờ giận bố tôi cả. Ngày bác Ba tôi có người con bị chết, bác Tư gái không đến chia buồn được, cô tôi nói với bố tôi về chuyện đó, bố tôi bảo “nếu chị Tư không đến đưa đám con chị Ba thì khi nào con chị Tư chết thì chị Ba cũng không phải đến”. Tuy cô tôi đang buồn về việc cháu mất cũng phải phì cười vì câu nói của bố tôi. Cô chỉ làm thảm một mình “Ai mà muốn con mình chết bao giờ”. Cô tôi và bố tôi rất thân và thương nhau vì lúc nhỏ khi các bác tôi đi học ở xa nhà chỉ còn có 3 chị em mà chú Bảy thì lại còn nhỏ, Bố tôi chỉ kém cô tôi có một tuổi. Khi cô tôi đi lấy chồng, bà tôi cũng bắt đầu ngấm nghe vợ cho bố tôi. Bà rất ưng ý một cô con của bà bạn thân, nhà rất khá giả và cô cũng đẹp. Bà cô có đánh tiếng và nhà gái bằng lòng chỉ chờ bố tôi đi xem mặt. Bà tôi thúc dục bố tôi mấy lần, nhưng lần

nào bố tôi cũng tìm cách từ chối khéo, dằng dụa mãi cả gần năm trời, nhà gái thấy bố tôi vẫn chưa động tĩnh gì bèn nhờ người sang dò hỏi bà tôi một lần chót để bà quyết định vì có người khác muốn đi hỏi cưới cô con gái bà. Bố tôi biết tin ấy bèn thưa với bà tôi là “Mẹ bảo cô ấy đi lấy chồng đi” thế là từ đó bà tôi không đả động gì đến chuyện cưới vợ cho bố tôi nữa. Khi gặp mẹ tôi, bố mẹ tôi đã yêu thương nhau ngay. Bố tôi về thưa chuyện với bà tôi để cưới mẹ tuy lúc đầu bà tôi có hơi ngần ngại vì chưa biết mặt mẹ tôi và gia thế như thế nào. Bà và cô tôi có bàn với nhau về chuyện đó, nhưng bà tôi biết tính của bố tôi, khi đã quyết định chuyện gì thì khó có ai mà lay chuyển đổi ý được phần nữa tính của bố tôi rất khó chiều. Sau cùng bà và cô tôi đã chấp nhận mẹ tôi rất vui vẻ, bà và cô tôi nói với nhau “thế là từ nay mọi chuyện của bố tôi đã có mẹ tôi gánh lấy, mẹ con mình được thành thoi”. Mẹ tôi hơn bố tôi vài tuổi, bà tuy hơi thấp so với bố tôi, nhưng bà rất đẹp và rất khéo chiều bố tôi. Bà hiểu rõ rất tỉ mỉ từng chi tiết, những sở thích của bố tôi và tôn trọng tất cả những gì mà bố tôi quyết định. Cà phê mà bố tôi uống mỗi buổi sáng phải chính tay mẹ tôi pha. Cà phê mua thứ thượng hạng nguyên hạt đem về nhà xay lấy. Khi bố tôi vừa ở tòa soạn về thì đã có sẵn một chậu nước nóng ấm và một cái khăn mặt để sẵn để bố tôi lau mặt. Thay áo quần ra, sau khi tắm xong thì cơm nước đã dọn sẵn. Ăn cơm xong bố tôi có thói quen ra ngồi ngoài hiên trước nhà để ngắm cảnh, tuy đã về chiều nhưng cũng còn một vài chiếc thuyền, trên chõ những cặp tình nhân họ chèo thật chậm nhìn ngắm mặt trời lặn và thủ thỉ những lời âu yếm. Bố tôi lúc nào cũng rủ mẹ tôi ra cùng ngồi và trò chuyện tâm tình cùng mẹ. Bố tôi ít nói, nhưng khi nói thì đã diễn tả hết ý mình, mẹ tôi rất thích được nghe bố tôi nói chuyện đó là những giây phút sung sướng của mẹ tôi.

Bố tôi viết văn, viết báo, và có nhà in riêng do một nhóm anh em và bạn bè chung vốn, bố tôi rất bận rộn với công việc. Sáng sớm đã rời nhà để lên tòa soạn làm việc, chiều mới về. Khi về, bố tôi đi tắm thay bộ áo ngủ, trong lúc bố tôi tắm thì mẹ tôi đã sửa soạn bữa ăn tối, thức ăn bố tôi không đòi hỏi phải nhiều thịt, cá hay thịnh soạn, nhưng món gì cũng phải thật tinh khiết, sạch sẽ, và bày cho gọn và đẹp mắt. Bố tôi thích những món ăn thanh như canh giò sống nấu rau ngót, cải xanh nấu cá rô, rau muống luộc, đậu hũ chiên tẩm hành lá hay cá chép rán vàng, và tuyệt đối không bao giờ được dọn món ăn mà đã dọn ăn ngày hôm trước. Có một lần mẹ tôi kho một nồi cá thật công phu định để làm món mặn ăn mấy ngày. Ngày đầu dọn cá kho ra bố tôi thích lắm vừa ăn vừa khen và ăn hết gần một khúc cá kho. Qua ngày hôm sau mẹ tôi lại dọn cá kho ra nữa bố tôi hỏi mẹ tôi “Cá này là cá gỡ phải không?” và không đụng đũa vào đĩa cá nữa từ đó trở không bao giờ mẹ tôi dọn thức ăn đã ăn ngày hôm trước nữa. Nhà cửa thì lúc nào cũng phải sạch sẽ, gọn gàng. Trước giờ bố tôi về, mẹ tôi luôn coi lại nhà cửa tuy lúc nào cũng dọn dẹp cho sạch rồi nhưng nhà có trẻ con thì không thể giữ được gọn gàng như ý muốn. Chỉ một chiếc guốc hay dép hoặc đồ chơi của trẻ con vứt ở giữa nhà thì cả nhà bị mắng ngay. Bố tôi rất khó tính và ít khi cười nhưng lại rất thương người. Có thời gian nhà có một anh phu xe để kéo xe cho bố tôi đi làm hàng ngày nhưng khi trời mưa thì bố tôi bảo mưa ướt tội nghiệp, khi nắng thì bố tôi cũng bảo nóng quá kéo xe mệt, và thấy anh kéo xe đổ mồ hôi thì cũng không đành. Rút cuộc bố tôi lại đi xe ngoài để đi làm, anh phu xe chẳng mấy khi được kéo xe cho bố tôi cả, quanh quẩn ở nhà phụ việc lật vật với mẹ tôi.

Bố tôi rất yêu tôi, tối nào sau khi ăn cơm xong bố tôi cũng gọi tôi vào phòng sách chỗ bố tôi ngồi hàng đêm để viết văn. Trên bàn viết của bố tôi ngoài những giấy, bút, đặc biệt có một lọ kẹo tây. Những viên kẹo đủ màu sắc hồng nhạt, đỏ, xanh, trắng, đựng trong chiếc lọ hàng thủy tinh trông thật đẹp mắt và thật là muốn ăn. Bố tôi mở nắp lọ, mùi kẹo bay thật thơm. Bố tôi lấy ra cho tôi một cái, chỉ một cái thôi không bao giờ bố tôi cho thêm, tôi biết như vậy cho nên cũng không bao giờ dám xin thêm. Tôi ăn viên kẹo đó thật chậm, chỉ ngậm chứ không dám nhai, khi chất ngọt của kẹo đã tàn gần hết bên trong có một hạt hạnh nhân tôi cắn tan và nhai thật kỹ, vừa ròn vừa bùi.

Ngày tôi còn bé bố tôi bảo mẹ may một cái yếm dãi cho tôi lúc nào cũng đeo ở trước ngực có thêu chữ “Đừng hôn tôi”. Chắc bố tôi sợ mọi người thấy tôi mũm mĩm dễ thương thì hay hôn lên má tôi như vậy không vệ sinh và có thể lây bệnh. Khi trời trở lạnh mẹ tôi nói để mua mũ cho tôi

đội thì bố tôi bảo tóc con nó dày và đen nhanh không cần đội mũ trông xấu xí. Khi mẹ tôi có thai tôi thì bố đã chọn tên sẵn con đầu lòng thì đặt là Bạch kể là Đàng rồi Giang, lấy tên một giòng sông. Đến khi tôi chào đời là gái bố tôi ngại khi lớn lên tôi đen như củ tam thất thì tương phản quá cho nên đổi tên khác cho tôi, nhưng sau vẫn giữ hai tên đã chọn sẵn cho hai em tôi. Có lẽ cũng là số mệnh đã định sẵn cho nên bố tôi đã chỉ chọn có ba tên.

Bố tôi không thích tiếp khách ở nhà, ngay cả bạn thân cũng vậy. Chỉ có chú Đình Hùng và bác Thế thỉnh thoảng đến có một lần. Chú Đình Hùng có lần uống rượu say nôn mửa tung toé, mẹ tôi lấy vôi rồi bôi vào gan bàn chân của chú. Chú trẻ hơn bố tôi vài tuổi, người thấp và bé nhỏ, tóc để dài và chải ngược về phía sau và lúc nào cũng bôi brillantine bóng mượt.

Khi còn sinh thời (sống) bố mẹ tôi ở tại đầu làng Yên Phụ trong một căn nhà nhỏ nhưng rất thơ mộng. Nhà ở ngay cạnh hồ Tây có cây liễu rủ, tàn liễu xà xuống gần mặt nước hồ có cái cầu bằng gỗ đưa ngoài xa. Tôi hay ra cầu đó ngồi thả đôi chân xuống nước rồi đứng đưa đôi chân dưới làn nước thật mát. Đường từ ngoài vào làng toàn lát bằng gạch đỏ, trên đường đi chỗ nào cũng nhìn thấy nước hồ, đi qua một cái đình lớn là tới nhà bố tôi. Đi sâu vào trong làng rất đẹp, hai bên là những dàn hàng rào trồng bằng cây duối, được cắt thật bằng phẳng khi tới mùa quả duối chín vàng trông xa như những sợi tơ tằm óng ánh, ăn thì thật thơm và ngọt. Trừ một vài gia đình từ xa đến ở thuê phần đông làng Yên Phụ sống bằng nghề trồng hoa, đủ các loại từ thực dược vàng, tím, đỏ tía, cúc vạn thọ, vàng ươm, đại đoá vàng mơ, lay ơn trắng hồng, huệ trắng thơm ngào ngạt v.v... Buổi sáng sớm các tay buôn hoa từ các nơi đều đến vườn hoa để mua buôn về bán lẻ lại tại chợ hoa và các chợ trong thành phố. Một số gia đình có đồng người thì họ tự cắt hoa rồi đem ra chợ bán như vậy họ sẽ kiếm được nhiều tiền hơn. Sau khi bố tôi mất, bà nội tôi đã đón mẹ tôi và chị em chúng tôi về tại Cẩm Giàng ở với bà. Từ đó tôi chưa có dịp trở về lại làng Yên Phụ nữa.

Thấm thoát bố tôi đã ra đi hơn năm chục năm rồi, hàng năm đến ngày giỗ bố tôi khi mẹ tôi còn sống năm nào bà cũng làm giỗ thật trang trọng dù lúc đó nhà nghèo bà cũng xoay sở để có đủ tiền mua gà, vịt, xôi chè, và các thứ cần thiết cho việc cúng bái, nhất là hoa sen và hoa cẩm chướng hai thứ hoa mà bố tôi thích nhất và thạch trắng thái nhuyễn thả vào trong chén nước đường có thả hoa nhài màu thạch long lanh trông như những mảnh vụn thủy tinh và mùi thơm của hoa nhài, cộng thêm mùi trầm hương cúng tỏa ra từ trên bàn thờ, tôi có cảm tưởng qua làn khói mỏng đó bố tôi đã hưởng được và ẩn hiện đâu đây để vui cùng con cháu. Mẹ tôi mất cũng đã hơn hai chục năm qua, chị em chúng tôi cũng vẫn cúng giỗ bố tôi y như hồi mẹ tôi còn sống, năm nào cũng có cô tôi và các cháu của bố tôi tham dự. Năm nay lại sắp đến ngày giỗ của bố tôi, tôi viết bài này để dâng lên hương hồn của bố tôi và để tưởng niệm một nhà văn đã được khen là người viết truyện ngắn hay nhất đầu thế kỷ thứ 20. Bố tôi có viết một loại sách hồng cho trẻ em trong đó có cuốn tựa đề là Hạt Ngọc, có đề tặng tôi và em tôi (Tặng Nhung và Đàng) bây giờ cuốn này đã bị thất lạc.

Thạch Lam, cha tôi trong trí tưởng tượng Nguyễn Tường Giang

Chết là giải thoát một đời. Chết là đầu bên kia của sợi dây ngày tháng. Một sớm kia, một tối nào. Tôi hay anh, cũng thế. Bên kia cái chết là nội cỏ ngàn cây hoa mộng hay bên kia cái chết là thẳng thốt khổ đau. Tôi đã nhìn thấy nhiều cái chết, nhiều khuôn mặt chết. Quá nhiều. Nhưng không bao giờ, mãi mãi, tôi có thể hình dung được một cái chết, một khuôn mặt chết thân yêu nhất và buồn bã nhất của đời tôi. Cái chết của cha tôi. Thạch Lam. Người văn sĩ tài hoa ấy đã chết quá sớm. Ông chết như thế nào, có thể mẹ tôi, bà nội tôi, một vài người bạn của ông và người em ruột của ông biết rõ. Mẹ tôi cũng đã kể cho tôi, bà tôi cũng đôi lần mơ màng nhắc lại,

một đoạn văn đã viết. Nếu muốn xác thực hơn, người chú tôi chưa một lần gặp mặt, còn sống ở một tỉnh Trung-hoa giáp ranh biên giới Việt-Nam, hẳn tôi có thể viết thư hỏi rõ và cặn kẽ. Nhưng không bao giờ tôi muốn thế. Bởi vì, đối với tôi Thạch Lam êm dịu quá, nhẹ nhàng quá và nói hay nghĩ tỉ mỉ về cái chết của ông tôi không thể không có một chút đau đớn trong lòng.

Sự ra đời của tôi, một đứa con trai, là tai họa cho ông. Một người đoán số tử vi nào đó, năm 1942, khi mẹ tôi đang mang thai, đã nói nếu sanh con trai người cha sẽ chết. Khi mẹ tôi đi sanh, cha tôi đang đau nặng. Ông đau bệnh gì: bệnh lao vì làm việc và suy nghĩ nhiều, ý chí muốn dứt bỏ cái thú phù dung, hay tại số. Tôi không thể định rõ được. Lúc người nhà về báo với ông đứa trẻ mới sinh là con trai, ông không nói gì, lặng lẽ coi tiếp tờ báo đang xem dở. Ba ngày sau, ngày 27-6-42, Thạch Lam mất. Sinh ra đời, buồn thay, nhiều khi đã mang một bản án sát nhân trong hồn.

Cao hơn một thước bảy mươi. Mất sâu và buồn. Buổi sáng lặng lẽ đội chiếc mũ phớt lên đầu, tay cầm vài cuốn sách để đi đến tòa báo. Thạch Lam. Ông rất ít khi uống cà phê ở ngoài, và vì thế mẹ tôi là người pha cà phê ngon nhất họ. Đôi khi nhà hết cà phê, người nhà lờ mua về một ly cà phê nguội, ông bắt đồ đi. Ăn ít và nhỏ nhẹ như một con mèo, bát đĩa phải thật sạch và đẹp. Ông ăn nhẹ nhàng và ít nói. Mẹ tôi nấu cơm rất ngon. Bà đã chết, nhưng mỗi khi Ngạc, Thế-Uyên và tôi tụ họp ăn cơm tại nhà một người trong bọn theo thông lệ, chúng tôi không thể không nhắc tới những chén cơm bà nấu cho chúng tôi ăn ngày bà còn sống.

Thạch-Lam buổi tối đi chơi thật khuya, gần như mọi tối nhưng không bao giờ ông say rượu trở về. Tôi hỏi còn nhỏ thường hỏi về quán nước cô Dần, về những đêm cha tôi đi suốt sáng không về, mẹ tôi chỉ cười. Quán nước cô Dần bà cũng biết và chuyện người chồng đi suốt sáng bà quen đi rồi. Thạch-Lam ít tiếp khách, buổi trưa ông thường nằm trong nhà, khách không quan trọng đến chơi ông nói người nhà ra xin lỗi, có gì cần thì viết vào một cuốn vở để sẵn trên bàn. Sau này, khi mới vào Nam, tôi cùng mẹ tôi đến thăm chú Đình Hùng - thi sĩ Đình Hùng vẫn coi cha tôi như anh em - tôi cũng phải viết giùm mẹ tôi trên tập vở ngoài phòng khách và thoang thoang bay trong buổi sáng hôm đó, tôi nghĩ thấy mùi thơm ngào ngạt của một loại thuốc đen.

*

Vào mùa hạ, khi những cơn gió Lào nóng nhất đã thổi về Hà-nội. Trời cao và trong. Trời xanh và gió nhẹ. Buổi chiều, Thạch-Lam ngồi câu những con cá mát rượi nước hồ Tây, những con tôm tươi trong suốt còn lóng lánh những giọt nước đọng trên mình. Ông ngồi lặng lẽ trên một gốc cây lớn, đã gãy. Nhìn mặt hồ gợn sóng rung rinh ánh mặt trời chiều. Đôi khi Nhất-Linh Nguyễn-Tường-Tam, người anh ruột, người trưởng nhóm, đến nhắc nhở ông về một truyện ngắn ông hứa viết. Nhưng những ngày hè nóng quá ông đã viết đâu. Lại hẹn thêm một lần nữa. Nghĩ đến buổi tối rủ năm ba người bạn, bày bàn dưới gốc liễu, ăn cái nguyên thủy của đất trời, nhấp những giọt rượu tinh túy và thơm ngát, bàn về chuyện văn chương thời thế. Hẳn tối nay anh cũng động lòng muốn sống thêm một ngày.

Thạch-Lam, người chỉ cần cái phẩm hơn cái lượng. Văn chương và đời sống ông tinh tế, nhẹ nhàng quá. Người yêu hoa cắm chướng, viết văn thật sớm vào buổi sáng, dạy học thêm một tuần đôi ba giờ, đến tòa báo vào những giờ đẹp nhất trong ngày. Ông thích thơ Nguyễn Nhược Pháp, yêu văn Nguyễn Tuân. Người văn sĩ tài hoa của dĩ vãng đã tặng ông một chiếc ấm gan gà và một bộ đồ trà, ngày nay tôi chỉ lâu lâu nhìn và ngắm nghía trong những lần dọn nhà. Hồi ơi, giữa thời đại này một chiếc ấm trà đã lạc lõng, hướng chi một chiếc ấm gan gà của một tình bạn cố tri. Thạch-Lam cũng có làm thơ, góp phần khá nhiều vào bài "Tương Biệt Dạ" của Huyền-Kiều. Thi sĩ Đình Hùng - những bài thơ trác tuyệt của mùa thu - đã khóc khi đưa quan tài

ông đến nơi an nghỉ cuối cùng. *Đêm nào tôi mộng buồn riêng gối, Anh đã nằm yên dưới mộ hoa.* Nghe tin Thạch-Lam chết, Thanh-Tĩnh một sớm nào đã đáp xe từ Nghệ-an ra Hà-nội, thấp trước bàn thờ người bạn tâm giao ba nén hương, nhỏ những giọt nước mắt chân tình nhất rồi lại tắt tả trở về. Hàng năm cứ vào cuối thu...

Trời mấy hôm nay lạnh, ảnh hưởng của một cơn bão rớt hay đất trời cũng cảm thông với con người buồn bã của những ngày cuối năm 71. Chỉ biết ra đường đã phải mặc len. Những người trên dưới ba mươi đã một lần dời quê hương miền Bắc, không hẹn mà ùa ra ngoài đường, tìm đến gần nhau, nghe tiếng nói của nhau, nhấp một ly cà phê đen, phà một hơi thuốc hôm nay sao ngọt ngào đến thế. Họ đi trên đường âu yếm, chiếm hết các quán cà phê đẹp, thì thầm thủ thỉ nhắc đến những kỷ niệm ấu thơ. Tôi cũng thế, cũng phải ra khỏi nhà, lên phố, vào một quán cà phê quen thuộc, ngó những chiếc áo len ấm cúng, màu nâu non, màu trắng sữa, màu xám trời đông, màu vàng lá rụng. Tôi ngồi với người bạn hiền dịu miền Trung, nói chuyện về mùa thu và Thạch-Lam. Chúng tôi cùng yêu cái nhẹ nhàng êm dịu của "Dưới bóng hoàng lan," cái ấm cúng gia đình của "Gió lạnh đầu mùa." Chúng tôi nhắc đến một Cô áo lụa hồng nhí nhánh đáng yêu và riêng tôi cũng vì hôm nay trời đẹp quá phải ngượng ngùng nghĩ mình đôi lần cũng chỉ còn cách một Sợi tóc là sa chân. Còn anh, có phải anh đôi lần cũng buồn nhè nhẹ với một mối Tình xưa. Tôi kể cho bạn tôi nghe những năm trẻ thơ chạy loạn. Dời Hà-nội trên một chiếc thúng, tôi còn nhỏ quá và chiếc thúng nhẹ lắc lư trên bờ đê ào ạt gió. Tôi kể cho bạn tôi nghe những ngày mùa đông tôi đứng ngoài ngõ đón mẹ và chị đi chợ về ở một vùng quê Nhã-nam nào đó, một thiên đường trong trí nhớ. Những ngày đi mót lúa dưới bầu trời hiu hắt của mùa thu, phía xa kia là một khu rừng lau trắng xóa chuyển động dịu dàng như những đám mây nhẹ bay. Tại sao tôi lại nhớ đến những kỷ niệm đẹp như thế trong khi đối với người khác có thể là khổ đau và uất hận. Bởi vì, không giải thích được, tôi đã là con của Thạch-Lam. Tôi đã học những chữ đầu tiên trong một ngôi đình nhỏ, dưới bóng cò đỏ. Tôi đã ngồi cạnh những anh du kích với một khẩu súng trường đôi bắn máy bay. Tôi đã chạy trốn lính Tây càn quét trong những khu rừng lau. Tôi thường theo anh tôi, hơn tôi ba tuổi, vào rừng tìm những cây nhót trái mọng nước và đầy bột để chùi lên áo len, giấu một quả mít trong bụi cây chờ mai chín đến ăn hay hì hục chạy kiếm đá sỏi để bắn một con chim nhiều màu sắc sỡ trên bụi ruối dày đặc. Hồi đó chúng tôi ngây thơ quá, không hiểu mình đang sống giữa một miền đất thù. Hồi đó, vì ảnh hưởng của Nguyễn Tường Tam - Việt Minh đang lùng kiếm - mẹ tôi phải đốt và chôn vùi tất cả những hình ảnh của gia đình. Những hình ảnh của cha tôi, bác Tam, và các bạn văn nghệ của ông, một vài cuốn bản thảo, cuốn sách kỷ niệm có thủ bút của Nguyễn Tuấn, Nguyễn Nhược Pháp, các hình ảnh đám tang cha tôi chạy dài trên đường Quan Thánh - số 80 - cơ sở của nhóm Tự Lực Văn Đoàn. Mẹ tôi phải giấu hết dĩ vãng, đổi chữ đệm chúng tôi là Nguyễn Thạch - Nguyễn Thạch Giang - tên tôi đầu tiên trên cuốn vở vỡ lòng, và đó là, hỡi ơi, những ý thức chính trị đầu tiên trong đời đã ám ảnh tôi tới bây giờ. Tôi vẫn tự hỏi tại sao Thạch-Lam không tham dự một hành động chính trị tích cực nào. Trong khi bác Tam, nửa đêm ghé qua nhà, uống một ly cà phê mẹ tôi pha, bàn cãi với người em một vài chuyện về báo chí rồi vội vã vượt biên giới qua Tàu, bác Long bị mật thám Tây bắt và treo lên sà nhà bằng hai ngón tay cái, Thạch-Lam phải chạy trốn suốt đêm ngoài nghĩa địa. Nhưng sau đó ông vẫn chỉ nhận trông coi tờ báo và viết những bài văn nhẹ nhàng. Có phải chăng - ông là sợi tơ giăng giữa một trời bão táp.

Cách đây khoảng hai ba năm, sau một tuần nghỉ ngơi ở Đà-Lạt trở về, tôi, Thế-Uyên và vài ba người bạn có ý định thành lập một nhóm văn hóa. Vợ tôi giết hai con gà nhà nuôi, mua thêm ít giò chả đặc biệt và chúng tôi tổ chức một bữa ăn họp mặt tại nhà - chúng tôi vẫn cảm thấy đậm đà, dễ bàn cãi và nói chuyện với các thức ăn ngon, gọi một chút xa xưa khi còn bé gặp nhau trong các buổi giỗ Tết. Chiếc bàn tròn được kê dưới những cành mận đầu mùa, lâu lâu một cơn gió nhẹ làm rơi đôi ba cánh hoa sắp kết thành trái. Bữa cơm ăn xong chúng tôi kê một ít ghế

bánh cũ, pha cà phê trên một mặt bàn thấp hơn, yên lặng hưởng cái thú êm ả của trời đêm. Gió thổi nhẹ, trời trong và cao. Chúng tôi bàn về sự thất bại của những năm qua khi làm tờ báo quay tay, tự hỏi lý do và phương thức làm việc của nhóm Tự Lực Văn Đoàn và phác thảo một đường lối làm việc mới. Chúng tôi thảo luận về những kinh nghiệm cũ, bàn cãi các dữ kiện cần thiết cho một tổ hợp xuất bản. Đêm càng khuya, những tiếng nói cũng to hơn và gay gắt hơn. Thế-Uyên nổi giận, nóng tính và bỏ về. Nhưng việc đó đối với vài người chúng tôi đã quá quen, vài ngày sau hay có thể ngay sớm mai, Thế-Uyên lại cùng chúng tôi uống cà phê và quên chuyện cũ - bởi vì trước tiên chúng tôi đã là những người bạn của nhau. Khi mọi người về hết, buổi họp đã không thành công ở một phương diện nào đó. Thái-Lãng và Kỳ ở lại cùng tôi. Đêm hôm đó chúng tôi ba người thức suốt đêm ở ngoài trời, pha thêm cà phê và tâm sự cùng nhau. Thái-Lãng hằng say nói những dự tính của anh - lần này về Đà-Lạt phải làm thêm một khu vườn hoa phía sau nhà, trồng vài luống cúc vàng hay hồng nhung đỏ thắm, buổi chiều ngồi trong chiếc ghé mây, hút pipe, nhắm chút rượu mạnh và ngó đàng xa đồi núi cỏ cây trong hơi lạnh của một ngày giáp Tết. Lãng cũng kể cho tôi và Kỳ nghe một vài truyện ngắn dự tính viết trong thời gian sắp tới. Cuốn bút ký của Lãng, tập thơ của tôi và Ngạc, một tập đoản văn của Thế-Uyên đã bị bộ Thông Tin cấm. Chúng tôi không làm gì được về văn hóa. Chúng tôi đã bị ngăn cản. Tôi chợt có ý nghĩ về nhóm Tự Lực Văn Đoàn. Họ làm nếu có thể gọi là thành công thời đó, phải chăng vì hoàn cảnh Pháp thuộc tự do và rộng rãi hơn? Họ đoàn kết hơn hay họ khôn khéo và gặp may hơn? Tôi không thể có một câu trả lời rõ rệt.

Chúng tôi lạc quan nghĩ rằng muốn thành công phải chịu khó chờ đợi thêm, kể cả sự đoàn kết cũng thế. Kỳ đưa ra ý tưởng về sự khác biệt giữa những năm ba mươi sáu mươi và mĩ mai: ít ra bọn Pháp cũng có truyền thống văn hóa cao trên thế giới. Tôi ngậm ngùi tưởng tượng cảnh các chú bác, cha tôi và bạn hữu ngồi với nhau phác thảo kế hoạch. Họ có bàn cãi như chúng tôi, hằng say hơn chúng tôi, Thạch-Lam chắc cũng chỉ ngồi yên lặng, mơ màng. Đối với ông chỉ có văn chương là đáng quý. Ông yêu văn chương cũng thâm lặng và nhẹ nhàng như ông viết. Tôi nhớ tới lời người bạn miền Trung dịu hiền: góp phần vào văn chương không phải chỉ có những tác phẩm ồn ào, tiếng tăm - văn chương còn được xây dựng vững vàng và yêu quý hơn bởi những tác phẩm nhẹ nhàng thâm lặng. Sớm hôm sau, khi mặt bàn và các ly cà phê được phủ đầy bởi những cánh hoa, chúng tôi phủi những cánh hoa bám trên tóc và trên quần áo, cùng đi đến một quán nhỏ đầu đường uống ly cà phê đầu ngày. Một sớm mai nào cũng gọi cho con người đôi chút lạc quan về tương lai. Tôi cũng hy vọng một ngày nào đó, gần đây, chúng tôi sẽ cùng ngồi lại với nhau, như ngày xưa chú bác tôi, cha tôi và các bạn hữu đã làm.

Mẹ tôi mất đã gần hai năm, vào một ngày giáp Tết. Sợi dây liên lạc thân yêu giữa chúng tôi và Thạch-Lam bị đứt đoạn hoàn toàn. Còn đâu những ngày chúng tôi cùng ngồi ăn với bà, khi gặp một món ăn ngon bà nói: ngày xưa cậu mày còn ăn cầu kỳ hơn nhiều. Khi đi chơi khuya về nhà, nhè nhẹ chui vào giường ngủ, sớm hôm sau thức giấc bà đã pha một ly cà phê phin đen sánh và thơm ngát: thật giống cha mày như đúc, đêm nào đi cũng tới sáng mới về. Chúng tôi làm cái gì bà cũng coi như chuyện thường. Bà bình thản khi tôi nói với bà về kết quả kỳ thi năm vừa qua và tôi đậu đầu: ngày xưa cậu mày 16 tuổi đã đậu Tú Tài. Ngày xưa cậu mày thông minh nhất nhà. Ngày xưa... ngày xưa...

Ngày xưa... Căn nhà ở Cẩm-giăng nơi có những đóa hải đường ven con đường lát sỏi vào nhà, có những cây khế trong vườn lâu đời đến nỗi chúng tôi có thể trải chiếu nằm và há miệng cắn những trái thấp nhất, có một bụi ổi ở cuối vườn. Căn nhà cha tôi, các chú bác hàng năm từ mọi nơi về giỗ Tết. Có một đêm 30 nào, Xuân-Diệu ngồi canh bánh chưng và sau khi ăn chiếc bánh nóng hôi đầu tiên vớt trong nồi ra, ông lại cùng Huy-Cận lên đường vào Trung. Tôi nhớ con đường xe lửa chạy ngang nhà trước khi vào ga. Buổi chiều ngồi ngắm người bê ghi in bóng

trên nền trời vàng nhạt, nghe tiếng pháo báo hiệu nổ dưới bánh xe và dưới bầu trời con bay đầy khói tầu, chúng tôi tranh nhau chạy ra lấy chiếc pháo đã bị kẹp mỏng như một lưỡi dao.

Dĩ vãng bao giờ cũng đẹp. Chúng tôi đã trên dưới ba mươi và một thế hệ đã trôi qua. Năm nay là cái Tết thứ hai chúng tôi không có mẹ bày một mâm cỗ cúng Thạch-Lam, không tự tay bà cắm những bông cẩm chướng màu hồng trên bàn thờ và ngồi nhắc lại một vài kỷ niệm về người chồng chết quá sớm. Nơi nghĩa trang chùa Giác Minh, bà nằm chung với bà nội chúng tôi, bác Tam, bác Hoàn chồng cô Năm và một người cháu ruột chết trận. Ba thế hệ của dòng họ đều nằm êm ả trong hương thơm của nến nhang, phần đất hiền lành của Phật. Bên chùa, một cây ngọc lan cao và đầy bóng mát, ngày xưa mẹ tôi mỗi lần đi thăm mộ bà nội vẫn thường xin một hai bông hoa đầu mùa về xếp lên bàn thờ Phật. Đôi khi tôi tự nghĩ chúng tôi lưu lạc như những người Do-Thái: Ngôi nhà từ đường ở tỉnh Quảng-Nam nghèo nàn và anh dũng, căn trại nhỏ ở Cẩm-giàng nơi nuôi dưỡng che chở Nhất-Linh, Hoàng Đạo, Thạch-Lam và thế hệ chúng tôi đang xây dựng cho tương lai ở Sài Gòn và các tỉnh miền Nam. Tôi vẫn mong một ngày nào hết chiến tranh để có thể đưa các con tôi đi thăm, vào một ngày cuối tháng chạp, từ ngôi mộ của bà nội chúng nơi hiền hòa cửa Phật, ngôi nhà Từ đường miền Trung xa xôi, và buổi chiều nhạt cỏ trên ngôi mộ Thạch-Lam, ông nội chúng. Phần mộ đó nằm hiu quạnh trong nghĩa trang Bạch Mai vùng ngoại ô Hà-nội, - nơi nếu không bị phá hủy, hẳn bây giờ đêm ngày chỉ vang vọng tiếng máy bay.

11-1971

Anh em nhà Thạch Lam, từ Cẩm Phô tới Cẩm Giàng Trần Tuấn

Sáng cuối tuần chớm đông Hà Nội, ra phố ngồi lơ ngơ với ly chè chén ghé gối. Gọi cho Phạm Xuân Nguyên tính cả phê tán phét, thì nghe đầu bên kia chàng đầu bạc ham chơi bảo đang trên đường đi Hải Dương. Dăm phút sau, nghe anh gọi lại : “Mới qua cầu, đang ở đâu tớ quay lại đón, hôm nay đi trại Cẩm Giàng chơi!”. “*Cẩm Giàng*” ! Hai chữ ấy chợt nhói trong tôi một thứ gì đó, như có cơn gió thốc nhẹ...



Trong “*Tuyển tập Văn miền Trung thế kỷ XX*”, Nhất Linh (Nguyễn Tường Tam) và Thạch Lam (Nguyễn Tường Lân) – hai nhà văn gốc miền Trung mỗi người góp 1 truyện. Nhất Linh với truyện “*Nhật lá bàng*”. Kể về một nhà văn trong đêm đông gác lạnh chong đèn viết nhưng bất lực trước trang giấy. Cảm hứng của chàng là gió. Trong khi ấy dưới đường có hai chị em đưa bé co ro rét run nhưng suốt cả đêm cũng vẫn lạy giời cho những đợt gió đông nổi mạnh nữa để thổi rụng những chiếc lá bàng chín. Rụng chiếc lá nào là chạy đi nhặt lấy, từng cái một, buộc thành gánh đem về bán. Để cho người ta sưởi ấm. Thạch Lam có truyện “*Gió lạnh đầu mùa*”. Ký ức về Cẩm Giàng hiện rõ. Đưa bé trai tên Sơn và chị gái tên Lan, có bà mẹ hiền từ, có

người vú nuôi chăm chút, trong một ngôi nhà ẩm cúng, đủ đầy áo rét cho cả nhà vào buổi sáng trời bắt chợt nổi bắc vào đông. Buổi sáng đầu đông, xóm nghèo bên cái chợ chợ vợ mấy túp lều tranh lộng gió ấy là những đứa trẻ vẫn quây quần chơi nghịch như thường ngày, nhưng áo quần rách rưới đang run lên vì lạnh. Chị em Sơn đã chạy về nhà lấy chiếc áo bông cũ đem cho một đứa con gái nghèo con bác Hiền hàng xóm. Sau hai chị em sợ mẹ mắng, đi tìm đòi lại chiếc áo. Nhưng khi về nhà đã thấy bác Hiền đem trả lại áo rồi. Mẹ đã giúi vào tay bác Hiền năm hào để về may áo cho con. Chuyện đơn giản, hầu như không có cốt truyện, không thất mở kịch tính. Nhưng lại toát lên cái lạnh lẽo của phận đời và sự ấm nóng của tình người...

Chiếc xe ô tô nhỏ xíu do chính Tổng biên tập Ngô Hà Thái của Văn Hóa Thể Thao cầm lái loay hoay một hồi rồi cũng đậu lại được ngay Cẩm Giàng. Quê ngoại anh Thái cũng chẳng cách Cẩm Giàng bao xa. Hai “lão” bạn thân này thường có cái thú ngao du đâu đó vào cuối tuần, không xa ngái như kiểu Nguyễn Tuân lọ mọ về Cửa Đại (Hội An) hóng gió một đêm hay về làng Bảo An – Gò Nổi Điện Bàn xứ Quảng thăm chơi với Phan Khôi, ..., mà gần gũi kiểu như ngày xưa những khách văn chương Đình Hùng, Thế Lữ, Huyền Kiều, Khải Hưng, Trần Tiêu, ... về trại Cẩm Giàng này uống rượu. Có lẽ thị trấn Cẩm Giàng với cái ga xép hiu hắt, cái xóm chợ âm thầm với những ngôi nhà cũ mới lặn vào tâm trí tôi từ thuở đọc trang văn đầu tiên của anh em nhà Thạch Lam so với thực tế hiện tại, cũng không khác nhau là mấy. Tôi cũng có một tuổi thơ nơi ga xép Phú Xuyên – Hà Tây ngót bốn mươi năm trước, cho đến giờ ký ức vẫn ám muội với hồi còi thê thiết cùng cột khói than đen dài như bất tận thả vào những buổi chiều đông vắng. Và những cây bàng, thật nhiều lá bàng đang chín đỏ trên cây, đến nỗi anh Nguyễn phải bật hỏi : “Cây bàng, chính là ở đâu nhỉ?”. Tôi trả lời, bàng thì nhiều nơi có, nhưng vùng này thì quả thật nhiều. Những chiếc lá bàng chín đỏ lác đác rơi theo gió, mà những đứa trẻ xưa nay đâu ?

Đầu con đường mấp mô đất dài chưa đầy cây số nối từ thị trấn kết thúc về phía cánh đồng, dưới bụi tre xanh mát có tấm biển bằng sắt màu xanh ghi mấy chữ “đường Thạch Lam” là cái chợ quê chắc chỉ họp vào buổi sáng vẫn còn đượm nét xưa cũ xứ Bắc. Ghé vào chụp tấm ảnh, chưa kịp hỏi han thì các cô các bà đã xôn xao : “Các bác tìm nhà cụ Thông Nhu hỏi trước chứ gì ? Cứ đường này đi thẳng, rồi rẽ phải, không thì quay lại đi theo ga Cẩm Giàng ...”.



Tôi sực nhớ cái đận năm 90 của thế kỷ trước, lần đầu tiên hỏi tìm đến từ đường dòng họ Nguyễn Tường ở Cẩm Phô, phố cổ Hội An (Quảng Nam), cũng gặp những sự chỉ vẽ rành rẽ như vậy, rằng Nguyễn Tường Tam, Nguyễn Tường Long, Nguyễn Tường Lân là những ai, bút danh gì, viết những gì ..., cho dù từ nửa đầu thế kỷ 19, cụ Nguyễn Tường Phổ – tiến sĩ khoa Nhân Dân năm Thiệu Trị thứ hai (1842) được triều đình điều chuyển từ Cẩm Phô ra làm tri phủ ở Cẩm Giàng trong một lần “luân chuyển cán bộ”, và đã khai nguyên ra nhánh Nguyễn Tường nơi đất Bắc. Sau này, quen thuộc với bao nhiêu lần về Cẩm Phô, tôi vẫn gặp sự ám áp như vậy. Có một điều chắc hẳn nhiều người nhận ra về con người Hội An, đó là vẫn cương trực, thẳng thắn như mọi người dân xứ Quảng, nhưng người phố cổ lại chứa đựng nét tinh tế, tao

nhà đến lạ, điều đáng tự hào của một di sản văn hóa thế giới không chỉ dựa vào tiêu chí những ngôi nhà cổ. “*Phố cổ Hội An, những mái nhà rong rêu xưa cũ. Cảm giác êm dịu mát rượi lan tỏa từ những khu vườn thâm u bóng cây bóng lá, từ mùi hương mê hoặc của hoa Đại và Ngọc Lan Hương. Một nỗi buồn xa vắng và thanh tao. Cố nhớ một điều gì đó, một con người nào đó rất đổi thân quen mà tưởng như đã quên từ lâu lắm ... Thạch Lam ! Đúng rồi, đây chính là thế giới của Thạch Lam, thế giới của những “Nắng trong vườn”, “Dưới bóng hoàng lan”, của “Gió đầu mùa”, và “Ngày mới”, của cả “Hà Nội băm sáu phố phường”, thế giới ngân nga, run rẩy của những sợi tơ hồn có thể cảm nhận được những thay đổi về cường độ ánh trắng hay âm sắc các loại lá khi khô rụng va vào đất như lời nhận xét của một nhà văn thời ấy ...”.*

Mười lăm năm trước, tròn 50 năm ngày mất của Thạch Lam (28/6/1942 – 28/6/1992), tôi đã viết vậy, và đến giờ, vẫn thấy còn nguyên cái cảm giác ấy, dù Hội An đã có nhiều đổi thay. Dù trong cuộc đời ngắn ngủi 32 tuổi xuân chưa một lần có dịp về Cẩm Phô quê nội, nhưng tôi tin từ trong tinh huyết, Thạch Lam đã và vẫn luôn là chàng trai tao nhã phố Hội, từ trong nếp nghĩ, nếp sống tới trang văn. Một gạch nối tinh tế giữa Tràng An và Hội An, cộng hưởng với nếp đầm ấm tình người của những phận đời đối lạnh dưới những tán bàng thưa ấu thơ nơi Cẩm Giàng ... Men theo con đường sắt ngang qua ga Cẩm Giàng cũ kỹ ắng lặng, rồi qua một đoạn đường lát đá có lẽ đã lâu đời, rẽ tay trái bước qua một cánh cổng nhỏ, bất đồ chúng tôi bắt gặp bóng mát im lìm trong vườn cây vây bọc ngôi nhà nhỏ trên nền xưa của gia đình họ Nguyễn Tường. Có một chữ rất hay, không rõ thời ấy ai trong số những yếu nhân của Tự lực Văn đoàn đặt ra, đó là chữ “*trại*” : trại Cẩm Giàng, lấy làm nơi chuyên thù tiếp đàm đạo với khách văn chương của văn phái. Hay hơn cụm từ “*Nhà khách văn chương*” mà địa phương đang có nhã ý đặt tên khi trưng dụng lại khu vườn mảnh đất này để phục dựng lại một di tích văn chương. Chủ của “trại Cẩm Giàng” hiện thời là một ông lão 75 tuổi quá thước - ông Nguyễn Văn Đạm, cùng vợ và một bầy con cháu. Ông Đạm vồn vã rót nước mời khách phương xa. Anh Nguyễn anh Thái đã chẳng lạ nơi này, mang ra tặng gia đình tờ báo VH-TT có bài viết về Tự lực Văn đoàn và trại văn chương Cẩm Giàng. Nguyên mảnh đất vườn 1.000 mét vuông xanh mát này, từ sau năm 1954 được nhà nước giao cho ông Nguyễn Văn Thiệp - xếp ga Cẩm Giàng lưu dụng. Sau 1975, ông Thiệp chuyển về ga Giáp Bát (Hà Nội), giao lại đất nhà cho người em ruột là ông Đạm đây khi đó từ mạn Thái Nguyên xuống. Ông Thiệp nay đã vào tuổi 93. Ông Đạm kể, ngày ấy bom Mỹ san bằng thị trấn, cả khu vườn này cũng không tránh khỏi.

Bởi vậy, từ một cái ao nhỏ xưa cũ xuất hiện rất nhiều trong những trang viết của Nhất Linh, Hoàng Đạo, Thạch Lam, Nguyễn Tường Bách ..., thì vườn nay có thêm một cái “ao” mới, nhỏ hơn, là hồ bom Mỹ để lại. Ông Đạm tuy là dân kỹ thuật, không dây dưa gì với văn chương, nhưng cứ các cảm tưởng hoài niệm về gia đình những văn nhân thừa ấy. Đưa ra một chiếc lọ bằng sứ trắng nhỏ xinh, ông Đạm khoe : “Cái này là lọ phần sấp của gia đình bà Thông Nhu, tôi vét ao tìm được. Có tới 5-6 cái, mấy anh em gánh bùn tranh nhau lấy hết. Dưới ao chắc còn nhiều vật dụng của gia đình mấy ông ấy ...”. Khi Thạch Lam mất ở Hà Nội, vợ của nhà văn đã bỗng bé hai con nhỏ, trong đó có một cậu con trai mới sinh được 3 ngày tuổi về sống tại Cẩm Giàng. Ông Đạm giọng có vẻ hơi bùi ngùi : “Mai một địa phương thu đất lại làm di tích, tôi cũng hơi tiếc, vì đây là đất đẹp, đất lành, nhưng tôi cũng vui vẻ sẵn sàng giao lại. Để mọi người biết Cẩm Giàng, Hải Dương này đã sinh ra những nhà văn như thế ...”.

Nói đến chuyện di tích, tôi lại nhớ về di tích đã được xếp hạng là Nhà thờ tộc Nguyễn Tường ở Cẩm Phô, gọi đầy đủ là Dinh quan Binh bộ Thượng thư - Nhuận trạch hầu Nguyễn Tường Vân – người có tên ghi trong Đại Nam Liệt truyện của Quốc sử quán triều Nguyễn. Cụ Nguyễn Tường Vân là thân sinh tiền sĩ Nguyễn Tường Phổ. Nguyên gốc họ Nguyễn Tường là Nguyễn Văn, được vua Gia Long ngự ban đổi thành “Nguyễn Tường”. Dinh hiện tọa lạc tại số 8/2 đường Nguyễn Thị Minh Khai, bên trên chùa Cầu, vốn được xây dựng từ năm 1806, tái tạo năm Duy Tân thứ 3 (1909), qua nhiều đời đã xuống cấp nặng nề. Sinh thời, trừ Thạch Lam mất

sớm, còn lại các anh em họ Nguyễn Tường ở Cẩm Giàng đều đã có dịp về thăm quê nội, và theo học giả Nguyễn Văn Xuân, bức hoành “*Nguyễn Tường Từ Đường*” đang treo trang trọng nơi di tích là do người con thứ 4 trong số 7 anh em là Nguyễn Tường Long (nhà văn Hoàng Đạo) cúng dường trong một lần thăm quê vào đầu những năm 30 thế kỷ trước.

Năm 1992, tôi về đây, gặp 3 hộ gia đình gồm khoảng 20 người già trẻ lớn bé đang sống tạm bợ trong di tích gần đồ sộ, người lớn tuổi nhất là bà Lê Thị Thanh, 75 tuổi, là dâu trong họ. Bà cho biết đây là nhánh nhất của tộc Nguyễn Tường, hiện tại đây còn 2 người là Nguyễn Tường Dũng và Nguyễn Tường Quý, ở Đà Nẵng có một người là Nguyễn Tường Hưng. Di tích nhà cổ Hội An có ba hình thức sở hữu: sở hữu nhà nước, tập thể (hội quán, đình chùa) và tư nhân. Hai hình thức sở hữu sau, theo quy định chỉ có thể được nhà nước hỗ trợ tối đa 50% kinh phí tu sửa, bảo tồn. Di tích này thuộc diện thứ 2, sở hữu tập thể, phải bỏ ra 50% kinh phí để trùng tu lại di tích lớn thế này là điều không thể, nhất là khi mấy anh em ở đây đều là dân lao động. Những lần về thăm lại di tích mùa bão lũ, tôi chỉ thấy “mọc” thêm những thanh gỗ mảnh mai tạm chèn chống vào những chỗ đã mục, để rồi cảm cảnh viết ký sự “*Nhìn từ chân cột mục di tích tộc họ nhà văn Thạch Lam*”. Sang năm 2005, thị xã Hội An đã nâng phần hỗ trợ lên 75%, và cùng với sự đóng góp của gia tộc, di tích Nhà thờ tộc Nguyễn Tường đã được trùng tu bề thế, khang trang... Hôm bão lũ Hội An tháng 11 mới rồi, tôi chèo chống về Cẩm Phô. Anh Dũng mới mất, anh Quý đang làm nghề lồng đèn tại nhà. Chị Nguyễn Thị Bích Ngọc, người trong họ, cho biết, di tích ngày càng có đông khách đến tham quan ...

Anh Nguyên hứa, bữa nào vào Hội An, sẽ thăm từ đường tộc họ đã sản sinh ra dòng văn chương cự phách. Tôi chợt nảy ra ý nghĩ, liền bảo : “Hội An nên có con đường mang tên Thạch Lam, một đoạn phố nối từ Văn Miếu tới di tích chẳng hạn. Rêu phong cổ kính như Hội An, cái tên đường Thạch Lam còn gì thích hợp bằng”. Cẩm Giàng là nơi chôn nhau cắt rốn, Cẩm Phô là cội nguồn hồn cốt tinh hoa. Độc đáo và trùng hợp nữa, là trong một hồi ký của bác sĩ Nguyễn Tường Bách – em út trong số 7 anh em, thì thân mẫu của các nhà văn Nhất Linh, Hoàng Đạo, Thạch Lam cũng xuất phát từ dòng họ Lê của Duy Phước, Duy Xuyên (Quảng Nam) bên dòng Thu Bồn ! Trong nghĩa trang riêng của dòng họ Nguyễn Tường tại Cẩm Phô, linh cữu cụ cố Nguyễn Tường Phổ từ bao lâu trước đã được mang từ Bắc về an táng.

Năm 2001, di cốt của vợ chồng và người con gái đầu của nhà văn Nhất Linh cũng đã được đưa về yên nghỉ tại đây. Nghe kể thời trẻ, bà Nhất Linh thường xuyên từ Hà Nội về Hội An Quảng Nam giao dịch buôn bán với món hàng cau khô. Cau xứ Quảng - Hội An nổi tiếng về sự thơm nồng, đậm đà và vị say dịu nhẹ.

Dịu nhẹ, như những trang văn Thạch Lam ...

Về Cẩm Giàng, nhớ Thạch Lam Nguyễn Tường Tâm

(cháu của nhà văn Duy Lam và Thế Uyên)

Trại văn chương của Tự lực văn đoàn

Ga Cẩm Giàng là một ga xép như bao ga khác, nhưng là nơi chứa đựng tình yêu, kỷ niệm ấu thơ của nhà văn Thạch Lam, một trong bát tú của Tự lực văn đoàn (TLVĐ) những năm 30-40 thế kỷ trước.

Nhà văn Thạch Lam (tên thật là Nguyễn Tường Lân) là con trai thứ sáu của ông Nguyễn Tường

Nhu (tức Phán Nhu) ở phố huyện Cẩm Giàng, những năm đầu thế kỷ 20.

Sau nhiều năm sống ở ấp Thái Hà, Hàng Bạc (Hà Nội), khoảng năm 1914-1915, ông bà Nhu đưa cả gia đình về quê cha đất mẹ ở huyện lỵ Cẩm Giàng.

Thời gian đầu, gia đình tạm thời sống ở nhà cụ Quản Thuật, mẹ đẻ của bà Nhu. Sau đó, được bên ngoại giúp đỡ, bà Nhu cho dựng năm gian nhà lá gồi, hai gian mở cửa ra phố bán thuốc lào. Phía sau nhà là đường xe lửa và cánh đồng rộng. Năm ấy hai con lớn là Nguyễn Tường Thụy, Nguyễn Tường Cẩm đang học ở Hà Nội, hai con kế tiếp là Nguyễn Tường Tam và Nguyễn Tường Long còn học trường huyện. Trường huyện Cẩm Giàng ở chùa bên làng Giàng, phải qua cầu bắc qua sông Sen, trên cầu có đường xe lửa, dưới cầu có thuyền buôn từ xa đến...

Một lần chuyến tàu đêm vào ga, xỉ than bắn ra làm cháy cả dãy nhà. Dân phố đòi nhà ga bồi thường, thế là Sở Hoả xa tức, đuổi các gia đình phải dời ra xa đường tàu 10 thước.

Bà mẹ Thạch Lam lại phải về ở nhờ trên đất nhà mẹ đẻ. Cụ Quản Thuật thương tình cho con gái làm nhà trên đất nhà mình. Ngôi nhà mặt trước trông ra vườn, mặt sau trông ra chợ Cẩm Giàng để vừa ở, vừa có thể bán hàng. Về Cẩm Giàng, bà Nhu ngày thường chỉ bán thuốc lào và thứ lặt vặt, đến ngày mùa thì đi cân gạo quanh vùng. Cuộc sống tằn tảo như thế cũng đủ chi dùng và nuôi bốn con ăn học ở Hà Nội, Hải Dương. Nhưng ở Cẩm Giàng buôn bán khó khăn nên gia đình Thạch Lam lại phải chuyển sang Thái Bình sinh sống, rồi quành lên Hà Nội, vẫn không ở được lại về Cẩm Giàng.

Lần thứ hai bà Nhu từ Hà Nội về quê, còn đang bơ vơ thì người bạn cân gạo đã gán nợ cũ bằng hai mẫu đất. Mua thêm thành ba mẫu giữa cánh đồng cách xa phố huyện khoảng một cây số, bà Nhu quyết tâm làm nhà để hứng gió trời. Ngôi nhà gỗ, cột vuông, lợp rạ, bốn chung quanh hiên rộng. Nhà ba gian, gian đầu phòng khách, gian giữa thờ gia tiên, gian trong để ở. Trần nhà lát nửa dập thẳng. Mái lợp dày xén rất đẹp, quanh nhà có lan can gỗ. Kiểu nhà này dựa vào mẫu ở Tuy Hoà. Khi Nhất Linh đỗ bằng cử nhân khoa học Pháp về nước, một lần đã đưa mẹ cùng em gái vào Sài Gòn. Đến Tuy Hoà nhìn thấy bên đường có ngôi nhà kiểu như thế này cả hai mẹ con dừng lại ngắm nghía lấy làm tâm đắc. Bây giờ có dịp xây dựng nhà gọi tên "Nhà ánh sáng". Ngôi nhà ấy đi vào văn học sử và trang trại này được mệnh danh là trại văn chương của TLVĐ.

Ngôi nhà có cửa quay bốn hướng đông - tây - nam - bắc, trong kính ngoài chớp. Chung quanh trồng cây xanh. Phía đông trước cửa là một chiếc ao hình vuông thả cá, trên bờ trồng nhiều loại hoa thơm. Từ một cái nhà giữa cánh đồng, được các con giúp thêm, với đức cần kiệm toan lo của bà Nhu, nơi này trở thành một cái trại khá đẹp, nằm sát đường tàu, khách ngồi trên toa xe lửa Hà Nội - Hải Phòng qua đây cũng có thể nhìn rõ. Phía đông khuôn viên là một bức tường trồng toàn trúc, cạnh con đường đi vào trường Kiêm Bị duy nhất của huyện Cẩm Giàng lúc bấy giờ. Trại này thành nơi sinh hoạt văn chương của TLVĐ và nhóm báo Phong Hoá, Ngày Nay...

Quê hương trở thành máu thịt trong văn chương

Thạch Lam từng học tại Trường Nam tiểu học Hải Dương (nay là Trường Tiểu học Tô Hiệu, TP Hải Dương), rồi tiếp đó chuyển sang Tân Đệ (Thái Bình) học tập. Ông sớm mồ côi cha, chủ yếu sống bằng tình thương nhân hậu của người mẹ và các anh chị trong phố huyện Cẩm Giàng. Sau khi đỗ tú tài phần nhất, ông bỏ ngang đi làm báo với các anh.

Những năm tháng ở Cẩm Giàng nghèo khó, nhưng cảnh vật, con người ở đây đã in đậm trong

ký ức và có tác động sâu sắc trong đời viết văn của ông, trở thành máu thịt sống động trong văn chương sau này. Người đọc gặp nhân vật trong truyện thấy có đủ lai lịch xuất xứ, mà Thạch Lam lấy nguyên mẫu trong phố huyện nghèo. Đây là nhà chị Lê ở gần cánh đồng, chị Đồi ở xóm chợ Cẩm Giàng, ông Chiêu đan lờ bên gốc na, trước mặt là con đường đất khô trắng. Cũng có khi là chị Lưu hay hát bài "Ngày xưa có anh Trương Chi, người thì thậm xấu hát thì thậm hay".

Trong Hồi ký họ Nguyễn Tường, bà Nguyễn Thị Thế cũng khẳng định điều này: "Tôi không ngờ em Sáu (Thạch Lam) có trí nhớ dai thế, như truyện em tôi tả hai chị em thức đợi chuyến tàu đêm qua rồi mới đi ngủ. Năm đó, tôi mới có chín tuổi, em tôi lên tám mà tôi đến mẹ đã giao cho hai chị em phải ngủ lại để trông hàng"...

Khi 25 tuổi, Thạch Lam lấy vợ. Chị ruột là Nguyễn Thị Thế sinh con đầu lòng, mới để lại ngôi nhà ven hồ Tây cho cậu em Thạch Lam và tìm nơi khác. Từ đây Thạch Lam mới có nhà riêng, bước vào cuộc sống tự lập.

Băng đi một dạo, bạn bè không gặp nhau, một hôm nhà văn Đinh Hùng tới thăm bạn thì thấy góc trong nhà một cánh màn buông kín giường, Thạch Lam mặt trắng bệch nằm thoi thóp. Lúc này chỉ có bà mẹ già ngoài sáu chục tuổi, anh cả Nguyễn Tường Thụy, chị gái Nguyễn Thị Thế, người vợ vừa sinh con và người em trai, bác sĩ Nguyễn Tường Bách ở bên. Nhà văn âu yếm nhìn đứa con thứ ba mới ra đời, khen nó khỏe mạnh (sau này là Nguyễn Tường Giang), ngược mắt nhìn lần cuối cùng người mẹ già, người vợ trẻ vừa ở nhà hộ sinh về, rồi lịm đi. Căn bệnh lao phổi đã xé ngang tiếng thở đời ông. Đó là ngày 27-6-1942. Mới hôm trước, Thạch Lam còn bảo chị gái đỡ mình ngồi cao lên để nhìn cho rõ cây liễu ven hồ và phàn nàn rằng có ai đã phạt một cảnh rử sát mặt nước làm giảm đi vẻ đẹp tự nhiên.

Ông ra đi để lại ba đứa con, trong đó có Nguyễn Tường Nhung sau này là vợ của viên trung tướng Ngô Quang Trưởng (quân đội Sài Gòn). Người con gái tha hương đã nhiều lần về Cẩm Giàng, viếng mộ ông nội và đi trên con đường mang tên người cha - Thạch Lam.

Thấm thoát đã tám chục năm!

Thạch Lam, cơn say chưa tỉnh Trọng Đạt

Thạch Lam tên thật là Nguyễn Tường Vinh, sau đổi là Nguyễn Tường Lân sinh ngày mùng 7 tháng 7 năm 1910 tại ấp Thái Hà, Hà Nội, là người con thứ sáu trong bảy anh chị em gia đình Nguyễn Tường: 1-Nguyễn Tường Thụy, 2- Nguyễn Tường Cẩm, 3- Nguyễn Tường Tam (Nhất Linh), 4- Nguyễn Tường Long (Hoàng Đạo), 5- Nguyễn Thị Thế, 6- Nguyễn Tường Lân (Thạch Lam), 7- Nguyễn Tường Bách, bác sĩ.

Nguyên quán tại làng Cẩm Phồ, Hội An Quảng Nam. Ông Nội làm Tri Huyện Cẩm Giàng Hải Dương, cụ về hưu tại đây, cha là Nguyễn Tường Nhu mất năm 1918 thọ 37 tuổi, bà mẹ tần tảo buôn bán để nuôi các con ăn học, hai anh ông Nhất Linh, Hoàng Đạo là những người sáng lập Tự Lực Văn Đoàn, đây là một gia đình thành đạt về văn chương của nước nhà đã đóng góp rất nhiều cho nền văn hóa dân tộc.

Hồi nhỏ tên là Nguyễn Tường Vinh, học lười đến năm 14 tuổi mới đậu Tiểu học, ông phải khai tăng một tuổi để đủ tuổi thi bằng Thành chung, năm sau nên đã đổi tên là Nguyễn Tường Lân.

Ông vào học trường Albert Saraut đậu Tú tài phần thứ nhất rồi thôi học ra làm báo Phong Hoá, Ngày Nay với các anh trong Tự Lực Văn Đoàn năm 1932.

Thạch Lam bị bệnh Lao mất ngày 28 tháng sáu năm 1942 tại một ngôi nhà tranh rất nên thơ của làng Yên Phụ cạnh Hồ Tây trong cảnh nghèo nàn. Theo hồi ký của bà Nguyễn Thị Thế: Người Em Thứ Sáu đăng trên báo Văn Sài Gòn 1965, năm 14 tuổi Nguyễn Tường Vinh vẫn chưa đỗ Tiểu học vì lười quá, mẹ hỏi tại sao, Vinh trả lời mẹ cứ yên chí, và ngay năm đó chàng đậu ngay, rồi chàng quyết đổi tên thành Nguyễn Tường Lân để dự thi Thành chung, năm sau rồi chàng đỗ thật, Tú Mỡ có làm một bài thơ khen như sau.

“Có lời mừng bác Nguyễn Tường Vinh

Đáng bực thân đồng bọn học sinh

Năm trước vừa an kỳ tốt nghiệp

Năm sau đã chiếm bằng trung thành

Vẫn hay phúc ám nhờ tiên tổ

Cũng bởi công phu gắng học hành”

Năm 1930 bà chị Thế lập gia đình, Thạch Lam dọn về căn nhà ven đê Yên Phụ ở chung, năm sau Thạch Lam lấy vợ ở riêng tại một căn nhà tranh đầu làng Yên phụ, tình tình thay đổi, lúc trước hoạt bát vui vẻ về sau dậm khó tính, ít nói, ưa tĩnh mịch .

Đến năm 1940 ông bị lao hạch, phải mổ có lẽ tại làm việc và suy nghĩ nhiều, từ đấy sức yếu hơn trước. Hai năm sau sức khỏe lại suy nhược rõ rệt rồi ốm liệt giường, ông vẫn thích ngắm cây liễu bên cửa sổ, lúc đau ốm ông không cho ai vào thăm, một hôm chị Thế lại chơi, khi ấy Thạch Lam đã suy yếu lắm, ông bèn bảo chị nhắc lên để nhìn cây liễu . . . cho đến khi sắp lìa đời Thạch Lam vẫn còn giữ được tâm hồn nghệ sĩ của mình. Vợ ông sinh con trai được ba ngày, bà mẹ biết Thạch Lam sắp đi bèn cho người vào nhà hộ sinh đón đưa hài nhi về cho ông xem mặt nó, Thạch Lam khen.

“Trông nó khỏe mạnh đấy”

Đứa trẻ ấy là Nguyễn Tường Giang.

Sáng 15 tháng 5 âm lịch tức ngày 28 tháng 6 năm 1942, bà cụ, ông Nguyễn Tường Bách đều có mặt, trưa hôm ấy bà mẹ cho gọi bà Nguyễn Thị Thế sang vì biết Thạch Lam sắp đi.

“Đến lúc đó tôi thấy chú vẫn có vẻ tỉnh. Sau khi chú Bách chích thuốc xong chú đòi đỡ dậy và mắng vợ đương khóc “mẹ còn ngồi kia, tôi còn ngồi đây, đã chết đâu mà khóc”, mẹ tôi ngồi một bên, vợ chú ngồi một bên nắm hai tay chú. Bỗng dung chú thấy tay rung lên nên chú bảo mẹ giữ thật chặt hộ. Rồi chú và chú Bách nói tiếng Pháp với nhau vài câu. Chú Bách bỏ ra ngoài hành lang. Tự dung chú gọi em trai “Bách! Bách!” nhưng chú Bách không quay đầu lại. Mẹ tôi và tôi gọi theo: “Anh gọi, chú quay lại đã nào”. Chú Bách gắng gượng quay mặt lại và tôi thấy chú đang khóc. Cúi xuống tôi thấy người em thứ sáu trong gia đình đang từ từ ruỗi chân ra. Mẹ tôi liền đỡ chú nằm xuống.

Từ đó tôi vĩnh viễn không được thấy người em thân yêu. . .”

Theo ông Nguyễn Tường Giang, con trai Thạch Lam, người đã được sinh ra ba ngày trước khi cha mất, trong bài “Thạch Lam, Cha Tôi Trong Trí Tưởng” có nói năm 1942 khi bà mẹ mang thai ông, có người đoán số tử vì nói nếu bà sinh con trai thì ông nhà (Thạch Lam) sẽ chết. Khi mẹ ông đi nhà hộ sinh thì Thạch Lam đau nặng, bị lao mấy năm vì làm việc nhiều và suy nghĩ.

“Lúc người nhà về báo với ông đứa trẻ mới sinh là con trai, ông không nói gì lặng lẽ coi tiếp tờ báo đang xem dở. Ba ngày sau, ngày 28 tháng 6 năm 1942 Thạch lam mất. Sinh ra đời buồn thay, nhiều khi đã mang một bản án sát nhân trong hồn.”

Thạch Lam có một cuộc sống đơn sơ mộc mạc, một tâm hồn nghệ sĩ, khác với các anh ông là những nhà cách mạng đã từng xông pha gió bụi. Thạch Lam chỉ thích ở nhà tranh, ngủ giường gỗ, ngồi ghé mây với tâm hồn phong phú ý nhị.

Trong bài Những Kỷ Niệm Khó Quên Với Các Bạn Trong Tự Lực Văn Đoàn, Sơ Ngô Cùnng Thạch Lam (Kỷ Vật Cuối Cùng cuốn hai, nhà xuất bản Phương Hoàng, California 1997) Đinh Hùng cho biết Thạch lam ở cùng một khu ngoại ô với ông, Thạch Lam ở trong làng ngay bờ hồ

Tây như một tấm gương lớn trước mặt, sông Hồng Hà như một giải lụa uốn mình phía sau lưng, nhà ông ở trên lầu có thể khói bếp nhà Thạch Lam và cả khóm tre đầu cổng.

*“Tây Hồ có danh sĩ
Nhà thi ở nhà tranh
Cửa trúc cài phen gió
Trước thềm bóng liễu xanh”*
(Huyền Kiêu)

Làng Yên Phụ ở cạnh hồ Tây trông xinh như một bán đảo, gần nửa làng chạy theo bờ nước. Hầu hết dân làng làm nghề trồng hoa. Gần Tết nếu có dịp đi dạo quanh làng tưởng như lạc tới một chốn thần tiên trong truyện cổ tích, nhà nào cũng thấp thoáng bóng đào hồng, mai trắng trước thềm, liễu xanh trước gió, dưới những giàn hoa lý, trên sân gạch. Đó là một làng đẹp nhất của ngoại thành Hà Nội, có lẽ phong cảnh nên thơ thi vị của làng hoa này đã ảnh hưởng khá nhiều trên tâm hồn nghệ sĩ của Thạch Lam.

Nhà Thạch Lam ở khúc đầu làng Yên Phụ, soi bóng Hồ Tây, một căn nhà mái tranh, cổng gỗ thanh bạch, đơn sơ nhưng rất thi vị, ông nói ông cũng có thể lợp ngói xây gạch được nhưng bản tính thanh đạm giản dị của ông muốn thế. Thạch Lam có vẻ an bản lạc đạo với cái nghèo của mình, tuy nghèo nhưng ông lại không thấy khổ, ông thường nói.

“Ở được nhà lá, nằm được giường tre, ăn được rau đậu mà vẫn tìm thấy cái đẹp của mái lá, cái êm của giường tre, cái ngon của rau đậu mới là kẻ biết sống có nghệ thuật”

Ngôi nhà tranh của ông ngăn nắp sáng sủa, có cửa kính, chớp, có thềm cao ráo, một khoảng sân sát bờ hồ với cây liễu rủ cành lá xuống nước và khóm tre sào sặc ở đầu cổng, chính cây liễu và khóm tre này đã được ông mô tả trong bài Câu Chuyện Bên Gốc Liễu trong cuốn Theo Giòng.

Thạch Lam đã sống cái phần chót của cuộc đời trước khi đi vào lịch sử, căn nhà mái lá đơn sơ này đã từng là nơi gặp gỡ, hàn huyên chén thù chén tạc của các văn nghệ sĩ Hà Thành: Nhất Linh, Khái Hưng, Trần Tiêu, Thế Lữ, Huyền Kiêu, Nguyễn Tường Bách, Đỗ Đức Thu, Đoàn Phú Tứ, Vũ Hoàng Chương, Nguyễn Tuân...

Mặc dù sống trong cảnh nghèo nhưng gia đình Thạch Lam lúc nào cũng hiếu khách, lương nhà báo chỉ có 30 đồng một tháng, là nhà văn có tài nhưng sách của ông lại khó bán trong khi truyện của Khái Hưng, Nhất Linh như Hồn Bướm Mơ Tiên, Gánh Hàng Hoa, Đoàn Tuyệt... thì bán chạy như tôm tươi. Đình Hùng ghé thăm Thạch Lam đang lâm bệnh một buổi tối nọ và kết luận.

“Tôi vạch màn, vặn đèn sáng thêm và cổ tôi bỗng như nghẹn lại: Thạch Lam nằm đấy, nhưng trên sắc mặt trắng bệch của anh, tôi tưởng như đã nhìn thấy bóng dáng tử thần.

Vậy mà anh còn cố gượng ngồi dậy bắt tay tôi, nắm thật chặt, cặp mắt lim dim như vẫn còn nặng trĩu những cơn say ngày nào, miệng anh mỉm nụ cười khoan hoà như mọi khi. Nhưng rồi anh lại nằm xuống, không nói được lời nào, vì anh đang mê.

Mấy hôm sau anh từ trần. Tôi đã thức suốt một đêm bên quan tài anh, để nghĩ rằng: Thạch Lam vẫn còn say chưa tỉnh, anh đã mang theo cả những hình ảnh tuyệt vời của cơn say bất tận về hư vô. Trong khi chúng tôi ở lại, chẳng còn chất men kỳ diệu nào để mà say, nên cứ phải dương mắt ra nhìn đời giữa lúc rất tỉnh – sự tỉnh táo vô vị của những con người đại bất hạnh”.

Thạch Lam lia trần lúc mới có 32 tuổi khiến tôi nhớ đến truyện Tây Hán Chí chương Sở Bá Vương Ô Giang Tự Vãn, Hàng Võ bị thảm bại, cùng đường tự vẫn tại bờ sông Ô Giang lúc ấy mới có 31 tuổi, như thế ta mới thấy rằng những bậc tài trí làm bao lên nhiều chuyện lớn lao trong thiên hạ khi họ còn rất trẻ.

Cái chết của Thạch Lam là một sự thiệt thòi lớn lao cho nền văn chương Việt Nam, là một cây bút có những nét sâu sắc, độc đáo, một nghệ sĩ có tâm hồn dân tộc, ông luôn luôn tỏ ra người giàu tình thương, có một tấm lòng bác ái ân cần chia sẻ cảm thông với những người nghèo nàn, cùng khổ. Cây bút giàu tình nhân bản của ông đã đóng góp đáng kể cho nền văn chương Việt Nam mặc dù số lượng thật là khiêm tốn: một cuốn tiểu thuyết, ba tập truyện ngắn, một tùy bút, một bình luận văn chương. Hồi ấy truyện của ông không được độc giả hoan nghênh cho

lắm, nhưng mấy chục năm sau người ta đã đánh giá lại văn chương Thạch Lam tại Sài Gòn trước 1975 và bây giờ trong nước cũng như tại Hải Ngoại, tác phẩm của ông đã được tái bản. Toàn bộ sự nghiệp văn chương của Thạch Lam chỉ vồn vện có một ít như thế, song ông vẫn được dư luận chung đánh giá như một nhà văn lớn, tác phẩm của ông vẫn sống và sẽ còn sống mãi.

“Thạch Lam mất đi không những làng văn Việt Nam thiệt mất một anh tài mà quốc dân ta cũng thiệt mất một phần tử tâm huyết và trung thành vậy “

(Đỗ Đức Thu, Thanh Nghị số 17, đăng lại trên báo Văn, Sài Gòn 1965)

Gởi hương hồn Thạch Lam Đình Hùng

Ngày 28 tháng 6, 1942 (nhằm ngày 15 tháng 5 âm lịch Giáp Ngọ, nhà văn Thạch Lam từ trần vì bệnh lao tại làng Yên Phụ, ven Hồ Tây, Hà Nội, hưởng dương 33 tuổi. Dù chết trẻ, ông để lại 6 tác phẩm đã in thành sách, trong có hai cuốn luôn luôn được hậu thế nhắc nhở, là “Hà Nội băm sáu phố phường” và “Sợi Tóc.”

Ông sinh ngày 7 tháng 7 năm 1910 tại Thái Hà Ấp, Hà Nội, mẹ đặt tên là Nguyễn Tường Vinh, nhưng đến năm 15 tuổi làm khai sinh khác, lấy tên là Nguyễn Tường Lân. Thay vì tổ chức kỷ niệm 100 năm sinh nhà văn Thạch Lam, chúng ta hãy cùng đọc bài thơ “Gởi Hương Hồn Thạch Lam” của thi sĩ Đình Hùng, người bạn thân nhất của ông, gọi là để tưởng niệm một tài hoa mệnh yếu của văn chương Việt Nam.

(Chân dung Thạch Lam in cùng bài thơ này cũng do chính Đình Hùng vẽ.)



Nhớ xưa, cùng bóng dạ lan hương
Anh với tôi nằm mộng canh trường.
Giăng kê bên cửa, hoa kê gối,
Anh truyện sầu, tôi truyện mến thương.
Tôi với anh giường chung, mộng chung,
Vì duyên thơ mới có duyên long.
Anh buồn tự thuở trăng lên núi,
Ấy độ tôi hoài ước lại mong.
Ai biết lòng anh thông nhớ đâu?
Gần nhau không nói, nói không sầu.
Cầm tay hồi mộng, buồn như tử,
Thầm hiểu anh thôi, lặng cúi đầu.

Tôi cảm thương vì hai chúng ta,
Tuổi đang xuân mà bóng sang già.
Đêm nào tôi mộng buồn riêng gói
Anh đã nằm yên dưới mộ hoa.
Anh lánh mùa xuân, nép cửa sàu
Đêm nằm ghé gió lạnh canh thâu,
Gặp nhau, nắm chặt tay lần cuối,
Anh khép hàng mi, chẳng nguyện cầu.
Tôi đến tìm anh, vượt mắt hiền,
Đêm sâu chìm đáy mắt vô biên.
Vọng thanh nghe rộn hồn cô tịch,
Tôi hiểu long anh chữa toại nguyên.
Tôi lạc hồn xuân giữa cố đô,
Hỏi trăng, trăng mọc nước Tây Hồ.
Hỏi hoa, hoa vẫn thôn đào, liễu,
Lòng hỏi riêng lòng đâu bạn xưa?
Trăng nước vô tình, gió đẩy đưa,
Đường tôi muôn vàn ngã tình cờ.
Chiêm bao phảng phất, tôi thường gặp
Cặp mắt anh nhìn, như trẻ thơ.

Thạch Lam, hình bóng khôn nguôi Nguyễn Tường Giang



Chân dung Thạch Lam
(Đinh Cường 2004)
sơn dầu trên carton 40 x 40 in

Tôi biết nói gì về một người cha, khi ông mất, tôi mới chưa đầy ba ngày tuổi. Tôi chưa bao giờ nhìn thấy ông, được nắm tay ông, hay như những người con may mắn khác, được gọi ông bằng cha và được nghe ông gọi tên tôi, nhưng tôi luôn luôn hình dung và bị ám ảnh bởi cái chết của ông, cái chết của một nhà văn nghèo, bệnh hoạn và còn quá trẻ. Nếu tôi có được cái tài của một họa sĩ, như Picasso chẳng hạn, vào thời kỳ blue, tôi sẽ vẽ lại cái khung cảnh ấy. Đó là một người đàn ông gầy và cao nằm trên một cái giường tre nhỏ, trên người đắp một cái chăn mỏng, ngực lép xẹp nhưng khuôn mặt có dáng dấp Tây phương, gò má hóp, mũi cao và nhất là hai con mắt sâu thẳm, đầy bóng tối, khuất sâu dưới hàng lông mày rậm, mái tóc rất đen, mềm và dày, vài sợi tóc lòa xòa trên vầng trán cao. Tất cả đều mờ ảo trong nền màu xanh đậm nhạt,

như sáng lên trong bóng tối. Bên cạnh giường là hình ảnh mờ nhạt của hai người đàn bà tóc quấn khăn nhung, áo dài the đen, một người lớn tuổi, cầm hơi vuông, mắt sâu và lông mày rậm, một người trẻ hơn nhưng khuôn mặt phẳng phất khuôn mặt người mẹ, hai người ngồi phía cuối chân giường, hơi nghiêng về phía trước. Một người đàn bà nhỏ nhắn, tóc buông đen dài trên áo cánh trắng, khuôn mặt nhỏ và thon, đôi mắt buồn rầu như muốn khóc, nắm tay người đàn ông, những ngón tay dài, thon nhỏ và xanh xao. Phía trên giường nằm mở ra một cửa sổ, có đôi chút ánh nắng chiếu vào, màu trắng nhợt, xa hơn là bóng những cành liễu nhỏ, rũ xuống, buông lơ lửng mờ nhạt. Tựa đề của bức tranh: “Cái chết của một nhà văn trẻ”. Tôi không thể không nghĩ tới số phận của những nhà văn Việt nam thời đó, và có thể cho tới bây giờ. Những người làm văn chương và nghệ thuật, những nhà báo, đã hy sinh đời mình cho lý tưởng và cái đẹp, hình như vẫn chỉ là những người có một đời sống vật chất rất khiêm nhường trong xã hội, phải chăng chỉ vì cái lạc thú được theo đuổi những giấc mơ của chính mình. Còn những người thân cận, những vợ, con của những nghệ sĩ tài danh đó, hoặc là bươn chải cho giấc mơ của chồng, cha hoặc âm thầm hy sinh và chịu đựng những cơ cực của đời thường. Tôi nghĩ, đó chính là hình ảnh và thực tế của đời sống Thạch Lam, cha tôi. Đó là lời phát biểu bộc phát khi tôi, như một người con phải nói đôi điều về Thạch Lam trong buổi hội thảo Tự Lực Văn Đoàn và báo Phong Hóa/ Ngày Nay: “Tôi không biết là tôi thương ông hay không thương ông”. Thạch Lam, như một người cha đã thường xuyên vắng mặt, nhưng tên tuổi và những tác phẩm để lại, cái gia tài tinh thần ít ỏi và ngắn ngủi của ông, lại ảnh hưởng đến cuộc đời tôi biết bao, trên bảy mươi năm ròng rã, để tôi đã là tôi ngày hôm nay, chắc chắn không có thể xảy ra khác được, như con đường đã được chọn lựa, từ khi tôi ba ngày tuổi và từ khi ông từ bỏ cuộc đời này, vĩnh viễn.

Tôi bắt đầu biết đến văn chương Thạch Lam từ một buổi học Việt văn khi tôi ở lớp đệ thất (lớp 6 bây giờ) trường trung học Hồ Ngọc Cẩn khi mới di cư vào Nam. Tôi còn nhớ khá rõ thầy giáo dạy Việt văn tên Hải, một hôm gọi tôi đứng lên đọc một đoạn văn trong chương trình, một đoạn văn trích dẫn trong một truyện ngắn nào đó của Thạch Lam. Tôi đứng lên, đọc thông suốt, không ngập ngừng, như đoạn văn đó đã ở trong trí nhớ tôi từ lâu, lâu lắm. Đến khi tôi ngừng đọc, thầy giáo Hải có vẻ cảm động, khen tôi đọc bài lưu loát và tình cảm. Tôi ngồi xuống, mắt đỏ hoe. Tôi đã biết Thạch Lam là cha tôi do những lần mẹ tôi dẫn đến nhà bác Tam (Nhất Linh) ở Hàng Bè -Hà Nội, hay những lần bà nội cho người gửi tiền đến cho mẹ tôi, nói là tiền in sách của cha tôi. Trong suốt thời niên thiếu ở Hà Nội, theo bậc tiểu học ở trường Hàng Than (Nguyễn Công Trứ), những đoạn văn tôi đọc chỉ là những bài viết trong mấy tập Tân Quốc Văn hoặc Quốc Văn Giáo Khoa Thư, tôi chưa bao giờ nhìn thấy và đọc một cuốn truyện của Thạch Lam. Có lẽ tôi còn quá nhỏ chưa đủ hiểu biết để đọc tiểu thuyết, hoặc là vì tôi chỉ ham mê đọc truyện kiếm hiệp hay truyện Tàu, đôi khi đọc những truyện trẻ con như Đế Mèn Phiêu Lưu Ký hay truyện dịch ngoại quốc Tâm Hồn Cao Thượng, Vô Gia Đình... Chỉ có một khoảng thời gian ngắn trước khi di cư vào Nam tôi mới bắt đầu tiếp xúc với văn chương Tự Lực Văn Đoàn, chủ yếu là Khái Hưng, Thế Lữ, Nhất Linh và Trần Tiêu. Tuyệt nhiên không có Hoàng Đạo và Thạch Lam. Thầy giáo Hải sau đó, có lẽ biết tôi là con của Thạch Lam, nên rất ân cần và nâng đỡ tôi trong giờ Việt văn. Tôi rất cảm động trong tình thầy trò thì ít, nhưng có lẽ tôi đã nhìn thấy cha tôi qua sự yêu mến văn chương Thạch Lam của thầy. Tôi bắt đầu có những ý thích về văn chương và nuôi mộng trở thành một nhà văn, như cha tôi Thạch Lam. Nhưng viết văn không phải cứ muốn là được, và ở tuổi tôi, có biết bao nhiêu điều vui thú khác quyền rũ hơn, cộng với tính lười biếng và ham chơi, tôi không bao giờ làm gì hơn là những bài luận văn để lấy điểm trong lớp. Về sau này, tôi nhớ có hai lần quyết tâm theo đuổi nghiệp văn chương. Lần đầu tiên vào khoảng năm 1957-58, khi bác Tam bỏ Đà Lạt về Sài Gòn làm báo Văn Hóa Ngày Nay, tôi có cặm cụi viết một vài truyện ngắn đưa cho bác Tam đọc, một tuần sau đó, nhân một buổi đến thăm bác, bác ký tặng tôi một số Văn Hóa Ngày Nay và nói: cháu còn trẻ và viết văn giống Thạch Lam quá, cháu nên viết những gì riêng biệt cho cháu thì tốt hơn. Bác Tam cũng khuyên tôi nên đọc thêm nhiều sách khác, nhưng ông khuyên tôi không nên đọc cuốn Bướm Trắng của ông vì tôi còn quá nhỏ. Tôi đã không có cái can đảm để cong lưng viết thêm vì không thấy hứng thú,

và bay lượn với những đường băng trên sân cỏ đã quyến rũ tôi hơn. Gần mười bảy năm sau, trong khi đang hành nghề y khoa, tôi lại một lần nữa cảm thấy sự thúc đẩy từ sâu thẳm trong tâm hồn, tôi bỏ hết thì giờ và năng lực để hoạt động trong môi trường sách báo, viết văn và làm thơ, nhưng sự kết thúc bi thảm của chiến tranh (một điều tôi rất mơ ước) đã đẩy tôi tới một môi trường sống khác, tôi lại không có cái can đảm như một nhân vật trong truyện Ngày Mới của Thạch Lam, tìm thấy hạnh phúc trong một đời sống thanh đạm và giản dị, nói chung là một cuộc sống nghèo, để theo đuổi giấc mộng văn chương..

Vào khoảng thời gian những năm đầu di cư vào Nam, tôi đang ở tuổi thiếu niên, tuổi mới lớn và có nhiều nhu cầu vật chất. Mẹ tôi lúc đó là một công nhân lao động ở nhà Bưu Điện, lương bổng ít ỏi chỉ đủ ăn hai bữa cơm rất thanh đạm hàng ngày. Lúc đó, cái gia sản vật chất nhỏ bé cha tôi để lại, dù chỉ là một số lượng sách khiêm nhường, cũng đã giúp anh tôi và tôi có được áo quần thơm mát và phương tiện di chuyển như các bạn cùng lứa thuộc gia đình trung lưu. Đó là lúc bác Tam (Nhất Linh) thành lập nhà xuất bản Phương Giang và in lại một số truyện ngắn của Thạch Lam, và cũng là thời gian tôi làm quen nhiều với những tác phẩm của cha tôi, vì kèm theo tiền bản quyền, nhiều khi do chính tay bác Tam đưa tới, chúng tôi cũng nhận được một số sách để giữ hoặc tặng bạn bè. Không thể nói là tôi sống trong cái bóng của cha tôi, nhưng quá thật những truyện ngắn ông viết đã ảnh hưởng nhiều trong cuộc đời tôi. Không phải là thường xuyên, nhưng những gì ông viết ra, bất chợt nhắc nhở tôi trong những tình huống đặc biệt, từ đó tôi tập sống làm một người lương thiện, biết thương yêu những người nghèo khó, những hoàn cảnh khốn cùng. Tôi cố gắng trong cư xử hòa thuận, tôn trọng nhân phẩm mọi người và hiểu rằng đôi khi một hành động nhỏ không suy nghĩ có thể gây ra những tai hại lớn lao và khốc liệt cho người khác. Tôi cũng học tập và tin tưởng qua những điều ông viết, là một đời sống thanh đạm và giản dị là căn bản của hạnh phúc, rằng tiền bạc chỉ là những ảo tưởng phù du. Nhưng than ôi, đối với đời sống và quan niệm thực tế thời tôi lớn lên, và nhất là sau này khi phải lưu lạc nơi đất Mỹ, những suy nghĩ và hành xử của tôi trong xã hội chỉ làm tôi là một người đứng bên lề. Dĩ nhiên, để đối phó với những khó khăn của cuộc sống, tôi phải hòa mình sống như mọi người. Tôi cũng đã có nhiều lần nghĩ những điều không tốt đẹp, có những hành động và cư xử có thể làm tổn thương người khác, cũng tranh đua với đời. Mỗi lần như thế, nghĩ đến danh tiếng của cha tôi, nhớ đến những bày tỏ về tính nhân bản trong các truyện ngắn của ông, đêm nằm nhìn lên trần nhà, tôi cảm thấy vô cùng xấu hổ và khổ sở.

Đã có rất nhiều lần trong đời, tôi rất bất mãn và ngượng nghịu trong xã giao đời thường, khi được giới thiệu: “Đây là anh/ông Giang, con út nhà văn Thạch Lam”. Lời giới thiệu đó đã làm tôi rất khó chịu và rất khó đối xử, vì tôi bị chụp ngay vào đầu cái vòng kim cương của cha tôi, tôi không còn là tôi nữa, những ý tưởng của tôi đã bị điều kiện hóa. Tôi không biết phải ứng xử ra sao để phù hợp với “con út của nhà văn Thạch Lam”. Đôi khi, những người bạn văn nghệ bàn về cái hay cái đẹp của văn chương Thạch Lam, mặc dù tôi rất thích văn chương ông, nhưng mặc cảm về liên hệ cha con đã khiến tôi, hoặc im lặng, hoặc lảng tránh. Tôi, đôi khi chỉ muốn là con của một người bình thường nào đó, không có tiếng tăm và được yêu mến như Thạch Lam. Bây giờ, đã hơn bảy mươi tuổi đầu, khi đọc lại những tác phẩm của Thạch Lam, tôi thường thức với cảm xúc khách quan của một độc giả, tôi rất hãnh diện khi có người nhắc tới tôi là con của nhà văn Thạch Lam, trong Tự Lực Văn Đoàn, một nhà văn tôi cũng rất yêu quý vì văn tài của ông. Thực tế, dù chấp nhận hay từ chối, tôi đã là con của Thạch Lam. Cũng chẳng còn bao lâu nữa, tôi sẽ có dịp gặp lại mẹ tôi và Thạch Lam, lúc đó có thể tôi sẽ được nắm tay ông và nhìn vào đôi mắt sâu thẳm của ông để gọi hai tiếng:

Cha ơi. Hai tiếng ngắn ngủi đã bao nhiêu năm tôi vẫn hằng mong ước.

08/21/2013

Thạch Lam, nhà văn tâm lý xuất sắc Hoàng Yến Lưu



Thạch Lam có đời sống tâm lý rất phong phú, lại có nhiều cơ hội sống với nội tâm vì ngoài vài người bạn thân thiết lâu lâu ghé thăm như Đình Hùng, Huyền Kiều... thì ông thường một mình bên người bạn đời tận tụy, bên lửa tuyền hương và gần bó với căn nhà bên bờ hồ Tây cùng cây liễu trước nhà. Tuy ông cùng hai anh là Nhất Linh và Hoàng Đạo xây dựng cho tờ Phong Hóa và Ngày Nay, hai tờ báo của Tự Lực văn đoàn, và có lúc tham dự vào ban trị sự của văn đoàn nhưng chỉ trong thời gian ngắn, đối với ông việc cầm bút mới là mục đích nhân sinh.

Từ 1940 trở đi, Nhất Linh xê dịch nhiều, Hoàng Đạo bận rộn cả việc công chức lẫn nghề cầm viết, ngoài ra họ còn dấn thân vào chính trị, kê lưu vong, người bị bắt, trong khi ấy Thạch Lam là cây viết cô đơn quanh quẩn ở Hà Nội và đôi khi về Cẩm Giàng (Hải Dương) và chỉ có vài người bạn thân như nhà văn đương thời Đỗ Đức Thu (1909-1979) kể lại: “Thạch Lam rất thận trọng trong việc giao du. Bạn bè của anh có thể đếm trên đầu ngón tay. Thịnh thoảng có người lui tới cái nhà ở Tây hồ. Khách phần nhiều cũng yên lặng như chủ, đó là những người có thể ngồi im hàng giờ cạnh khay chè, đã đạt được cái thuật đối diện đàm tâm của các bậc túc nho. Cuộc sống ẩn sĩ như thế, lại là người có óc quan sát tỉ mỉ, và khả năng nội quan sâu sắc, và khả năng sử dụng ngôn ngữ bén nhạy nên truyện ngắn của Thạch Lam ghi lại được những biến động về tâm lý hết sức tinh tế”.

Nhận xét của Đỗ Đức Thu rất xác đáng. Ngày nay đọc lại truyện ngắn của Thạch Lam mới thấy ông là bậc thầy phân tích tâm lý con người, ngay cả trường hợp phức tạp nhất. Trong Gió đầu mùa có truyện ngắn “Đói”. Truyện kể lại một thanh niên tên Sinh thất nghiệp và trắng tay trong cơn đói “như cào ruột, làm người chàng mệt lả đi, mắt hoa lên, trông vật gì cũng lờ mờ như lay động”. Mai, vợ chàng, trước đây từng là hoa khôi nơi sơn phấn, nhưng giờ đây gặp nghịch cảnh phải chịu cảnh nghèo đói với chồng. Nhưng Mai trong cảnh cơ hàn, dù yêu chồng nhưng do bản năng, bị cuốn về con đường cũ, nàng đã hẹn hò với một khách làng chơi lấy tiền mua thức ăn cho chồng đang trong cơn đói lả. Nàng đã nói dối Sinh là do một phụ nữ từ tâm quen biết cũ giúp cho tiền bạc và còn hứa cả cho việc làm. Sinh đang đói nhưng tình cờ vào phút chót khám phá ra hành vi phản bội của vợ, đã hất đổ gói đồ ăn xuống đất và mắng chửi vợ thậm tệ. Nhưng khi Mai nức nở bỏ đi thì cơn đói giày vò chàng tới mức chàng không thể cưỡng được mùi vị của những miếng thịt béo ngậy, chiếc bánh thơm giòn cho dù thực phẩm hấp dẫn này có nguồn gốc như bản và rồi cơn tự ái của chàng vẫn ngấm ngầm đâu đó trong tâm tư bỗng nhiên biến mất:

“Cơn đói lại sôi nổi như cào ruột xé gan, mãnh liệt, át hẳn cả nỗi buồn. Chàng muốn chống cự lại, muốn quên đi, nhưng không được, cái cảm giác đói đã lan cả khắp người như nước triều tràn lên bãi cát. Mỗi lần cơn gió, mỗi lần chàng ngửi thấy cái mùi ngậy béo của miếng thịt ướp, mùi thơm của chiếc bánh vàng, mũi Sinh tự nhiên nở ra, hít mạnh vào, cái mùi thơm thấu tận gan ruột, như thấm nhuần vào xương tủy.

Sinh cúi xuống nhìn vào gói đồ ăn tung tóe dưới bàn: chàng lăm lét đưa mắt nhìn quanh, không thấy Mai đứng đấy nữa... Khẽ đưa tay như ngập ngừng sợ hãi, Sinh vớ lấy miếng thịt hồng

hào.

Sinh ăn vội vàng, không kịp nhai kịp nuốt. Chàng nắm chặt miếng thịt trong tay, nhai nhóp mỡ, không nghĩ ngợi gì, luôn luôn đưa vào miệng.

Trong gói giấy đồ ăn đã hết chỉ còn những cái vụn nhỏ dính trên mặt giấy bóng mỡ. Sinh thấy nóng ran ở trong bụng. Chàng ưỡn người ra đằng sau khoan khoái thở dài. Nhưng rồi nhớ lại bức thư, cuốn giấy bạc, nhớ lại tiếng khóc thổn thức của Mai nép bên tường, nhớ lại những lời khinh bỉ mỉa mai chua xót. Chàng nhớ lại nỗi uất ức, đau đớn của mình... Một cái chán nản mênh mông tràn ngập cả người. Sinh lại hai tay ôm đầu, cúi đầu khóc nức nở”.

Cảm giác đói được Thạch Lam tả như vẽ và chân thực tới mức độ có ai không muốn tin rồi cũng phải tin vào sự thực con người, ngay cả những kẻ có nhân cách nhưng trong cơn thử thách sinh tồn cũng có khả năng sống với bản năng thấp kém.

Hơn nữa, qua ngòi bút tác giả Gió đầu mùa, đời sống của những kẻ bần hàn cũng được ông phác họa vô cùng sinh động và cảm động. Đặc biệt là số phận của những kẻ kém may mắn vào ngày cuối năm. Trong truyện ngắn Tối ba mươi, ông ghi lại từng nét như khắc họa bi kịch của con người xấu số như hai cô gái giang hồ lạc loài trong đô thị phồn hoa như Liên và Huệ vào một ngày cuối năm:

“Huệ lặng im, tự dưng thoáng nghĩ đến thân thể lưu lạc của hai chị em và lòng se lại. Huệ nhìn bạn âu yếm. Giờ chỉ còn Liên là người thân thiết nhất với nàng.

Xếp các giấy gói sang một bên, Liên quay lại bảo Huệ:

– Chúng mình bày cỗ cúng đi.

– Bày làm quái gì vội. Bây giờ mấy giờ rồi?

– Không biết. Để gần mười một giờ rồi đấy. Sửa soạn đi thì vừa.

Huệ không đáp, đi đến cửa sổ, ti trán vào cửa kính nhìn xuống đường. Mưa bụi vẫn bay tơi tã, hình như bóng tối khắp nơi dồn lại quăng phổ hẹp này. Trên hè ướt át và nhóp nháp bùn, không một bóng người qua lại. Cái vắng lạnh như mênh mông ra tận đâu đâu ở khắp các phố Hà Nội đêm nay. Huệ tưởng đến những căn nhà ấm cúng và sáng đèn, then cửa cài chặt, mọi người trong nhà đang tập nập sửa soạn đón năm mới trong sự thân mật của gia đình. Chỉ có chị em nàng xa cửa, xa nhà. Nhưng nàng còn nhà đâu nữa mà về? Mẹ chết rồi, cha đi lấy vợ khác không biết ở đâu. Đã bảy, tám năm nay, nàng không về đến làng. Những người quen thuộc còn ai không? Huệ nghĩ lại thương hại cho Liên, em họ nàng. Liên còn cha mẹ, nhưng Liên không dám về. Hai người sống cái đời trụy lạc ở Hà Nội từ lúc bỏ nhà ra đi. Hôm nay, ngày cuối năm sum họp hai người ở căn buồng này, trong một cảnh ăn tết lạnh lẽo.

Huệ nhắm mắt lại. Vì trông mưa bụi hay vì nàng khóc thật? Hình như có chút nước mắt vừa rơm rớm ở mi nàng. Huệ chớp khẽ rồi nhớ đến cuộc đời mình, lúc trẻ thơ, lúc còn con gái, ở nhà quê. Một buổi sáng mồng một Tết, –nàng không nhớ rõ là Tết năm nào, nhưng đã lâu lắm rồi thì phải, nàng mặc áo mới đứng trên thềm nhìn mấy bông hoa đào ở trước vườn. Tại sao nàng chỉ nhớ có cái cảnh ấy? Huệ không biết, nàng chỉ mang máng cảm giác một sự gì trong mát, tươi non... Khác hẳn bây giờ. Tâm hồn Huệ u ám và nặng trĩu xuống.

Bỗng Huệ giật mình quay lại; Liên vỗ vai nàng, cười:

– Nghĩ gì mà thần người ra thế? Phải vui vẻ lên một tí chứ! Sắp giao thừa rồi đây này.

Huệ theo Liên đi vào và gạt đầu.

– Thôi, cúng đi. Chị sửa soạn xong chưa?

Trên chiếc bàn rửa mặt đầy vết bẩn. Liên đã đặt đĩa cam quýt, cái bánh chưng và thép vàng. Mấy gói lạp xường và giò cũng để ngay bên. Các đồ cúng nghèo nàn bỗng bày lộ ra trước mắt hai người. Huệ tìm lấy thẻ hương. Nàng quay lại hỏi Liên:

– Chị có mua gạo không?

– Có gạo đây. Nhưng đổ vào cái gì bây giờ?

Hai chị em nhìn quanh gian buồng, nghĩ ngợi. Liên bỗng reo lên:

– Đổ vào cái cốc này. Phải đây, rất là...

Nàng im bật dừng lại. Hình ảnh ô ước vừa đến trí nàng. Cái cốc bần ở góc tường, mà cả đến

những khách làng chơi cũng không thèm dùng đến, nàng định dùng làm bát hương cúng tổ tiên! Liên cúi mặt xuống, rồi đưa mắt lên trông Huệ, hai người thoáng nhìn nhau. Liên biết rằng những ý nghĩ ấy cũng vừa mới đến trong trí bạn.

Huệ cất tiếng nói trước, thản nhiên như không có gì:

– Hay cắm trên cái chai này... Không! Cắm trên tường này cũng được, may nhỉ.

Liên không dám trả lời, sẽ gật đầu.

Nàng đến cạnh giường lật đệm lên lấy bao diêm.

Nhưng giật mình nàng quay lại: có tiếng người gõ cửa buồng.

– Ai đấy?

– Tôi. Cô mở cửa cho tôi với.

Hai chị em luống cuống nhìn các đồ cúng trên bàn. Hai người muốn cất dọn hết, nhưng chắc không kịp. Nhanh trí, Huệ đứng tựa bên bàn che khuất đi, trong lúc Liên ra mở cửa. Người nài “săm” ngó đầu vào.

– À, bác Tâm. Hỏi gì thế?

– Tôi gửi cô giữ hộ chìa khoá.

– Bác về đằng nhà bây giờ à?

Anh bồi “săm” tươi cười:

– Vâng, phải về ăn Tết chứ. Thôi. Cô làm ơn trông hộ nhà nhé. Giờ này cũng chẳng ai đến nữa mà sợ.

Liên thấy đằng sau, tiếng Huệ đáp:

– Đem nay thì còn ma nào đến. Bác cứ về.

Người bồi sắp bước đi, lại quay lại:

– À, chút nữa quên, tôi xin chúc mừng trước hai cô nhé! Chúc hai cô sang năm mới được... được...

Người bồi áp úng, không biết nói gì thêm. Liên vội đỡ lời cảm ơn, rồi đóng cửa buồng lại. Một lát, tiếng cánh cổng sắt dưới nhà rít lên trong yên lặng lạnh lùng.

Giờ chỉ còn hai chị em trong căn nhà. Gian buồng bỗng trở nên rộng rãi quá chừng: một cái lạnh thấm thía đến tâm hồn. Ngoài đường trời hẳn còn mưa, mưa buồn rầu và âm thầm trong bóng tối. Trong gian buồng, ẩm ướt tăng thêm. Liên và Huệ đưa mắt nhìn xung quanh. Cái giường sắt lạnh, đệm và gối hoen bẩn, cái thau gỉ, cái xô, và cái bàn rửa mặt gỗ đã mọc... Đó là khung cảnh của cuộc đời trụi lạc đã từ lâu... Huệ đứng dậy hỏi bạn để cho tan sự yên lặng:

– Chị đã thấp hương chưa?

Liên cũng tự nhiên gọi Huệ là chị:

– Chưa. Chị thấp đi. Bao diêm ở bên cạnh đĩa ấy.

Khói hương lên thẳng và tỏa ra mùi thơm ngát đem lại cho hai nàng kỷ niệm những ngày cúng giỗ ở nhà, khi hai chị em còn là những con gái trong sạch và ngây thơ.

– Sắp đến mười hai giờ đấy, Liên nhỉ?

– Có lẽ đến rồi. Năm mới!

Huệ đặt lại các đĩa trên bàn, xếp vàng cho ngay ngắn. Nàng quay lại bảo Liên:

– Chị ra khẩn đi.

Liên tiến đến trước bàn thờ đứng yên.

– Em biết khẩn làm sao bây giờ?

Nàng bỗng nấc lên, rung động cả vai rồi gục xuống ghé, tay áp mặt. Những giọt nước mắt nóng chảy tràn mi mắt, nàng không giữ được; Liên cảm thấy một nỗi tủi cực mênh mang tràn ngập cả người, một nỗi thương tiếc vô hạn; tất cả thân thể nàng lướt hiện qua trước mắt với những ước mong tuổi trẻ, những thất vọng chán chường.

Huệ nhìn Liên rồi nhẹ nhàng đến gần, buồn rầu vỗ vai bạn:

– Liên, khóc làm gì nữa, buồn lắm.

Tiếng nàng cũng cảm động nghẹn ngào. Dưới bàn tay thân mật của bạn, Liên càng nức nở. Hai chị em giờ này cảm thấy bơ vơ quá. Liên ngẩng mặt lên nhìn Huệ, cố gắng nở nụ cười héo

hất!

– Chị cũng khóc đấy ư?

Huệ gục xuống vai bạn, không trả lời. Nước mắt cũng ú lên rồi lặng lẽ trào ra má. Nàng quàng tay ôm hết sức chặt lấy Liên.

Tiếng pháo giao thừa bỗng nổ vang gần đấy rồi từ nhà nọ sang nhà kia lan rộng mãi vào đêm tối. Liên nói sẽ như thì thầm:

– Giao thừa.

Huệ không trả lời. Hai chị em nép sát vào nhau, yên lặng”.

Có giờ phút nào thiêng liêng như đêm giao thừa, thời khắc đầy ước mơ thịnh vượng, đoàn tụ và bình yên? Có kiếp sống bi đát nào hơn cuộc sống chỉ có dĩ vãng, mà không hiện tại và không tương lai như đời của Huệ và Liên? Cảm thông được nỗi lòng của hai bông hoa dại lạc loài này chỉ có Thạch Lam và những khách tha hương “sòng đời thua đến trắng hai tay”!

Tưởng nhớ nhà văn Thạch Lam Vũ Bằng

Lúc Phong Hóa ra số đầu (tòa soạn lúc ấy ở đường Takou), tôi làm báo Rạng đông của Nghiêm Xuân Huyền, do Trúc Đình Trương Công Đình làm chủ bút. Không nhớ vì một trạng thái tâm lý đặc biệt nào lúc đó, kỳ nào tôi cũng đã kích báo Phong hóa. Ai còn lạ gì cái tính hiếu thắng của tuổi trẻ lúc bấy giờ. Dù phải, dù trái, cũng cố cãi cho kỳ được để lấy phần thắng về mình. Cãi có khi đúng, có khi cù nhầy. Cãi có khi lịch sự, có lúc quấy. Riêng tôi thì tôi nhận thấy ngay rằng tôi cãi quấy nhiều hơn lịch sự. Mối tranh chấp bắt đầu từ đó...

Rạng đông chết, tôi lấy tờ Vịt nữ làm cơ quan liên minh chống Phong hóa. Nhưng tờ Vịt nữ yếu quá, chúng tôi bèn ra tờ Vịt đực, tờ báo hoàn toàn trào phúng đầu tiên ở Bắc Việt. Kỳ nào chúng tôi cũng viết vài bài kèm mấy cái “pô tanh” đả kích Phong hóa dữ dội.

Các bạn còn lạ gì tuổi trẻ: chửi mà đã có đà thì ngày một ngày hai đâm ra hỗn láo, ba que, mất dạy. Tội nghiệp nhất là Thạch Lam. Từ lúc bắt đầu câu chuyện này, thật quá tôi không thấy anh dính líu vào nội vụ, mà tôi cũng không thấy anh viết một bài nào ký tên anh để trả lời chúng tôi. Phải nói thực, anh có một thái độ chiết trung, nếu không muốn nói là anh không muốn lôi thôi. Nhưng lúc bấy giờ tôi đâu muốn chịu yên cho Thạch Lam đứng khách quan như vậy. Tôi như con chó sói trong ngụ ngôn của La Fonten, anh không có lỗi, nhưng họ hàng nhà anh có lỗi, thì anh phải chịu lỗi luôn. Chúng tôi đả Thạch Lam tàn tệ như đã đả Hoàng Đạo, Nhất Linh, Khái Hưng. Nói có vong linh Nguyễn Tường Tam chứng giám, thấy cuộc bút chiến mỗi ngày một kém lịch sự đi, anh em cứ vạch áo cho người xem lưng mãi chẳng hay ho gì; Nguyễn Tường Tam viết một thư “riêng và mật” cho chúng tôi yêu cầu chấm dứt vụ “chửi lộn dơ dáy” đó.

Nói cho đúng, bức thư viết rất nhã nhặn, nhưng chúng tôi có bao giờ chịu nhận thức như thế. “Chửi lộn dơ dáy”! Bốn chữ này hàm một ý xỏ xiên: không được! Phải chửi nữa! Và lần này, không còn biết lôi ai ra chửi nữa, chúng tôi bèn chửi Thạch Lam. Chúng tôi chửi một cách rất hèn hạ, bần thủ, không những lôi một vài chuyện cá nhân ra chửi để bôi nhọ Thạch Lam, hơn thế, có khi còn bịa ra những chuyện không hề có, để xưng xưng lên như chuyện thật.

Cho đến bây giờ, tôi không biết phản ứng của Thạch Lam với những lời càn rỡ, xỏ xiên ấy ra thế nào, nhưng mấy số báo đó ra được vài ngày thì có một ông bạn đem tưới dầu vào lửa. Ông

bạn ấy nói: “Các anh đã biết gì chưa? Bọn Phong hóa Ngày nay nhất định cho các anh một mẻ. Riêng Thạch Lam công khai nói khắp mọi nơi rằng nó mà gặp “Tây Tím” (xước danh của nhà văn Vũ Bằng – BT) ở đâu nó phải đánh cho kỳ chết”.

Về sau này, bỏ cái nghề viết báo chửi càn, ngồi uống trà ngắm lại, tôi ngờ rằng người đem câu chuyện ấy làm quà cho chúng tôi hoặc muốn đùa dai, hoặc làm mật thám cho Tây phao tin ấy để chia rẽ anh em viết văn làm báo. Nhưng ngay hồi ấy tôi đâu có tin như thế. Tôi yên trí là Thạch Lam có nói thể thật, có định làm nhục tôi thật. Thế là mối thù vô căn cứ, không có lý do gì hết, mối thù của tôi và Thạch Lam bắt đầu trên tờ báo Vịt đực, trên Hà Nội báo và một hai tờ báo “ma trời” khác, tôi cứ lái nhài đã kích Thạch Lam không thiếu chuyện gì, không thiếu khía cạnh nào, bất kể đời công hay đời tư, ngoài ra tôi còn làm về đem xuống xóm phổ biến để chửi Tự lực văn đoàn: Nguyễn Tường Tam, Nguyễn Tường Long, nhất là Nguyễn Tường Lân. Tôi còn cố ý làm cho người ta lầm Nguyễn Tường Lân (Thạch Lam) với một nghệ sĩ cùng tên là Nguyễn Tường Lân khác, lúc đó đang bị dính vào một vụ lương gặt mang tai mang tiếng.

Thế rồi chuyện ấy cũng qua đi.

Tình cờ một hôm trên báo Ngày nay tôi thấy có thấy một bài phê bình sách nói về cuốn Một mình trong đêm tối (một tác phẩm của Vũ Bằng – B.T). Tôi vội nhìn xuống cuối bài để xem tác giả bài phê bình là ai thì thấy ký là Thạch Lam và Khải Hưng. Chưa đọc, tôi đã yên trí hai ông này thế nào cũng tiết sự thù hận, chửi rửa mình thật tàn tệ... và tôi không đọc. Nhưng hôm sau, Vũ Trọng Phụng, sau khi rít một hơi thuốc lào, lấy xe điều đập vào đầu bảo: “Này, Bằng! Cái bài chúng nó viết về cuốn sách của toa đứng đắn lắm, tớ cho là được đấy. Đọc xem!”.

Tôi đọc. Phải nói ngay rằng đọc xong, tôi ngạc nhiên hết sức, về phần Khải Hưng, tôi không nói làm gì. Tôi ngạc nhiên nhất là về Thạch Lam. Vì lúc đó Thạch Lam quản nhiệm tờ Ngày nay, toàn quyền trong tay anh, anh muốn hạ tôi thế nào mà chẳng được, vậy mà trái lại, Thạch Lam lại viết một bài rất lịch sự, khen cuốn tiểu thuyết của tôi có những luận cứ làm cho tôi cảm động và đôi chỗ cũng chê, nhưng chê một cách nhẹ nhàng, thân mến và xây dựng. Phải đặt vào cá nhân tôi lúc đó mới có thể biết được sự xúc cảm của tôi thế nào: tôi không hiểu! Tôi không hiểu Thạch Lam định chơi trò gì đây, vì cái óc tòi tệ của tôi lúc đó tin rằng một người bị tôi đã kích dữ dội hàng nửa năm trời như thế, đã kích một cách như bản như thế, không thể nào viết một bài khen kẻ địch của mình như Thạch Lam đã làm. Tôi sợ – sợ rằng trong vụ này có một âm mưu gì nguy hiểm, nhất là tôi biết rằng Thạch Lam là một người lạnh lẽo, ít nói ít cười, mà đối với nhân quan của tôi lúc bấy giờ một người như thế, là một người thâm hiểm.

Hóa ra tôi lầm. Làm một cách khốn nạn!

Biết là Thạch Lam, Thế Lữ, Nguyễn Kim Hoàn hay ra vào tiệm OXN, một hôm tôi tìm đến cảm ơn Thạch Lam về việc anh phê bình cuốn truyện dài của tôi và cũng nhân đó anh em trò chuyện một đôi câu hầu đánh tan những gay gắt có thể có giữa hai người.

Đêm ấy, Thạch Lam nằm một mình không có bạn. Trò chuyện với anh chừng năm phút, tôi lại gặp sự ngạc nhiên nữa: anh nói chúng tôi chưa trò chuyện với nhau bao giờ nhưng anh biết tôi lâu rồi, biết từ hồi còn học ở Lycée. Và anh nói chuyện bình thân, tự nhiên y như là từ trước giữa chúng tôi không hề xảy ra chuyện gì tàn tệ.

Thấy giọng nói và cử chỉ của Thạch Lam như thế. Tôi không tin liền. Mãi sau này, ngồi trên những cái ghế thấp trước cửa chợ Đồng Xuân, uống nước chè tươi với kẹo vừng, nói chuyện về những người buôn gánh bán bưng, về những đứa trẻ ngủ đường ngủ xá dưới trời đông rét mướt, về những cô gái nhà nghèo ở phố huyện xa xôi, tôi mới dần nhận thấy anh quả là người

quân tử, không có một ý tưởng gì thấp kém, quý trọng sự sống hơn cả tròng con mắt mình, hơn thế lại yêu mọi người một cách chân tình, tuyệt nhiên không biết nói xấu ai, thù hận ai, không biết ghét ghen hay ganh tị với ai.

Nếu sống đến bây giờ, anh hơn tôi hai tuổi. Anh mất lúc hãy còn quá trẻ. Chẳng biết có phải là thiên mệnh hay không, nhưng nhớ lại những lời anh nói trong những lúc đi chơi la cà ban đêm với nhau ở ngoài đường, tôi thấy anh hay nói một câu đại khái là: “Xét cho cùng ở đời ai cũng khổ, người khổ cách này, người khổ cách khác. Bí quyết là tìm cái vui trong cái khổ. Vì sống, chỉ sống thôi cũng đã quý lắm rồi. Người ta không bao giờ nên phí phạm cái sống, coi thường sự sống”.

Ngay lúc đó, nghe anh nói, tôi không mấy lưu ý, và tôi nghĩ rằng Dostoievsky đã nhiều lần nói lên cái tư tưởng đó rồi. Nhưng sau này khi anh mất đi, ngồi nghĩ ngợi thăm thía về câu nói đó, tôi thấy quả Thạch Lam là người yêu sự sống hơn cả ai ai. Anh quý từ chén nước chè tươi nóng, trang trọng đưa lên miệng uống một cách gần như thành kính, tiếc từ một cái kẹo vừng rơi xuống đất, nhặt lên phỉ bụi rồi cầm lấy ăn một cách chậm rãi như thể vừa ăn vừa suy ngẫm, cảm ơn trời đã cho mình sống để thưởng thức một món ăn ngon lành như vậy, anh cẩn thận từng câu nói với cô bán hàng vì sợ lỡ lời có câu nào không chu đáo khiến cho người ta có thể tủi thân mà buồn.

Không. Trong nhóm Phong hóa Ngày nay, Hoàng Đạo là người lý thuyết, Nhất Linh là người thực hành, Khái Hưng là người đả phá vào nếp sống cũ để tiến tới một đời sống mới. Nhưng muốn nói đến một người tôn trọng nhân bản thực sự, một người yêu thương đồng bào xót xa từ tâm can thì phé thương ra thì, người ấy chính là Thạch Lam. Thạch Lam cao hơn người khác về điểm đó. Nhưng cái cao đó sẽ không đi đến kết quả như ý muốn nếu không có một nghệ thuật đặc biệt giúp tay: những sự việc, những tình tiết, những trạng thái tâm lý rất bình thường, đối với những cây bút tầm thường sẽ bị rậm lời và nói lên không hết ý. Với Thạch Lam, khác hẳn. Anh đã nói lên được cảm tính của các nhân vật của anh một cách đơn thuần, giản dị và trong sáng.

Sống trong đám người đi lại bình thường, hồn nhiên nhưng quần quai trong nhọc nhằn đau khổ, Thạch Lam yêu họ như yêu mình. Một người như thế không thể là một nhà lý thuyết, cũng không thể là một nhà hành động, mà chỉ có thể là một nhà tư tưởng, như chim đường nga kia đêm tầm bay mỗi, lấy mỡ rút ruột mình để nuôi một đàn con đói.

Tôi nhớ có một đêm cùng anh đi thơ thẩn ở đường Hàng Bông, Chợ Nhuộm trông sang nhà pha Hòa Lò. Xa xa, có tiếng khóc tí tê vọng lại. Chúng tôi đi đến chỗ tiếng khóc đó xem sao thì thấy một đứa bé đeo một cái hộp thiếc ngồi co ro ở trong xó tối. Hỏi tại sao, thằng bé nói: “Cháu đi bán phá sa (đậu lạc rang), được hơn hai hào cả thầy, vừa định về nhà thì có đứa đến đánh cháu và cướp hết cả tiền của cháu” – “Nhà cháu ở đâu?” – “Nhà cháu xa lắm, ở tận đường Hàng Bông. Nhưng dù gần cháu cũng không dám về, vì cha cháu mất sớm, mẹ cháu đi lấy chồng, bố ghẻ cháu ác lắm, cháu mà về ông ấy giết cháu chết!”. Móc trong túi còn hơn hai hào, Thạch Lam đưa cả cho thằng bé và ân cần bảo nó về ngay kéo ở nhà mẹ đẻ. Đi một quãng đến Hội chợ, tôi nói với Thạch Lam: “Tôi ngờ thằng bé này nói láo. Hình như đã có một đêm đi hát ở Khâm Thiên về, tôi cũng thấy nó khóc và nói y như thế – và người bạn cùng đi với tôi bị lừa” – “Vậy ư? Nhưng bị lừa hay không, theo tôi, cái đó không quan hệ lắm. Điều cần là mình làm một việc xét ra phải làm, theo ý của mình, còn người thụ hưởng việc phải đó muốn thực thi việc phải đó ra thế nào, tùy họ. Nghĩa là khi nào mình thấy việc gì phải làm thì cứ làm, kết quả ra sao không cần lắm. Rất có thể nhiều người cho tôi hành động như thế là “nói giáo cho giặc”, nói một cách khác là lòng tốt, ở vào trường hợp đó, không ích gì, hành động của tôi không giải quyết được vấn đề gì dứt khoát. Có thể quan niệm như thế là phải, nhưng tôi có quan niệm về

sự sống của tôi. Đúng hay không, tôi không biết. Nhưng óc tôi nghĩ như thế, tôi cứ nói thực với anh như thế”.

Nghe Thạch Lam nói, tôi không trả lời. Nhưng vừa bước chậm rãi trong đêm vừa suy nghĩ, tôi chợt nhớ một lần một bạn văn đã nói cho tôi biết tại sao Thạch Lam thất bại trong việc quản trị báo Ngày nay lúc đầu.

Thạch Lam có nhiều sáng kiến trong ngành báo. Có thể bảo rằng anh chính là bộ óc của Tự lực Văn Đoàn, nhưng quản trị tờ Ngày nay mà thất bại, ấy chính vì anh là một nhà văn, một ký giả thượng thặng nhưng lại nuôi một tâm hồn nghệ sĩ theo đúng nghĩa của hai tiếng đó, không cần giới ý đến sự thành bại về khía cạnh thương mại và tài chính.

Nhớ lại câu nói của anh bạn, tôi lại dần nhớ lại có một lần trước đó, một bạn thơ đã nói công khai trước anh em trên một bàn rượu ở chợ Tân Định:

“Tôi nợ Thạch Lam rất nhiều về tinh thần. Đối với tôi, anh tốt quá, tốt không thể nào tưởng được: bao nhiêu lần tôi ký bông vay tiền của báo Ngày nay, Thạch Lam đều chuẩn nhận hết, không từ chối một lần nào. Mà phải nói thực rằng, mười lần nhận trước tiền ứng bài như thế thì, họa hoằn có hai ba lần tôi viết bài cho báo Ngày nay, còn những lần khác thì cứ tiêu đại đi rồi quên mất không viết trừ...”.

Thì ra, Thạch Lam trong văn chương cũng như ngoài đời, lúc nào cũng thuần nhất trong ý niệm về cái sống: đời người khổ cực đủ trăm đường, nếu không tự tạo cho mình hay tạo cho những người ở xung quanh một phút vui thì chẳng còn gì đáng kể.

Hồi còn mồ ma Đinh Hùng, tôi thấy anh hay kể lại câu chuyện này giữa hai ngụm rượu mạnh:

“Tôi không bao giờ quên cái dáng điệu rất đẹp của anh (Thạch Lam), khi anh nâng chén; cái đầu nghiêng nghiêng, cặp mắt lim dim, anh rung đùi nhắc một câu mà anh viết trong Hà Nội với tôi rằng anh đi nhẹ nhàng, lặng lẽ không tưởng được, dường như nếu bước mạnh thì đất nó đau. Có người lại cho rằng anh lặng lẽ âm thầm như vậy chính là vì anh là người rất mực khiêm nhường lúc nào cũng tự coi mình là bé nhỏ, không muốn để cho ai thấy sự hiện diện của mình, không muốn để cho ai phải lưu ý tới mình”.

Không. Về phương diện văn chương cũng như về phẩm cách ta phải nhận là, trong làng văn, Thạch Lam quả là một người độc đáo. Có tài lại khiêm nhường, người nhỏ mà lòng nhân ái lớn, Thạch Lam mất đi để lại sự nuối tiếc khôn nguôi cho nhiều bạn bè. Người ta tiếc Thạch Lam mất quá sớm, thành ra tác phẩm anh để lại chẳng bao nhiêu. Nhưng nghĩ cho cùng thì, trong cái nghiệp văn chương cũng như thiên hạ sự nói chung, giai nhân danh tướng không để cho ai trông thấy bạc đầu, sự đó không có gì là lạ.

12 -1971

Thạch Lam

Nguyễn Tuân

(trích “Tiểu luận và chân dung văn học của Nguyễn Tuân”)

Trong văn học Việt Nam trước Cách mạng 1945, Thạch Lam là một trong số những nhà văn được nhiều cảm tình của người đọc. Lời văn Thạch Lam nhiều hình ảnh, nhiều tìm tòi, có một

cách điệu thanh thần, bình dị và sâu sắc. Dưới cái hình thức không những thoát ra khuôn sáo cũ của cách hành văn đương thời mà lại có rất nhiều đức tính sáng tạo ấy, văn Thạch Lam đọng nhiều suy nghiệm, nó là cái kết tinh của một tâm hồn nhạy cảm và từng trải về sự đời. Thạch Lam có những nhận xét tinh tế về cuộc sống hàng ngày. Xúc cảm của nhà văn Thạch Lam thường bắt nguồn và nảy nở lên từ những chân cảm đối với những con người ở tầng lớp dân nghèo thành thị và thôn quê. Thạch Lam là một nhà văn quý mến cuộc sống, trang trọng trước sự sống của mọi người chung quanh.

Ngày nay đọc lại Thạch Lam, vẫn thấy đầy đủ cái dư vị và cái nhã thú của những tác phẩm có cốt cách và phẩm chất văn học. Mặc dù in ra ít, sách Thạch Lam có đánh dấu lại được cái tâm hồn súc tích, rộng rãi và tiến bộ của một nhà văn xuôi chân chính.

◦ ◦ ◦

Thạch Lam sinh năm 1909, mất năm 1942, sự nghiệp văn học gồm truyện ngắn, truyện dài, truyện thiếu niên, và những bài bình luận văn học. Tác phẩm đầu tay là một tập truyện ngắn in năm 1938, tập *Nắng trong vườn*. Và sau đó, tiếp theo luôn hai tập truyện ngắn *Gió đầu mùa* và *Sợi tóc*.

Thạch Lam có viết sách cho trẻ em. Cuốn *Quyển sách* và cuốn *Hạt ngọc* tả cảnh thôn quê cốt giới thiệu cảnh làm lụng nông thôn với một chú bé quen sống ở thị thành.

Tiểu thuyết dài của Thạch Lam in năm 1939, và Thạch Lam cũng chỉ viết có một truyện dài *Ngày mới*.

Nhưng nói đến Thạch Lam người ta vẫn nhớ đến truyện ngắn nhiều hơn là truyện dài. Ngoài các tập truyện, Thạch Lam có viết một tác phẩm xinh gọn duyên dáng để riêng ca ngợi những phong vị và sắc thái của thủ đô. Tập *Hà Nội ba mươi sáu phố phường* này, được truyền tụng nhiều, nhất là đối với những người có ít nhiều quan hệ trực tiếp với cuộc sống vật chất và tinh thần hồi đó của thủ đô Hà Nội. Hà Nội ba mươi sáu phố phường có giá trị của một tác phẩm văn học giúp ta nhận thức thêm về những khía cạnh nhiều màu nhiều vẻ của "Tổ quốc ta tươi đẹp" Thạch Lam còn có một số bài báo luận văn học, sau gộp lại in ra năm 1941, với tên sách *Theo giòng*.

Nói đến nghệ thuật của Thạch Lam, tức là nói cụ thể đến nghệ thuật viết truyện ngắn của Thạch Lam. Một số truyện ngắn của Thạch Lam có thể coi như là mẫu mực được. Có những truyện ngắn Thạch Lam, ở cái thời bấy giờ, đọc xong thấy nó đọng lại trong người ta như một câu hỏi bức thiết của tác giả, như là một lời trách móc kín đáo của nhân vật truyện. Những vi phạm vào quyền sống của hạnh phúc tuổi trẻ, những nỗi cay đắng oan uổng của cảnh bị ép duyên, đâm đầu xuống sông mà không chết ngay được, để sau đó phải mòn chết oan trái trong truyện *Hai lần chết*. Những cuộc sống phụ nữ hết lo cho em lại đến lo cho chồng, cứ chìm chìm xám xám như thế quanh một cái chợ. Những "cô hàng xén" tuy không lên tiếng đòi quyền sống trong truyện nhưng qua kẽ dòng truyện, vẫn như hỏi thăm người đọc giả rằng ý nghĩa cuộc sống có phải là như thế không?

Truyện *Hai đứa trẻ* có một hương vị thật là man mác.

Nó gợi một nỗi niềm thuộc về quá vãng, đồng thời cũng giống lên một cái gì còn ở trong tương lai. Đây là một mẫu sinh hoạt hàng ngày và kéo dài của hai chị em đứa trẻ thay mẹ trông nom một gian hàng vật ở một cái phố huyện, gần một cái ga xép. Đêm đêm có những bóng người bình thường lù mù đi qua trước gian hàng. Những bóng người ấy cũng lù mù như nhiều chấm

lửa ở những nguồn ánh sáng quanh quất nơi phố huyện. Trong cái bốn bề chìm chìm nhạt nhạt, bỗng có những tiếng động mạnh và những luồng sáng mạnh của một chuyến xe lửa kéo qua hàng ngày. Hai chị em đứa trẻ ngày nào cũng chờ một chuyến tàu đêm kéo qua rồi mới chịu đóng cửa hàng. Nơi cái thế giới quan của đôi trẻ ở một phố quê, hình ảnh đoàn tàu và cái tiếng còi tàu đã thành một thói quen của cảm xúc và của ước vọng. Đọc Hai đứa trẻ, thấy bạn bị vô hạn về một tấm lòng quê hương êm mát và sâu kín.

Trong cái tấm lòng quê hương mát mẻ của Thạch Lam, đôi lúc vẫn lên cái bóng dáng một vài con người thực dân Pháp, cái bóng dáng một *Người đầm*. Mặc dù chỉ là vài nét chân dung chấm phá, lồng vào khuôn khổ hẹp của một câu chuyện kể lại theo thể thức một truyện ngắn, truyện *Người đầm* gọi nhiều. Nó không dám công khai hô hào cổ võ, nó chỉ nói thầm, nhưng lại nói thầm một cách rành rọt. Dưới cái thời Tây còn làm chủ nước ta, Thạch Lam bỏ nhỏ vào tai bạn đọc mình những điều ghê gớm mà Tây thuộc địa không muốn một người "bản xứ" nào bàn đến, hoặc là đặt ra đặt lại bằng bất cứ cách nào.

Lòng yêu âm trầm đất nước quê hương ông bà đã luyện cho Thạch Lam một cách nhìn ý nhị về người đầm xâm nhập trái phép vào ta. Thạch Lam đã lễ phép mà trình bày một hình tượng của cái sự kiện lịch sử đó. Có người bảo lối viết hàm dưỡng kín đáo ấy, cũng là một cách để lọt lưới kiểm duyệt thời xưa. Có thể có cái khía ấy nữa, nhưng theo tôi nghĩ, đây chính vẫn là cái phong cách im ả thâm thúy của Thạch Lam. Qua cái hơi văn càng bình thản bề ngoài ấy, ta thấy thực dân cái (cũng như thực dân đực) càng trở nên kịch cỡm, nó dị dạng tới cái mức phải cho nó cút đi khỏi cái chân trời chung của cả tác giả lẫn độc giả.

Truyện *Người đầm* xem như là lối truyện không nặng về cốt câu chuyện. Nó nặng về biểu hiện mặt trong của suy nghĩ, hơn là diễn tả cái bên ngoài. Hầu hết là bút pháp của độc thoại nội tâm, trừ một vài chặng đối thoại, như chỗ bà đầm nói chuyện với chú bé bán kẹo vừng bên Hồ Kiếm. Đọc truyện, tôi thích những tác giả có cái bút lực dựng đám đông tấp nập, ồ ạt nhiệt náo, quát thét, vận động nhiều, hành động nhiều hơn là bàn bạc. Nhưng tôi lại thích cả những cách diễn đạt trầm trầm mà chuyển, dậm dài một bóng một đèn, một nhân vật đó và mình, thấy cũng thấm đáo để. Nhà văn Thế Lữ có kể lại rằng câu chuyện này là do họa sĩ Nguyễn Gia Trí thuật lại và Thạch Lam đã viết ra theo một cách diễn tả riêng.

Nếu thật là như vậy, thì càng thấy rõ việc sáng tác chính là ở chỗ vận dụng được kinh nghiệm sống, vận dụng được cái vốn suy nghĩ và tưởng tượng của bản thân mình.

Còn như có sống trực tiếp hay chỉ là gián tiếp cái cốt truyện cái khung truyện dựng ra kia, thì đó chưa phải là mặt quan trọng trong sáng tác văn học. Cái chủ yếu vẫn là cái cơ sở nhân sự thực tế, cái vốn thực tế đã tàng trữ, đã thể nghiệm, đã tích lũy. Chuyện của người khác được sống lại một cách sinh động trong truyện kể hấp dẫn của mình, ấy là nhờ có cái sự tích lũy quý báu đó vậy.

Truyện *Nhà mẹ Lê* viết cách đây khoảng hai chục năm mà đọc đến thấy đâu như chuyện năm ngoài năm kia gì đó. Đọc *Nhà mẹ Lê*, có lúc cứ lầm tưởng đâu như là Thạch Lam có đi theo một đội phát động nào? Cũng cảnh đi làm thuê ở mướn. Cũng địa chủ tàn bạo. Cái thảm kịch của những người nhà quê sống những năm khủng hoảng kinh tế 1930-1935 dưới thời đế quốc. Cũng cảnh nhà nghèo mà lại đông những mười một mụn con, đến nỗi người cùng xóm phải nhắc "thình thoảng đếm lại con không quên mất". Người mẹ muốn lao động mà không có quyền lao động. Kẻ giàu đã không cho vay gạo nuôi con, lại còn xùy chó Tây cắn chết. Bao nhiêu đoạn khổ tình thương.

Để thấy rõ thêm con người và thái độ của tác giả *Nhà mẹ Lê* xin dẫn ra đây một đoạn văn

Thạch Lam ghi vào lời nói đầu tập truyện ngắn *Gió đầu mùa*: "... Đối với tôi, văn chương không phải một cách đem đến cho người đọc sự thoát ly hay sự quên, trái lại, văn chương là một thứ khí giới thanh cao và đặc lực mà chúng ta có, để vừa tố cáo và thay đổi một cái thế giới giả dối và tàn ác, vừa làm cho lòng người được thêm trong sạch và phong phú hơn".

Trong bài phê bình *Người nhà quê trong văn chương*, Thạch Lam còn có những mong muốn rất là cụ thể:

" Sự thực người nhà quê chỉ yêu quý ruộng đất chừng nào mà họ là chủ ruộng đất...".

" Chúng ta phải đợi có một nhà văn nguồn gốc ở đồng ruộng, tự cày bừa lấy trang sách nói về người nhà quê, vạch một luống thẳng thắn và mạnh bạo trên đất

o o o

Thạch Lam hay đi vào những cảnh ngộ nghịch trái, mà đồng thời cũng là đi sâu vào những tâm trạng, tâm tình, cảm xúc cảm giác. Truyện *Tối ba mươi* dựng lên cái tâm trạng đau thương của những người đàn bà phải lấy thể xác ra làm hiện vật buôn bán trong một cái xã hội mà tiếng nói của đồng bạc là tiếng nói quyết định. Họ chịu đựng sự rẻ rúng của xã hội tiền bạc, nhưng đôi lúc, - như cái lúc hết một năm để sang năm khác của đời con người ta, - trong cái tâm hồn đọa lạc và đùng đục ấy, vẫn sáng lên những ý nghĩ và tình cảm trong lành. Truyện *Sợi tóc* ghi lại một cơn bão phút giây trong một tâm tư, ghi lại những cái tinh tế của một cuộc giao tranh luân lý giữa cái thiện và cái ác, giữa chính và tà, mà "chỉ một sợi tóc nhỏ, một chút gì đó, chia địa giới của hai bên". Không dùng những chữ to tát, giọng Thạch Lam điềm tĩnh pha mỉa mai nhẹ nhàng nó cũng là cái lối nói quen thuộc của tác giả. Với giọng đó, Thạch Lam trình bày một trường hợp về nhân phẩm con người, và ghi lại một chiến thắng của một cuộc đấu tranh tư tưởng trong cái bản thân một người. Trong cuộc sống phức tạp hàng ngày, con người đạo đức trong chúng ta, ở thời cũ đó, đã có dịp dẹp tan biết bao vụ ăn cắp ăn trộm xảy ra trong ý nghĩ chúng ta như thế, mà chúng ta, vì bận rộn quá, hay quên đi đó thôi! (Trong con người, vốn lại hay có những cái vĩ đại bị vệt ố của hèn hạ). Nhìn qua *Sợi tóc*, vượt lên cái bề ngoài những đoạn văn hoài nghi, người bạn đọc sâu sắc sẽ tìm thấy thực chất của truyện *Sợi tóc* là một truyện đem lại sự yên tâm cho ta hơn là ngờ vực.

Dưới bóng hoàng lan, nhân vật có bà và cháu, cháu đi làm trên tỉnh. Một cô thôn nữ Nga vẫn chờ đợi xây dựng với cái anh Thanh đi làm việc trên tỉnh kia. Cái bóng cây có hoa thơm ở đây, dưới ngòi bút Thạch Lam, cũng đóng một vai nhân vật. Nhân-vật-cây-cỏ-hoa ấy đem đến cho người đọc một cái gì nhẹ nhõm thơm lành, và mát dịu, và giúp thêm cho tác giả định nghĩa về danh từ quê hương nó là "một nơi mát mẻ và sung sướng để thường để nghỉ sau việc làm". Bóng hoàng lan đây, là một cái bóng mát ở một chốn quê cũ của tuổi thơ trẻ, nó giúp cho người bộ hành nghỉ chân trên đường đời, trước khi tiến lên nhiều chặng nhiều quãng mới. Những cái bóng mát này, rất cần, mặc dù trong thực tế cuộc sống nhỡn tiền, có nhiều chặng nghỉ, có nhiều cách nghỉ không hoàn toàn giống hẳn như trong truyện "có cái gì dịu ngọt chẳng tơ đâu đây, khiến chàng vương phải".

Đi sâu vào sở trường của mình là tả những tâm trạng, Thạch Lam đã dựa trên một sự việc nhỏ bé hàng ngày như cái việc đi xe và mặc cả xe kéo hồi trước đây, mà dựng nên truyện *Một cơn giận* để nêu lên một cái sự thật thường xảy ra luôn luôn trong cuộc sống tình cảm:

"Sự giận dữ có thể sai khiến ta làm những việc nhỏ nhen không ai ngờ". Và "người ta có thể tàn ác một cách dễ dàng". Một cơn giận đây có giá trị của một sự kinh nghiệm về cuộc sống hay bày vẽ ra một số oan khiên vô ích. Cái kinh nghiệm ấy được kể lại với sự chân thành nhiệt

ái và lòng hối lỗi. Nó có cái tác dụng của những lời ân cần nhắc cuộc sống hàng ngày hãy coi chừng với bản thân mình, tỉnh táo hơn, tỉnh táo trong xúc động, trong phản ứng để cuộc sống mọi người bên mình thêm nhiều công bằng và nhịp nhàng hơn.

o o o

Đọc Thạch Lam, có người chê câu văn Thạch Lam và nói chung văn phẩm Thạch Lam là ít động tác ít hành động, và kết luận: "Cho nên Thạch Lam viết truyện dài không thành công". Tôi đồng ý là truyện dài Ngày mới của Thạch Lam không thành công, nhưng rất dè dặt về cái điểm "câu văn và văn phẩm nhất thiết phải có động tác phải nhiều hành động" bởi vì nhiều khi, nhiều động tác quá thì lại hóa ra tẻ tụi. Cái chính trong truyện là nhân vật có làm, phải làm cái này cái kia, nhưng nhân vật còn phải có cảm có nghĩ, có suy nghĩ nữa. Và cái thế giới bên trong đó của một nhân vật của những nhân vật rất là cần cho sinh khí tiểu thuyết. Cái phần ấy mới đem đến cho nhân vật một cái chiều sâu và do cái thâm thúy đó, mới thỏa mãn được người bạn đọc và giúp gì cho người bạn đọc.

Về Thạch Lam và đọc truyện ngắn Thạch Lam, tôi cứ nghĩ như đó là một người tính tình nhẹ nhàng tinh tế, từng trải sự sống ở một số mặt sống, vừa sống vừa lắng nghe chung quanh cùng là lắng nghe mình phản ứng trước mọi diễn biến cả bên ngoài bên trong mình. Rồi trang trọng đề nghị với mọi người cùng bàn về điều hơn lẽ thiệt, mặc dù cái điều hơn thiệt đưa ra bàn bạc có khi chỉ nhỏ như một sợi tóc... Nhưng đứng về mặt góp phần vào việc xây dựng một nền văn xuôi Việt Nam hãy còn trẻ tuổi, đứng trên chỗ đó mà bàn về Thạch Lam thì cũng dễ có sự đồng tình của tất cả, để cùng thấy cái chỗ đóng góp của nhà văn xuôi Thạch Lam. Bằng sáng tác văn học, Thạch Lam đã làm cho tiếng nói Việt Nam gọn ghẽ đi, co duỗi thêm, mềm mại ra, và tươi đậm hơn. Thạch Lam có đem sinh sắc vào tiếng ta. Và theo tôi nghĩ, đứng bên cái tiêu chuẩn thái độ tư tưởng nó là cái tiêu chuẩn chung cho các thể các ngành văn nghệ, thì đây là một cái chuẩn quan trọng - nếu không là duy nhất - để nhận định giá trị của một nhà văn, nhà văn ấy dù qua đời rồi hoặc còn đang làm việc cho văn học. Và đánh giá một nhà văn, đứng về nghề nghiệp chuyên môn mà bàn, thì giá trị một nhà văn xuôi, cụ thể còn là những công đức lập ngôn của nhà văn đó mở mang thêm vốn liếng dân tộc về tiếng nói được tới mức nào, và đã góp được phần sáng tạo của mình vào ngôn ngữ Việt Nam như thế nào.

10-1957

Cái ấm đất và bộ chén trà Nguyễn Tuân tặng Thạch Lam Nguyễn Tường Giang

Bài viết sau đây là của người con trai thứ hai trong gia đình Thạch Lam và sinh mấy ngày trước khi ông qua đời. Bài được viết cuối năm 2013 và lần đầu in trên Giai Phẩm Xuân Người Việt, Giáp Ngọ 2014.

Khi tra trên mạng, tôi chỉ nhận được con số phổ biến bài, tính đến ngày 4-7-2016, là 229. Ở trong nước, bài được in trên mấy trang mạng chuyên về trà và các loại mỹ nghệ phẩm trong đó có một trang của cơ sở Ba Mẫn chuyên cho thuê bàn ghế, chén đĩa, công hoa. Nghĩ rằng bài viết giúp ta hiểu thêm cả không khí văn học thời tiền chiến, lẫn những phiêu pha trôi nổi đã đến với các giá trị đậm bạc nhưng cao quý trong những năm chiến tranh cũng như hậu chiến, nhân ngày sinh của hai ông Thạch Lam 7-7 và Nguyễn Tuân 10-7, tôi xin được phép giới thiệu lại, kèm theo là một ít ghi chú nhỏ đưa ở cuối bài.

Tôi vẫn thường tưởng tượng một cảnh gặp gỡ như vậy giữa Nguyễn Tuân và Thạch Lam. Mẹ tôi khi còn sống không bao giờ (và có lẽ cũng vì tôi không hỏi) nói về cái buổi Nguyễn Tuân đến nhà tặng Thạch Lam một bộ đồ trà.

Trời mới vừa hửng sáng, đám sương mù dày đặc từ đêm hôm trước như có linh hồn của một người yếu công việc thấy được ánh sáng đầu ngày đã vội vàng tản mát trên mặt nước Hồ Tây, như những người thợ cần mẫn vội vã đến nơi làm việc. Phía trong làng hoa Yên Phụ, những người trồng hoa đã bắt đầu gánh sản phẩm của những ngày lao động vội vã đi về phía đê Yên Phụ rồi tản mát đến các khu họp chợ để phân phát hương thơm và màu sắc cho những thiếu nữ mộng mơ.

Trên đê Yên Phụ lúc đó, người phu xe cũng vừa ngừng chạy, đặt hai cái càng xe xuống mặt đường. Một người đàn ông tầm thước mặc đồ âu tây trắng, đội mũ phớt trắng chậm rãi bước khỏi xe. Ông cẩn thận ôm trên tay một cái bọc vải màu nâu gụ, dặt dờ thời gian người phu xe trở lại đón rồi thông thả đi xuống đê, rẽ vào con đường làng nhỏ ngược chiều với những gánh hoa đủ màu sắc. Qua cái đình có vẽ hình một con hổ vàng vằn đen, phía trước đình là một cái ao dài và nhỏ còn vương lại mấy lá sen tàn, ông nhẹ nhàng đẩy cánh cổng gỗ của căn nhà đầu tiên trên đường.

Đó là một căn nhà tranh vách đất nằm bên cạnh Hồ Tây, một bụi tre khế lay động trước nhà và ông nhìn thấy phía bên nhà ngó ra hồ những cành liễu rũ xuống lấp lánh lá còn ướt sương. Ông đứng trước cửa nhà bằng tre, khẽ gọi: chị Lân, chị Lân. Cánh cửa hé mở, một người đàn bà nhỏ nhắn xắn tóc trần thò đầu ra: à anh Tuân, anh đến chơi sớm. Nhà tôi đang ở phòng viết, mời anh vào chơi. Người đàn ông bước vào nhà, để cái bọc vải trên mặt bàn bằng gỗ, cũng vừa lúc đó chủ nhân ở căn phòng nhỏ bước ra.

Chủ nhân người gầy, cao, nét mặt thanh tú, đôi mắt sâu và lông mày rậm. Hai người bắt tay nhau: anh ngồi chơi, lâu không thấy anh tới tưởng anh lại đi giang hồ đâu xa. Hai người ngồi xuống hai chiếc ghế mây ở hai đầu bàn, người khách mở gói vải bày ra mặt bàn một bộ đồ trà và một hộp trà nhỏ: xin chị cho một ấm nước sôi. Chủ nhà tò mò ngắm nghía bộ đồ trà: một cái ấm trà màu đỏ chu sa, một cái đĩa bàn lòng chảo bằng sứ men trắng dưới lòng đĩa có vẽ hình những con kỳ lân với những cái đuôi dài quấn vào nhau, tựa như một tấm bản đồ cổ. Một cái chén tổng và một chén quân có cùng một họa hình như cái đĩa bàn, còn một chén quân khác vẽ cảnh bốn người ngồi trong thuyền ngoạ cảnh bên bờ nước có những tảng đá lớn có một cái cây nhỏ vươn ra. Trên thành chén quân này có bẩy chữ Tàu, ắt hẳn là một câu thơ.

Chủ nhân cười hỏi: không biết đây có phải là bộ đồ trà trong “những cái ấm đất” và “chén trà trong sương sớm” chăng. Tôi nào có nghi ngờ những điều anh viết đâu. Khách biết là chủ nhân chỉ hỏi đùa, ông vẫn cảm cái ơn tri ngộ của một người bạn văn cùng nỗi tình khi viết những lời phê bình cảm động cuốn truyện ngắn ông mới in. Tôi cũng có việc sắp phải đi xa nên đến cùng anh uống vài chén trà từ biệt. Cũng xin để tặng anh bộ đồ trà của gia đình. Khi nào anh uống trà sẽ nhớ đến Nguyễn này.

Một cái hỏa lò đã được mang lên cùng một cái ấm đồng, than trong hỏa lò đã đỏ lửa, bọt than nổi tí tách. Khách mở hộp trà Thiết Quan Âm mới tìm mua được hôm qua rồi khéo léo và từ tốn pha trà. Hai người im lặng thưởng thức trà rồi nhẹ nhàng nói những chuyện văn chương chữ nghĩa. Họ có nhiều chuyện để nói với nhau bởi đó là hai nhà văn cùng tuổi, cùng thời, cùng nổi tiếng vì những bài viết sâu sắc và tinh tế về nghệ thuật ẩm thực và những thú vui tao nhã xưa và nay. Cả hai cùng mới dứt bỏ được ả phù dung, một người vừa in Ngọn Đèn Dầu Lạc, người kia đã có trong tay bản thảo Mười Năm Đèn Lửa. Phải chăng họ là Bá Nha Tử Kỳ của Văn Chương.

Tôi vẫn thường tưởng tượng một cảnh gặp gỡ như vậy giữa Nguyễn Tuân và Thạch Lam. Mẹ tôi khi còn sống không bao giờ (và có lẽ cũng vì tôi không hỏi) nói về cái buổi Nguyễn Tuân đến nhà tặng Thạch Lam một bộ đồ trà. Chỉ có lần thấy mẹ tôi bày cái ấm trà và cái đĩa có ba chén trà men trắng vẽ hình lam xanh trên bàn thờ vào một ngày giỗ Thạch Lam, bà nói với chúng tôi: cái ấm trà và mấy chén trà này do nhà văn Nguyễn Tuân tặng cậu, hồi còn sống cậu quý lắm.

Tôi nhớ đó là những ngày chúng tôi đã vào ở trong Nam và tôi mới chập chững ở ngưỡng cửa trung học, mới bắt đầu lạc lõng vào thế giới văn chương tiền chiến, biết đôi điều về Thạch Lam và Tự Lực Văn Đoàn. Tôi vẫn chưa bao giờ tự hỏi và tìm hiểu bộ đồ trà này lưu lạc ở đâu, từ ngày Thạch Lam mất đi, ngày 27 tháng sáu năm 1942, ba ngày sau khi tôi ra đời. Sau khi cha tôi mất, mẹ tôi chỉ nán ở lại căn nhà cây liễu cạnh Hồ Tây đôi ba tháng, bà tôi vì thấy cảnh nheo nhóc của ba đứa cháu nội, cho người đón chúng tôi về trại Cẩm Giàng và giao cho mẹ tôi làm quản gia cho trại. Ở đây ba chị em chúng tôi đã sống những ngày tháng êm đềm cho tới khi phong trào toàn quốc kháng chiến bùng nổ. Lúc đó bà nội tôi đã xuất gia, khi ở chùa, khi về thăm trại. Khi phong trào tiêu thổ kháng chiến được phát động, gia đình tôi đã theo đoàn người tản cư chạy ngược lên miền bắc, dần dà đến trú ngụ ở một làng nhỏ và rất nghèo vùng Nhã Nam, Yên Thế.

Trong những ngày đầu của cuộc tản cư gia đình tôi được cho ở tạm trong một căn buồng nhỏ, gàn gian chứa thóc của một gia đình miền quê tốt bụng. Theo lời chị tôi kể, một hôm mẹ tôi trở lại Cẩm Giàng để xem xét tình hình, khi trở về thì căn buồng chúng tôi tạm trú đã bị cháy hết, những di tích kỷ niệm của gia đình như hình ảnh, sách vở và những trang bản thảo của Thạch Lam đều tan thành tro bụi. Gia đình chúng tôi đã sống hơn ba năm ở cái làng Địa heo hút, tôi nhớ là cả gia đình chui rúc trong một căn lều nhỏ, là nơi chủ nhà ngày trước dùng để cất những dụng cụ nhà nông. Căn lều mái tranh vách đất, cửa liếp lỏng lẻo, những ngày mưa mái nhà bị dột và tôi hay ngồi nhìn những bong bóng do nước trên mái gianh nhỏ xuống cái rãnh ngoài cửa liếp.

Tôi không nghĩ lúc đó mẹ tôi mang theo bộ đồ trà mỏng manh dễ vỡ, mặc dù mẹ tôi vẫn có một cái tay nải màu nâu nhưng tôi chưa bao giờ mở ra xem trộm. Tôi tự hỏi nếu mẹ tôi có bộ đồ trà quý giá đó, bà có chịu bán đi cho một người giàu có trong làng để qua cơn nghèo túng, bữa đói bữa no, cơm ăn trộn khoai trộn sắn của chúng tôi hay không. Cho đến khi bà nội tôi dò hỏi và tìm được gia đình tôi, khi theo người dẫn đường trở về Hải Phòng, ngày nghỉ đêm đi, tôi còn nhớ có những đêm nấp trong bãi tha ma thấy những viên đạn lửa như ma trời bay ngang dọc trên đầu. Ở Hải Phòng rồi dọn về Hà Nội cho tới khi di cư vào Nam, gia đình tôi thay đổi chỗ ở ít nhất bốn năm lần, lần nào cũng chỉ sống trong một căn buồng bé con con, tôi chưa một lần nhìn thấy bộ đồ trà.

Cái ấm trà và những cái chén trà, trong khoảng thời gian dài hơn một giáp tuổi đã lưu lạc ở đâu. Những người có thể soi sáng vào cái phần đời còn u tối của chúng tôi giờ đây đã không còn nữa, những thắc mắc, tìm tòi về những kỷ niệm, biến cố liên quan đến một con người bao giờ cũng được nhớ tới một cách muện màng. Phải chăng khi mẹ con chúng tôi rời bỏ trại Cẩm Giàng với những ngày tháng êm đềm, bà nội tôi, người đã bỏ bao nhiêu công lao tạo dựng một nơi chốn để con cháu có những ngày tụ họp, nghỉ ngơi, đã trở về để nhìn thấy căn nhà thân yêu một lần cháy, đã vội vã thu vén những kỷ vật của gia đình, bà đã nhìn thấy bộ đồ trà của đứa con bà yêu thương nhất nhưng mệnh yếu, bà đã bỏ những di vật đó trong cái tay nải nâu sòng của một người xuất gia.

Từ đó, bộ đồ trà của một thời dĩ vãng đã lách cách đi theo bà nội tôi, ẩn náu dưới những mái chùa Đào Xuyên, Bối Khê vùng Hưng Yên để trốn tránh bộ đội Việt Minh đang tìm dấu vết gia

đình Nguyễn Tường Tam, rồi về Thành yên ổn trong ngôi chùa Hai Bà Trưng phường Đồng Nhân, Hà Nội, nơi tôi đã được ăn oản ăn chuối cúng Phật hơn hai tháng trời, vì cái mạng cao số phải nương nhờ cửa Phật để người thân được độ trì, rồi cùng theo đoàn người di cư vĩ đại vào miền Nam. Bà tôi lúc tạm trú ở chùa Văn Thánh Thị Nghè, chỉ cách nơi gia đình tôi trú ngụ có một cái cầu rất ngắn, và cũng có lẽ đó là lúc bộ đồ trà được giao lại cho mẹ tôi, để cái linh hồn của Thạch Lam mỗi lần giỗ tết, sống lại cái quá khứ ở Hồ Tây.

Tôi thừa hưởng cái ấm trà và bộ chén trà từ ngày mẹ tôi mất. Hàng năm anh tôi vẫn làm giỗ Thạch Lam và nhiều năm chúng tôi cũng không quên để bộ đồ trà trên bàn cúng. Chúng tôi vẫn coi ngày giỗ là ngày tụ họp trong gia đình và họ hàng thân quen, và sự gặp gỡ bây giờ lại là ngày chúng tôi nhắc nhở nhiều đến mẹ chúng tôi hơn là Thạch Lam. Chúng tôi hay nhắc nhở tới những thức ăn cúng bà sửa soạn một cách chu đáo và ngậm ngùi, như bà đang sửa soạn bữa ăn hàng ngày cho Thạch Lam và không bao giờ bà quên mua một bó hoa cắm chường để tưởng nhớ người xưa. Chúng tôi cũng không quên rót đầy hai chén trà để lên bàn cúng và cái ấm trà hiện diện như một phần đời của Thạch Lam. Tại sao tôi lại được giữ bộ đồ trà, có lẽ là khi mẹ tôi mất đi, anh tôi vẫn còn độc thân và vợ tôi đã sinh cho bà ba đứa cháu nội.



Tôi có đôi lần mang cái ấm trà ra ngắm nghía, nhất là sau khi đã đọc khá nhiều lần cuốn Vang Bóng Một Thời của Nguyễn Tuân. Khi đọc đến đoạn văn: “Cái ấm của cụ quý lắm đấy. Thực là ấm Thế Đức màu gan gà. Thứ nhất Thế Đức gan gà, thứ nhì Lưu Bội, thứ ba Mạnh Thần. Cái Thế Đức của cụ, cao nhiều lắm rồi. Cái Mạnh Thần song ấm của tôi ở nhà, mới dùng nên cũng chưa có cao mấy”, tôi cũng tò mò nhìn vào lòng cái ấm đất xem có mấy lớp cao và cũng có lần úp ấm trà xuống bìa một cuốn sách để xem miệng vòi với quai và gờ miệng ấm có cắn sát vào mặt bằng của bìa sách hay không, và đôi lần cầu kỳ hơn, thả cái ấm trà vào chậu nước xem có nổi đều, cân nhau không triêng như Nguyễn Tuân đã mô tả trong truyện Những Chiếc Ấm Đất. Vào khoảng năm 1974, tôi nhờ một người bạn thông chữ Hán đọc dùm hai cái triện chữ Tàu ở tròn chiếc ấm và sung sướng như bắt được vàng khi biết đó đúng là cái ấm trà hiệu Thế Đức. Một người sưu tầm đồ cổ đến xem cái ấm trà và cái đĩa cùng ba cái chén uống trà, đã trả giá bằng số lương hai tháng làm việc của tôi như một bác sĩ trong nhà thương, nhưng một vật kỷ niệm trong gia đình, lại là một cổ vật đã được đưa vào văn chương, tôi sao đành lòng rời xa.

Tôi bây giờ đã trên tuổi bảy mươi, cái tuổi cổ lai hi, mới ngẫm nghĩ rằng mọi việc trên đời, từ sống chết, danh phận, giàu nghèo đến tình nghĩa vợ chồng, cha con, bằng hữu, đều có thể buộc vào chữ nghiệp, chữ duyên. Bộ đồ trà đối với tôi, nếu có linh hồn, hẳn phải nợ nần nhau lắm. Cuộc tao loạn nước mất nhà tan năm 1975, gia đình tôi vì may mắn đã di tản trong những ngày cuối cùng của chiến tranh, nhưng ra đi với hai bàn tay không đã là một ân sủng của đất, trời. Những năm tháng đầu tiên trên xứ người, phải bắt đầu lại bằng những bước tập tễnh trong đời sống, dĩ nhiên tôi không bao giờ bận tâm đến bộ đồ trà. Chỉ trong một tích tắc đồng hồ quyết định, những cửa cải vật chất, những sách vở quý giá còn phải bỏ lại hướng chi những vật mong manh như một bộ đồ trà. Sách báo tôi in, bản thảo của nhiều truyện ngắn chưa đăng báo, giấc mơ văn chương tôi hằng ấp ủ, bây giờ đều tan như bọt nước. Cái gánh nặng gia đình

trước mặt đã giữ chặt đôi chân tôi trên mặt đất, xích vào cái thực tế của một đời người. Không định trước, một người chị họ đã sống lâu trên đất Pháp cùng người bạn trai cho biết sẽ đến thăm tôi, sau khi ghé qua Hoa Thịnh Đốn. Lúc đó gia đình tôi đang cư ngụ ở một tỉnh nhỏ vùng tây nam tiểu bang Nữ Ước trong cảnh giúp đỡ của họ đạo Tin Lành, và cũng trên đường người chị muốn đến thăm thác Niagara.

Một sự ngạc nhiên không bao giờ tôi có thể nghĩ tới, là trong những tặng vật chị mang đến cho tôi lại có bộ đồ trà, cái ấm trà và bộ chén trà tôi đã quên bẵng đi như đã quên những vật thân yêu khác. Qua những thư từ liên lạc, hồi đó còn rất khó khăn, với anh tôi và với gia đình bên ngoài, không thấy ai nhắc nhở tới bộ đồ trà tôi đã bỏ lại trong nhà.

Có thể nào trong những ngày tháng hốt hoảng của một thành phố không có tương lai, mẹ vợ tôi đã mang về những đồ đạc, sách vở tôi để lại và trong khi phải đốt hoặc bán chợ trời những cuốn sách chuyên môn hay văn nghệ, những dụng cụ y khoa, bà đã vì một lý do nào đó giữ lại bộ đồ trà di vật của gia đình tôi để trao lại cho anh tôi. Trong những ngày vật đổi sao dời, bị tước đi tất cả những công lao vun xới cùng tự do và nhân phẩm của một con người, bà chị dâu đã phải bươn chải bán dần những tài sản ngoài chợ trời để lo cho lũ con mọn và người chồng trong trại học tập, bộ đồ trà vẫn bám lấy gia đình chúng tôi, như một phần thân thuộc của Thạch Lam. Có thể trong hoàn cảnh của một tương lai mờ mịt, không có hy vọng gì về một cuộc sum họp, người chị dâu tôi đã gói ghém bộ đồ trà kỷ niệm trong gia đình, chuyển đi qua một đại dương cách trở, cái ranh giới giữa kìm kẹp và tự do, như một lời trần trối.

Bộ đồ trà phải lia bỏ quê hương ấy chắc cũng có lúc đau lòng, trong khi phải lưu lạc nửa vòng trái đất từ Sài Gòn qua Ba Lê đến Hoa Thịnh Đốn, rồi dừng lại ở một tỉnh nhỏ heo hút chỉ có dăm ba người đồng hương, cái đĩa bàn đựng chén trà, như một người mẹ muốn che chở mấy đứa con, đã vỡ đi một góc. Tôi nhìn những mảnh sứ vụn rời rạc của chiếc đĩa, đau như có ai cắt vào tay. Vợ chồng tôi đi tìm mua năm bảy loại keo dán đồ sứ, loay hoay cả nửa ngày trời để gắn lại những mảnh vỡ và nghĩ rằng đã có bao nhiêu sự đổ vỡ trong đời không có gì hàn gắn được.

Cái ấm đất và bộ chén trà từ đó lại lẻo đẹo theo tôi hơn một nửa đời người. Hơn một nửa đời người của tôi đã dành cho một nơi cư trú không phải là đất nước quê hương, và cái chên của ngày tháng dễ đến năm mươi năm lại ngã về phần đất này. Trong cái khoảng thời gian đếm dài trên con số nhưng lại rất ngắn trong phần linh hồn, tôi đã phải dờn nơi ăn ở ít nhất cũng nhiều hơn những ngón trên một bàn tay, bộ đồ trà đã có lúc được gói trong những mảnh vải xé, trong giấy nhật trình hay được bày trong tủ kính ở phòng ăn phòng khách. Tuyệt nhiên, nếu tôi nhớ không lầm, chưa có lần nào tôi dám mang ra hầu tiếp bạn bè hoặc pha một ấm trà uống một mình. Có một cái gì thiêng liêng đâu đó, như âm hồn bao nhiêu người xưa cũ còn quần quanh đã khiến tôi biến một vật gia dụng thành một món đồ thờ. Và chẳng, giữa những tháng ngày vật lộn vì mưu sinh ở xứ người, bạn bè cũ mới, mấy ai có thể nhàn rỗi ngồi nhâm nhi chút hương thơm của trà, bàn chuyện lễ nghĩa ở nơi mà người ta có thể biến thời gian thành hiện kim.

Cũng có một khoảng thời gian khá dài, sau khi đã quân bình được cuộc sống, tôi cũng sa đà vào những cái vụn vặt của thú uống trà. Tôi cũng đi tìm mua những ấm trà được tạo dáng khác nhau, những ấm trà có khắc rồng khắc phượng thay đổi màu sắc khi chất nước sôi thấm vào cái phần da thịt của ấm, tôi cũng la cà ở các trà thất khi du lịch ở Trung Hoa để cố tìm những hương vị trong trí tưởng và khi đến Hàng Châu, thủ phủ trà, tôi đã dám tiêu pha mua mấy lượng Ngự Trà, nếu so sánh theo cân lượng, chắc cũng xấp xỉ với giá vàng cùng thời. Nhưng không có gì bằng là có một người bạn được gọi là tri kỷ để có thể cùng ngồi thưởng thức một ấm trà nhỏ trong một ngày tuyết rơi, thì hơi oi, không lẽ tôi lại là cái người tri kỷ của chính tôi. Cái ấm trà và bộ chén trà trong những năm gần đây, thật sự tôi cũng không biết đã ẩn nấp ở

đâu trong nhà. Cái tủ kính để trưng bày mấy bức tượng quý bằng thạch cao, đồ trang trí pha lê và những ấm trà tôi sưu tập, vợ tôi đã đem cho người con gái mới mua nhà. Vợ tôi, như mọi người phụ nữ đảm đang khác, có cái tài tình là cất giữ những món đồ quý giá ở những nơi mà không sao tìm ra được. Cũng đã khá lâu, kể từ khi cứ năm bảy tháng lại nghe tin một người bạn cũ hay một người trạc tuổi mình lặng lẽ ra đi, ở cái tuổi mà mỗi buổi sáng thức dậy đã là một hạnh phúc cuộc sống tặng cho riêng mình, tôi đã có lần tụ họp bốn đứa con để bàn về cái sự chia phần những hiện vật còn lại ở trong nhà, dăm ba cái đồng hồ cũ có tên hiệu, mấy thùng rượu vang của các vùng sản xuất danh tiếng, năm mươi bức tranh của một số họa sĩ Việt Nam còn sống hay đã chết, các bức tượng bằng sứ hay thạch cao...

Riêng có bộ sưu tập những phác họa của Nguyễn Gia Trí và bộ đồ trà của Nguyễn Tuân tặng Thạch Lam, tôi luôn luôn muốn giữ lại để góp một phần nhỏ trong những di vật cho một viện bảo tàng hay nhà lưu niệm Tự Lực Văn Đoàn, khi các cơ sở này được thành lập và quản trị bởi những người yêu văn hóa nghệ thuật và có thiện tâm.

Tôi sẽ không có cơ hội cặm cụi viết những dòng chữ về cái ấm đất và bộ chén trà của Nguyễn Tuân tặng Thạch Lam để có dịp nhìn lại và tìm hiểu về món kỷ vật đã có cái duyên theo tôi trên một nửa thế kỷ, nếu cách đây khoảng một tháng Nguyễn Tường Thiết, người anh họ tôi, đã không gọi tôi hỏi han về bộ đồ trà này. Thiết nói với tôi: cái ấm đất Nguyễn Tuân tặng Thạch Lam là một chuyện thú vị lắm chứ, sao ông không viết vài hàng về nó. Thiết cho tôi biết lần đến thăm tôi cách đây hơn nửa năm, chủ yếu để nhìn tận mắt cái ấm đất mà Nguyễn Tuân đã tỉ mỉ tả trong truyện ngắn của ông, nhưng lại vì những chuyện đầu đầu quên đi không hỏi tới. Đối với tôi, cái ấm đất và bộ chén trà nhiều khi không còn hiện diện, mà chỉ là những kỷ niệm liên hệ đến cha tôi, mẹ tôi, căn nhà tranh ở Hồ Tây và người văn sĩ tài hoa Nguyễn Tuân một lần đến thăm, một thời nào đó đã xa, đã xa xôi lắm như chỉ có trong giấc mơ.

Vợ tôi, sau cả ngày lục lọi, cuối cùng cũng tìm ra cái ấm trà và bộ đĩa chén để trong một cái túi nhựa giấu sâu trong giá sách, mà thời buổi này chẳng còn mấy ai có thì giờ để đọc một cuốn sách in. Tôi nhìn thấy bộ đồ trà, lòng ngẩn ngơ như gặp lại một người bạn cố tri nhớ mà không muốn gặp. Đã từ lâu tôi đã quên đi những thú uống trà, nghe nhạc, đọc sách. Cái giấc mộng văn chương một đời người tôi tư tưởng, giờ đây thật lòng tôi chỉ muốn quên đi. Tôi chỉ muốn giữ gìn sức khỏe để sống nốt cái đời của một người già cả, bệnh hoạn, không còn muốn làm phiền đến cả chính mình.

Nhưng cái đĩa bàn đựng chén trà sau những lần di chuyển hay vì những đường hàn gắn đã quá lâu, lại phơi bày những mảnh vụn ngổn ngang. Trong khi vợ tôi loay hoay vá lại những mảnh vỡ, tôi tò mò ngắm nhìn những họa hình trong lòng đĩa và trên thành chén, mấy cái chữ Tàu ở tròn đĩa và chén có vẻ giống nhau, và bảy chữ Hán in trên một cái chén quân lạc điệu chắc hẳn là một câu thơ, tôi chợt tự hỏi không biết cái xuất xứ của các vật nhỏ nhắn, xinh đẹp và cổ xưa này. Nhân có một người bạn trẻ thông thạo chữ Hán, đã từng cho tôi coi những bài thơ làm bằng tiếng Hán của anh, tôi vội vã gói cái ấm đất và bộ chén trà đến nhờ anh đọc dùm. Anh cho tôi biết đôi điều về cái chất đất sét đặc biệt có trộn cát ở huyện Nghi Hưng vùng Giang Tô, nơi đã sản xuất những ấm trà Thế Đức, Lưu Bội, Mạnh Thần. Hai chữ Nội Phủ ở tròn đĩa và chén là sản phẩm đồ sứ men lam Huế (bleus de Huế) đặc thù của thời kỳ mạt Lê/Trịnh Sâm qua nhà Tây Sơn và kéo dài đến mấy triều đại đầu tiên của nhà Nguyễn Gia Long. Tôi độ chừng những cổ vật này cũng đã có số tuổi trên dưới hai thế kỷ, đã được nâng niu nhẹ nhàng bởi những ngón tay khéo léo của dòng họ Nguyễn Tuân, và một ngày nào đó xa, cụ tú Hải Văn Nguyễn An Lan đã ngồi uống trà, khề khà kể những chuyện vang bóng một thời cho người con cả tài hoa, người con đã mang trong người dòng máu giang hồ như một chứng tích của gia đình, Nguyễn Tuân.

Nguyễn Tuân, một người cầu kỳ và khinh bạc, Thạch Lam, một người trầm lặng và khó tính, tôi vẫn không hiểu hoàn cảnh nào đã đưa hai người văn sĩ tài hoa của hai dòng bút pháp khác biệt đến với nhau. Giữa tháng sáu năm 1940, Thạch Lam viết bài phê bình cuốn *Vang Bóng Một Thời* của Nguyễn Tuân trên báo *Ngày Nay*. Nhà thơ Đinh Hùng, một người bạn trẻ thường xuyên có mặt ở nhà Thạch Lam, chỉ gặp Nguyễn Tuân ở đó có một lần, ắt hẳn cái giao tình giữa hai người không phải chỉ đếm bằng những lần gặp gỡ.

Mười lăm năm sau cái chết của Thạch Lam, tháng bảy năm 1957, giữa cái thời văn nghệ miền Bắc đang sôi động về vụ Nhân Văn Giai Phẩm, cái thời mà những tác phẩm văn chương của nhóm Tự Lực Văn Đoàn như Khái Hưng, Nhất Linh, Hoàng Đạo, Thạch Lam bị coi như cấm kỵ và phản động (một người bạn tôi gặp ở Hà Nội năm 1994, hiệu trưởng một trường nữ trung học nổi tiếng, đã kể cho tôi nghe khi còn ở đoàn thanh niên Tiên Phong, chỉ vì chép tay truyện *Dưới Bóng Hoàng Lan* của Thạch Lam mà bị kiểm thảo nặng nề), Nguyễn Tuân đã vì lý do nào viết bài ca tụng văn chương Thạch Lam.

Rồi ba mốt năm sau, năm 1973, Nguyễn Tuân đề tặng Thạch Lam bài tùy bút *Giò Lụa* của mình và một tháng sau viết về Cốm, phải chăng sau bao nhiêu thăng trầm của cuộc đời, ông chợt động lòng nhớ đến người bạn xưa của Hà Nội Ba Mươi Sáu Phố Phường. Cái ấm đất và bộ chén trà của Nguyễn Tuân tặng Thạch Lam, cuối cùng, như hai người tri kỷ cùng im lặng thưởng thức cái hương vị của một ấm trà ngon, chính là chứng cứ lặng lẽ cho một tình bạn âm thầm và sâu xa, mãi mãi giữ kín ở trong lòng.

10:50 tối ngày sáu tháng mười năm 2013

Một số chi tiết liên quan tới mối quan hệ Thạch Lam- Nguyễn Tuân

1/ Với *Vang bóng một thời* (1940) Nguyễn Tuân xuất hiện hơi muộn, trong khi Tự lực văn đoàn lúc này đã đến độ chín và hoạt động tương đối khép kín. Nhưng theo chỗ tôi nghe được từ những người thạo về văn học tiền chiến, khi nhìn ra các nhà văn bên ngoài văn đoàn của mình, từ Nhất Linh Khái Hưng trở đi chỉ phục có Nguyễn Tuân.

2/ Trong thời gian chủ trì tờ *Ngày nay*, khoảng 1939-1940, Thạch Lam có biệt nhãn với nhiều cây bút mới nổi trong thời gian đó, bất kể họ thuộc dòng phái nào. Trên một chuyến tàu Hà Nội – Hải Phòng, ông ngẫu nhiên bắt gặp Hồ Dzếnh, sau đó đã có bài giới thiệu *Chân trời cũ*. Thạch Lam cũng đã có một bài viết ngắn về Nguyễn Hồng sau *Những ngày thơ ấu*. Riêng bài viết về Nguyễn Tuân của ông thì mới đây thôi, khoảng 1984-85, còn thấy in lại. Tôi hiện không có trong tay nên không thể trích ra đây được bài này, chỉ nhớ có một ý độc đáo, trong đó Thạch Lam nói rằng chính đức nhẫn nhịn hy sinh mới là một đặc tính ẩn sâu trong lớp người Việt tinh hoa từng thấm nhuần phần tốt đẹp nhất của văn hóa phương Đông và ông đã tìm thấy điều này trong truyện *Ngôi mã cũ*.

3/ Từ 1956, 1957, khi nhà xuất bản Hội nhà văn ở Hà Nội được thành lập, những người phụ trách liền có kế hoạch in lại một số tác phẩm tiền chiến, nhờ thế mà lớp trẻ năm ấy ở tuổi 14-15 chúng tôi mới được đọc *Nước giếng khơi* của Nguyễn Bính, *Quê mẹ* của Thanh Tịnh, *Giăng thẻ* của Tô Hoài. *Vang bóng một thời* và *Truyện ngắn Thạch Lam* (tuyển tập) cũng ra đời trong dịp này, một của chính Nguyễn Tuân, một do Nguyễn Tuân viết lời giới thiệu.

Sau lần ra mắt đó, mãi tới khoảng 1985 ở Hà Nội, Thạch Lam mới được in lại, và bài viết của Nguyễn Tuân về ông thì được đưa vào trong hầu hết các tài liệu nghiên cứu. Nên biết thêm là

tuy không được in, nhưng tác phẩm Thạch Lam vẫn được bạn đọc thủ đô những năm đó, nhất là lớp trẻ học sinh sinh viên âm thầm tìm đọc. Hồi đó chưa có photocopy, nên câu chuyện một bạn trẻ nào đó ngồi chép lại cả truyện *Dưới bóng hoàng lan* chắc là chuyện có thật, bản thân tôi trong năm cuối học Đại học Sư phạm Hà Nội cũng đã ngồi chép *Cô hàng xén* trên mấy trang giấy xấu chỉ có ở Hà Nội trước chiến tranh để đọc đi đọc lại. Vì sao ư, vì tôi nhìn thấy trong nhân vật Tâm bóng dáng người chị thân yêu của mình. Khác với Nhất Linh Khái Hưng ..., Thạch Lam vẫn được các cuốn lịch sử văn học coi như một tác giả đáng mến mộ nhất của sinh hoạt văn học 1930-45.

Theo chỗ tôi nhớ, hầu như chưa bao giờ Thạch Lam trở thành đối tượng để các nhà nghiên cứu phê phán trong khi họ đua nhau hạ xuống đất đen Tự lực văn đoàn.

4/ Nguyễn Tuân vốn được ngưỡng mộ sau những bài viết rất nhanh ngay sau cái chết của Tản Đà và Vũ Trọng Phụng; mấy năm trước khi qua đời, chính ông có lần nói với tôi là về già không sao có nổi cái bút lực như lúc trẻ viết về hai tác giả trên. Bài viết về Thạch Lam không có được cái xuất thần như thế. Nhưng nó vẫn được nhắc nhở vừa để cho thấy cái thuỳ chung như nhất của Nguyễn Tuân, vừa là một bằng chứng khẳng định tài năng bền vững với thời gian của Thạch Lam. Trong bài viết trên của Nguyễn Tường Giang, tôi thích nhất cái câu khái quát “Nguyễn Tuân, một người cầu kỳ và khinh bạc, Thạch Lam, một người trầm lặng và khó tính, tôi vẫn không hiểu hoàn cảnh nào đã đưa hai người văn sĩ tài hoa của hai dòng bút pháp khác biệt đến với nhau”. Nhưng đây là cả một câu chuyện dài, tôi không đủ sức để nói ngắn gọn ở đây được.

Thạch Lam, Thế Lữ, những điều còn nhớ Song Kim

Thế Lữ thường nói về Thạch Lam bằng những lời rất ưu ái: “Một tâm hồn rất trong sáng, hồn hậu, một con người điềm tĩnh và có bản lĩnh.” Có một thời gian dài hai người cùng làm việc với nhau ở báo Ngày Nay.

Lúc đó tờ báo có uy tín khá rộng rãi, hầu hết những cây bút chủ lực trên văn đàn như Xuân Diệu, Huy Cận, Anh Thơ, Tô Hoài, Nguyễn Nhược Pháp, Nguyễn Hồng, Chế Lan Viên... đều được báo Ngày Nay giới thiệu. Tờ báo có một quy định chặt chẽ, tất cả những người trong nhóm Tự Lực Văn Đoàn đều phải thay nhau làm chủ bút sáu tháng. Đó là một cách “đào tạo” rất đặc biệt. Vì trong thời gian đó năng lực và trách nhiệm của người chủ bút được bộc lộ hết. Trong thời gian làm báo, có lần Thế Lữ được giao việc kiểm tra lại và hủy bỏ số bài lai cáo gửi đến báo với số lượng lớn. Buổi đêm về nhà đọc lại, anh phát hiện một truyện rất hay của Tô Hoài bị bỏ qua. Ngay đêm đó Thế Lữ đi xe kéo đến nhà Thạch Lam. Sau khi đọc bản thảo truyện ngắn, Thạch Lam nói: “Suýt nữa chúng ta bỏ qua một bản thảo quý.” Và ngay sau đó truyện ngắn này đã được in trên Ngày Nay.

Tôi quen biết Thế Lữ khi anh đã có những hoạt động trên kịch trường, tuy vẫn còn làm việc ở báo Ngày Nay. Rất nhiều bạn bè trong nhóm Tự Lực Văn Đoàn như Khái Hưng, Hoàng Đạo, Nhất Linh đều phản đối, không muốn cho Thế Lữ làm kịch. Họ sợ “mất” con người văn chương của Thế Lữ. Tuy bề ngoài vẫn lịch sự, nhẹ nhàng, nhưng bên trong có ý không tán thành. Vì họ nghĩ rằng tôi đã “dụ dỗ” anh Thế Lữ đi theo sân khấu. Đành rằng tôi sẵn có máu ham mê sân khấu, kịch trường từ nhỏ. Nhưng nếu như chiếc cầu nối giữa cuộc sống của tôi với sân khấu không phải là anh, nhà thơ Thế Lữ, thì có lẽ cuộc đời tôi đã đi theo một hướng khác. Trái với cả nhóm Tự Lực Văn Đoàn, Thạch Lam và Tú Mỡ rất lại ủng hộ việc làm kịch của Thế Lữ. Một số vở kịch của Thế Lữ như *Lọ vàng*, *Ông ký cốp*, *Gái không chồng*... Thạch Lam đều đi xem và sau đó có viết bài nhận xét. Tôi gặp Thạch Lam lần đầu trong một đêm kịch. Sau giờ biểu diễn, anh Thế Lữ dẫn đến trước mặt tôi một người bạn. Anh nói khề khàng nhưng không

giấu vẻ xúc động và trân trọng: “Đây là nhà văn Thạch Lam.” Trước mắt tôi, một người thanh niên cao, gầy, có cặp mắt rất sáng, gương mặt trắng trẻo, đượm buồn, trông nhanh nhẹn và rần rỏi. Thế Lữ kể với tôi hồi đó có một thứ dụng cụ để thử bóp tay bằng lò xo. Khi thử sức mình Thạch Lam thường bóp vào những số mà chỉ mấy anh “tây đen” mới đạt tới.

Từ khi làm bạn đời với anh Thế Lữ, tôi lại càng có nhiều dịp gặp gỡ Thạch Lam. Ngày ấy, để đến được với sân khấu, đến được với nhau, tôi và anh Thế Lữ phải nỗ lực rất nhiều để vượt qua những khó khăn, trở ngại trong cuộc đời. Thời gian đầu chung sống, chúng tôi chưa có nhà riêng. Thạch Lam đã mời vợ chồng tôi đến ở chung với gia đình anh. Chúng tôi sống cùng với gia đình Thạch Lam khoảng gần một năm. Đó là năm 1941, căn nhà của Thạch Lam ở làng Yên Phụ, ven Hồ Tây. Nhà lá đơn sơ, gồm hai gian, cửa nhà nhìn ra hồ, có một mảnh vườn nhỏ, có cây liễu rủ rất đẹp. Thạch Lam rất yêu cây liễu này – chính anh đã trồng và chăm sóc nó. Có lần, trời mưa bão, một cành liễu bị gãy khiến anh xót mãi. Đồ đạc trong nhà rất đơn sơ, chỉ có hai cái giường và một bộ bàn ghế đã cũ, ở ngoài hiên có kê một cái chõng tre. Bạn bè đến chơi thường ngồi ở đó chuyện trò. Tính tình Thạch Lam rất điềm đạm, không bao giờ to tiếng. Anh thường chỉ nói sau khi đã suy nghĩ chín chắn trong mọi chuyện. Anh trầm lặng, ít nói đến mức bị nhiều người tưởng là kiêu kỳ. Tuy ít nói nhưng Thạch Lam là người rất hóm hỉnh. Nhà tôi kể lại rằng, khi bác sĩ báo cho Thạch Lam biết anh bị lao phổi, anh cũng chỉ thờ dài, rồi im lặng. Thời gian ở nhà Thạch Lam, chúng tôi ăn cơm cùng một mâm với gia đình anh. Lúc này, vợ chồng anh đã có hai con. Cháu gái đầu lòng và cháu trai thứ hai. Mỗi buổi sáng, Thạch Lam thường mặc đồ tây, quần áo chỉnh tề đi đến tòa báo làm việc, tối mới về nhà. Thạch Lam và nhà tôi thường xuyên nói chuyện với nhau thâu đêm suốt sáng về chuyện văn chương. Vợ Thạch Lam là một người đàn bà tính tình xởi lởi, chị hơn Thạch Lam mấy tuổi. Tôi nghe kể Thạch Lam lấy chị, ngoài tình yêu còn có tình cựu mang.

Thỉnh thoảng Thạch Lam lại rủ bạn bè về thăm trại Cẩm Giàng, quê hương thời thơ ấu của anh và nơi đó cũng là nơi mẹ anh sinh sống. Nhà ở Cẩm Giàng của gia đình Thạch Lam gồm có năm gian nhà gỗ, mái lợp rạ, đẹp, thoáng mát và rất giản dị. Bà Thông Nhu, thân mẫu của Thạch Lam là một người cao lớn, thông minh, sắc sảo và rất có uy tín với đàn con thành đạt của mình. Bà có thói quen là cứ đến tối lại chuẩn bị một ngọn đèn rất sáng cho các con ngồi học. Sau này cụ đi tu ở chùa Hai Bà Trưng, rồi vào Đà Lạt và mất ở đó.

Từ khi biết mình bị bệnh lao phổi, Thạch Lam vẫn sống bình thường, hầu như không bao giờ anh nhắc nhở gì đến căn bệnh hiểm nghèo mà mình mắc phải. Khi bệnh trở nặng, anh phải nằm bẹp một chỗ, khoảng gần một tháng rồi mất. Khi chị Thạch Lam có mang cháu thứ ba, mẹ anh đi xem tử vi, ông thầy bói nói là, nếu lần này vợ anh đẻ con trai thì anh sẽ không sống nổi. Khi người nhà báo tin vợ đẻ con trai, Thạch Lam không nói gì, chỉ lặng lẽ cười. Sau đó mấy ngày bệnh tình anh xấu hẳn đi. Mẹ anh cho người đến nhà hộ sinh đón vợ con về. Khi bà chị bế đứa con trai mới sinh đến cho Thạch Lam xem mặt, Thạch Lam còn nói: “Thằng này rồi sẽ cao đến một mét bảy.” Lúc Thạch Lam hấp hối chúng tôi cũng có mặt ở nhà anh (thời gian này chúng tôi đã có nhà riêng). Trước khi mất, Thạch Lam gọi bà chị gái, bảo chị “đỡ em ngồi lên cao một chút để nhìn thấy cây liễu...” Em út Thạch Lam là bác sĩ Nguyễn Tường Bách, sau khi xem bệnh cho anh vội quay mặt nhìn ra hồ. Thạch Lam gọi tên người em mấy lần, nhưng Bách không quay lại. Chúng tôi nhìn thấy nước mắt giàn dụa trên mặt anh.

Khi Thạch Lam mất, nhà tôi rất buồn. Anh đau ốm suốt. Anh Tú Mỡ rất lo cho nhà tôi. Anh Tú Mỡ bảo tôi nên chuyển nhà đi chỗ khác, vì nhà của chúng tôi cũng ở trong làng Yên Phụ, gần nhà Thạch Lam. Sau đó, Tú Mỡ tìm cho chúng tôi một căn nhà ở đường Láng và nhất định bắt chúng tôi phải chuyển đến ở. Mãi những năm sau này nhà tôi vẫn hay nhắc nhở đến kỷ niệm những ngày cùng sống và làm văn chương với Thạch Lam.

Phụ đính:

Thạch Lam nhìn từ góc độ lý luận văn xuôi Vương Trí Nhàn

Những tiền đề

Trong các công trình nghiên cứu về văn học trước 1945, như các giáo trình và sách văn học sử, lời nói đầu viết cho các tổng tập – người ta thường bắt gặp một lối xem xét phổ biến, đó là xem lịch sử văn học giai đoạn này – trước tiên là trên phạm vi văn học công khai – như cuộc đấu tranh của chủ nghĩa hiện thực với chủ nghĩa lãng mạn, rồi kết cục là sự phát triển, sự thắng thế của chủ nghĩa hiện thực.

Theo chúng tôi hiểu, đây là một quan niệm đã làm cho đời sống văn học trở thành khô cứng, nghèo nàn, và không đúng với sự thực.

- Trong thực tiễn sáng tác, lúc ấy những khái niệm như hiện thực, lãng mạn .. gần như không hề có trong đầu óc các nhà văn. Văn học Việt Nam trước 1945, dù đã bước đầu phát triển và phê bình, đã hình thành nên những bộ sách như *Nhà văn hiện đại*, *Thi nhân Việt Nam*, song, chủ yếu vẫn là quá trình mò mẫm, tự phát.

Vả chăng, hiện thực hay lãng mạn chỉ là quy ước. Chưa chắc nó – phạm trù phương pháp – đã có vai trò quan trọng trở thành nhân vật chính của lịch sử văn học như thể loại. Hiện nay, thỉnh thoảng chúng ta vẫn bộc lộ những mâu thuẫn trong việc xem xét một số hiện tượng (ví dụ: Có phải chủ nghĩa hiện thực ngày một phát triển hay nó đi vào bế tắc? Yếu tố hiện thực có ở Nhất Linh, Khái Hưng, thơ Xuân Diệu hay không? Tại sao cùng một số văn phẩm của Thạch Lam, có lúc xếp vào hiện thực, có lúc xếp vào lãng mạn). Thiết nghĩ, đó là do quan niệm về các phương pháp của chúng ta chưa vững vàng, chắc chắn.

Để thoát khỏi tình trạng đó, có lẽ lên giành ưu tiên cho việc khảo sát sự phát triển văn xuôi, thơ, kịch, và tìm cách phác họa ra sự tiến hoá của ngôn ngữ thể loại, cái mà ta tạm gọi là thi pháp thể loại.

Nói như vậy, không phải bỏ hẳn các khái niệm như hiện thực, lãng mạn.

Có điều, nếu vẫn còn sử dụng đến chúng, cần tìm ra cách hiểu thoáng hơn, cởi mở hơn với từng khái niệm đó.

Đây là một vấn đề lý luận khá phức tạp, chúng tôi chỉ xin nói một cách tóm tắt:

- Cách hiểu phổ biến hiện nay về chủ nghĩa hiện thực là nhà văn phải mô tả nhân vật trên cái nền bức tranh xã hội rộng rãi, phải đẩy nó lên trở thành điển hình, có ý nghĩa giai cấp, dân tộc v.v. Tóm lại, là chủ nghĩa hiện thực hiểu theo bề rộng, một thứ chủ nghĩa hiện thực có lẽ được sáng chế chỉ để minh họa cho những cách hiểu thô thiển về lịch sử.

- Còn như sẽ là tiện hơn, hợp lý hơn nhiều, nếu cho rằng vấn đề không phải là bức tranh xã hội. Một tác phẩm như *Ông già và biển cả* của Hemingway sẽ bị coi là không hiện thực nếu lấy quan niệm thô thiển trên làm hệ quy chiếu. Nhưng theo các nhà nghiên cứu văn học thế kỷ XX, có lẽ đó là một trong những tác phẩm nói rất đúng, lột tả được, nắm được cái thần của đời sống nước Mỹ thế kỷ này, và phải gọi nó là hiện thực!

Chủ nghĩa hiện thực theo nghĩa cởi mở giờ đây không bắt buộc phải dựng bức tranh xã hội, phải miêu tả điển hình. Nó có thể chỉ dừng lại ở một vài trạng thái tâm lý mà con người thể nghiệm. Điều quan trọng với nó, là dựng không khí, tạo ra được những ám ảnh đối với bạn đọc, mà trong việc này, thì cái cách đi sâu vào nội tâm là một con đường đầy triển vọng.

Một số đóng góp

Từ bỏ cái khung hiện thực - lãng mạn vốn có, chỉ từ ngôn ngữ thể loại mà xét, có thể xác lập một vài đường dây phát triển của văn xuôi trước 1945. Ví dụ, nếu bắt đầu với Nguyễn Công Hoan, có thể thấy ở ông nhân vật thường gần như không có tâm lý. Nhân vật sinh động, nhưng là cái sinh động trong hành động, giữa tâm lý và hành động không có khoảng cách.

Với tư cách là những người xuất phát sau Nguyễn Công Hoan, Nhất Linh và Khải Hưng có phần đi xa hơn. Cái gọi là đời sống tâm lý trong nhân vật của hai ông bắt đầu xuất hiện. Trong lời tựa *Hồn bướm mơ tiên*, Nhất Linh viết rằng, tác phẩm nhiều khi làm cho người ta cảm động vô ngần. “Cái cảm ấy là một cái cảm nhẹ nhàng phảng phất vui buồn tựa như là những ngày nắng nhạt điểm mưa thưa”.

Sau này một người như Nam Cao sẽ đẩy việc miêu tả nội tâm lên một bước nữa.

Thạch Lam ở vào chỗ nào trong mạch phát triển này? Ít nhất là Thạch Lam cũng có những cách tân khá rõ, so với một người như Khải Hưng. Không phải ngẫu nhiên mà trong lời giới thiệu viết cho *Gió đầu mùa*, Khải Hưng gần như ngả mũ chào, nghĩa là rất “chịu” Thạch Lam. Dưới đây, khi điếm qua một số truyện của Thạch Lam chúng tôi sẽ còn trở lại với một số ý cụ thể trong bài giới thiệu quan trọng ấy.

Đứa con đầu lòng, *Gió đầu mùa* là những truyện mà cốt truyện rất đơn sơ, không có cái lắt léo thường tình mang tính cách bố trí. Tự nó, tâm lý con người là một thứ khung cảnh, cần được bày ra. Để gọi nó người ta đôi khi dùng chữ Tâm Cảnh bao gồm cả những cảnh linh động, nhiều bình diện, lẫn những cảnh trống vắng “không là cái gì cả, sự trống rỗng một phút một giây của tâm hồn” (Khải Hưng)

Một dạng khác: *Sợi tóc*, *Quyển sách bỏ quên*, *Tình xưa*. Trong những truyện này, tâm lý cá nhân hiện ra như một thực thể mong manh, một sự cân bằng không có hình thù rõ, không vững vàng, lại biến chuyển mau chóng. Người ta đâu có bao giờ cũng làm chủ được mọi vui buồn yêu ghét đến trong lòng mình? Trong mắt người khác, ta thoát thế này thoát thế khác, không sao giải thích được. Nếu thành thực, phải nhận là trong lòng ta có những quặng u tối, mà phải can đảm lắm, mới có gan phanh phui. Khải Hưng đã không có gì là quá lời, khi bảo “Đọc nhiều đoạn văn của Thạch Lam, tôi rùng rợn cả tâm hồn vì sự thành thực”.

Thế còn mối quan hệ của nhà văn với những trạng thái tâm lý (của mình cũng của người khác) được miêu tả trong tác phẩm? Thông thường thói quen của người sáng tác và người thường thức ở ta, là buộc nhà văn phải có thái độ rõ, và phải mang những yêu ghét ấy vào trong tác phẩm, để hướng dẫn, hỗ trợ người đọc trên phương diện đạo đức. Kết quả là trong nhiều trường hợp, người đọc cảm thấy bị dắt mũi, những mối phản cảm nảy sinh rất nhanh, và tác phẩm lại gây ra những tác dụng xấu. Một người như nhà văn Nga A. Tchekhov rất có kinh nghiệm về mặt này, ông bảo rằng “Sự lạnh lùng là không thể thiếu, chỉ có những kẻ lạnh lùng mới nhìn sự việc một cách tỏ tường...”. Một nhà nghiên cứu khác đã viết rất hay về Tchekhov: “Trong sự khách quan kỳ diệu của ông, đứng trên tất cả mọi nỗi phiền muộn hay hận hoan, Tchekhov đã thấu triệt và nhìn hết mọi sự vật. Ông có thể hiện từ quảng đại mà không yêu, ông

có thể miễn cảm và thân ái mà không quyến luyến, ông có thể là người gia ơn mà không mong sự trả ơn”.

Thật là kỳ lạ, trong một thiên truyện như *Trở về* của Thạch Lam, nguyên lý khách quan ấy của Tchekhov chẳng những có mặt mà còn đóng vai trò chi phối khá triệt để. Nhân vật chính là một kẻ xấu. Thạch Lam, một người như Khái Hưng nói “tính tình mãnh liệt, quá khích nữa”, có thái độ với loại nhân vật ấy như thế nào, là chuyện dễ đoán. Nhưng đây là trong văn học: Nhà văn Thạch Lam chỉ kể lại mọi chuyện một cách thân nhiên, lạnh lùng. Nhưng che mắt được ai chứ không che mắt được một người như Khái Hưng. Theo Khái Hưng, “sự lạnh lùng ấy giấu một tính tình khinh bỉ, một cảm tưởng chua chát không biết đến chừng nào”.

Chúng tôi ngờ rằng trên con đường đi vào trình bày nội tâm con người, vấn đề này – mối quan hệ giữa nhà văn và những gì được nhà văn mô tả trong tác phẩm – sẽ có lúc được đặt ra, và những cây bút tương lai sẽ tìm thấy sự hỗ trợ ở Thạch Lam cả trên phương diện đạo đức lẫn phương diện nghề nghiệp.

Ý nghĩa

Ai đó từng nói một hướng phát triển của tiểu thuyết thế kỷ XX là “viết chính tả cho ý nghĩ”. Đọc một cuốn tiểu thuyết được giải Goncourt 1984 ở Pháp và đã được dịch ra tiếng Việt như cuốn *Người tình* của Marguerite Duras, người ta thấy điều mà các ngòi bút hiện nay định mô phỏng, không phải là hiện thực, mà là suy nghĩ của con người.

Zatonski, một nhà nghiên cứu Liên Xô trước đây, trong một công trình nghiên cứu mang tên *Nghệ thuật tiểu thuyết và thế kỷ XX*, đặc biệt đề cao một xu hướng phát triển trong tiểu thuyết, mà ông tạm đặt tên là tiểu thuyết hướng nội. Thạch Lam của chúng ta như cũng bắt vào cái mạch ấy. Hướng đi vào tâm lý ở Thạch Lam là một hướng rất hiện đại. Với ông, tâm lý trở thành cái bí mật lớn nhất cần tìm hiểu. Trong tâm lý có thể cả lịch sử, xã hội. Những động thái tâm lý phức tạp là bằng chứng của sự tiến triển trong trình độ làm người.

Để có ý niệm về khả năng dính líu với hiện thực, thông báo về hiện thực – hoặc, nói theo cách nói kinh điển của chúng ta, khả năng phản ánh hiện thực – của truyện ngắn tâm lý, xin thử dừng lại ở một truyện ngắn thuộc loại hay nhất của Thạch Lam, truyện *Hai đứa trẻ*. Phải cố gán ghép người ta mới có thể nói tới một cái gì lơ mờ hiện lên như là bức tranh xã hội ở đây (bức tranh xã hội như chúng ta vẫn hiểu). Có phần chắc hơn, đấy cũng là truyện viết về một trạng thái tâm lý. Nhưng theo chúng tôi, truyện đã nói rất đúng một phương diện của đời sống xã hội Việt Nam trước 1945, thời mà Thạch Lam sống. Chết bằng lặng, tù đọng, mòn mỏi của hiện thực như đã tìm thấy một biểu hiện tuyệt vời. Nó toát lên từ không khí khung cảnh, từ toàn bộ thiên truyện. Mỗi khi muốn hình dung ra đời sống tinh thần của con người trước 1945 tôi rất nhớ đến *Hai đứa trẻ*. Và tôi tưởng, cũng không có gì gượng gạo lắm, nếu bảo rằng truyện là một truyện viết theo khuynh hướng hiện thực. Nếu mở rộng khái niệm chủ nghĩa hiện thực đến mức coi *Ông già và biển cả* của Hemingway mà trên kia đã nói, cũng là thuộc phạm vi *Chủ nghĩa hiện thực*, thì dưới cái ô khá rộng ấy, *Hai đứa trẻ* cũng có chỗ của nó.

Có thể bảo *Hai đứa trẻ* chân thực ở chỗ nó bắt được một thứ rất khó nắm bắt là cái hồn của hiện thực. Nói như Juan Carlos Onette, một nhà văn Mỹ la tinh hiện đại, hiện sống ở Madrid, Tây Ban Nha: “Có nhiều cách nói dối, nhưng cách tởm lợm nhất là nói sự thật toàn bộ sự thật, mà chỉ che giấu cái hồn của sự việc”. Mọi sự so sánh đều khập khiễng. Nhưng nếu ở cuối thế kỷ XIX, Dostoevsky đã có thể bảo, đại ý “Chủ nghĩa hiện thực, đó không phải là *Eugénie Grandet* mà là *Con đầm pích*”[1] thì lúc này đây, chúng ta cũng có thể nói “Chủ nghĩa hiện thực ở Việt Nam trước 1945, đó không phải là *Bước đường cùng* mà là *Hai đứa trẻ*”.

Dẫu sao, việc sử dụng khái niệm chủ nghĩa hiện thực ở đây cũng là có phần mạo hiểm. Cả trên thế giới, cũng như ở nước ta hiện nay, không chữ nào được dùng nhiều như nó. Chỉ có điều khác, ở ta nó bị khuôn vào một cái khung quá chặt chẽ, và hình như có lỗi nữa? – còn ở nhiều nước khác, nhất là trong những tài liệu không bắt buộc phải thật nghiêm túc khoa học, nó lại được hiểu một cách quá linh động và do đó có phần tùy tiện.

Nói như người ta vẫn nói trong vật lý lượng tử *độ không xác định* của khái niệm chủ nghĩa hiện thực ở đây quá lớn.

Thậm chí trong chủ nghĩa hiện thực, thấy bao gồm cả những tác phẩm in đậm dấu ấn của chủ nghĩa tượng trưng, chủ nghĩa ấn tượng.

Đại khái trong nhiều trường hợp người ta dùng nó nhưng chỉ nhận về chất lượng. Cứ cái gì hay có giá trị thì được bảo là “làm vinh dự cho chủ nghĩa hiện thực” với lại “mở ra ranh giới của chủ nghĩa hiện thực.”

Sở dĩ chúng tôi, trong các phần trên, cố cãi lấy được *Hai đứa trẻ* cùng với văn xuôi Thạch Lam nói chung, thì cũng là vì lý do đó. Xin được coi đây chỉ là một giả thiết là việc, bên cạnh một giả thiết khác có lẽ là gần đúng với văn xuôi Thạch Lam hơn. ý chúng tôi muốn viện dẫn tới sự hồi của chủ nghĩa ấn tượng.

Nếu không ngại một lần nữa nhắc tới Khái Hưng, chúng ta có thể bắt đầu bằng cái ý ông đã nêu trong lời giới thiệu *Gió đầu mùa*: trong văn mình, Thạch Lam rất chú ý tới những cảm giác. Tuy Thạch Lam không nói rõ, song ngày nay đọc lại, có thể thấy việc ghi nhận cảm giác, kiểu đó gắn liền với một loạt ngụ ý khác: muốn vượt ra ngoài cái sáo mòn, thành kiến; mở rộng lòng ra để như là lần đầu được tiếp xúc với con người và sự việc; sùng bái cái tươi mới, cái tự nhiên, bao gồm cả những run rẩy bé nhỏ nhất trước hiện thực; từ chối những tình tiết, những cốt truyện gay cấn, coi rằng cái đó không quan trọng, mà chỉ có những ấn tượng chủ quan của mình là quan trọng, từ đó, làm toát lên một cảm giác buồn bã về đời sống, dù vẫn luôn luôn biết rằng chỉ có đời sống mong manh này là đẹp, là bền chắc... Đây là những dấu hiệu điển hình ở chủ nghĩa ấn tượng. Trong một bài báo viết về tranh của các họa sĩ ấn tượng Pháp, tôi thấy người ta còn viết đại ý: nhiều tác phẩm ấn tượng, không gì khác, là sự tưởng nhớ sâu xa những gốc rễ nông thôn mà thành thị còn rất gắn bó. Trong tranh của những C. Monet, A. Sisley, A. Renoir v.v khung cảnh hiện ra thanh bình, con người biết sống hoà hợp với nhau, còn xã hội thì biết khéo léo bảo tồn những truyền thống tốt đẹp của xứ sở. Những điều ấy, lại cũng như là viết riêng ra để cho Thạch Lam! Việc nghiên cứu các pha, các chặng đường phát triển của văn xuôi, còn phải tiếp tục, việc sử dụng các thuật ngữ tiêu biểu cho nghệ thuật phương Tây cần phải hết sức dè dặt, song, dẫu sao, có thể đoán được, nếu có một quan niệm nghệ thuật mà Thạch Lam thấy gần nhất, thấy có thể chia sẻ được, thì chắc chắn đó không phải là những chủ nghĩa hiện thực chủ nghĩa lãng mạn theo cái nghĩa chúng ta thường hiểu, mà chỉ có thể là chủ nghĩa ấn tượng. Trong khi chờ đợi một sự thẩm định đầy đủ hơn, ngay ở đây, chúng ta có thể nói với nhau: Không có gì là đáng ngờ vực một người khi người đó được gọi là có chất ấn tượng cả. Mà đây chỉ là một bước phát triển tốt đẹp. Trên nhiều phương diện, văn phẩm của Thạch Lam đánh dấu trình độ nhuần nhị mà văn học Việt Nam trong nửa đầu thế kỷ này đã đạt tới trên đường tự nhào nặn theo mẫu hình của một nền văn hoá hiện đại.

1992 - Đã in Tạp chí văn học 1992, số 6

Thạch Lam (1910-1942) Thụy Khuê

Tiểu sử: Thạch Lam sinh ngày 7-7-1910, tức ngày 1-6 âm lịch, năm Canh Tuất tại Thái Hà Ấp, gần Hà Nội; mất ngày 28-6-1942 tại làng Yên Phụ cạnh Hồ Tây, vì bệnh lao. Bút hiệu khác: Việt Sinh. Là con thứ sáu trong gia đình, cha là Nguyễn Tường Nhu. Quê nội làng Cẩm Phô, Hội An, Quảng Nam. Quê ngoại: huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương. Tên khai sinh hồi nhỏ là Nguyễn Tường Vinh, năm 15 tuổi làm giấy khai sinh lại, đổi tên là Nguyễn Tường Lân. Năm lên bảy, cha qua đời. Thửa nhỏ học trường sơ học Cẩm Giàng tới 14 tuổi. 15 tuổi, đỗ bằng cơ thủy, xin tăng 4 tuổi để được vào học ban thành chung. Đỗ bằng Thành Chung năm 16 tuổi, sau đó, vào học trường canh nông, được một năm, xin thôi, vào học trường Albert Sarraut. Sau khi đỗ tú tài phần thứ nhất, quyết định nghỉ trường, ở nhà học các anh.

Từ 1931, Thạch Lam bắt đầu làm báo, viết cho những tuần báo Phong Hoá, Ngày Nay, Tiểu thuyết Chủ Nhật. Tác phẩm đầu tay *Gió đầu mùa* tuy được độc giả hoan nghênh, nhưng sách của Thạch Lam tương đối vẫn bán chậm nhất trong Tự Lực văn đoàn. Tập tiểu luận *Theo giòng* chứng tỏ Thạch Lam có một quan niệm rõ ràng về sáng tác và một lý luận văn học chặt chẽ.

Tác phẩm đã in: *Gió đầu mùa*, truyện ngắn, Đời Nay, Hà Nội, 1937. *Nắng trong vườn*, truyện ngắn, Đời Nay, Hà Nội, 1938. *Ngày mới*, truyện dài, Đời Nay, Hà Nội, 1939. *Theo giòng*, tiểu luận văn học, Đời Nay, Hà Nội, 1941. *Sợi tóc*, truyện ngắn, Đời Nay, Hà Nội, 1942. *Hà Nội băm sáu phố phường*, Đời Nay, Hà Nội, 1943.

Theo báo Thanh Nghị (số 17, ra ngày 16-7-1942), Thạch Lam còn để lại hai tác phẩm khác, nhan đề *Huyền và Thập niên đăng hỏa*. Theo Đỗ Đức Thu, Thạch Lam *muốn viết* Thập niên đăng hỏa "Mười năm đèn lửa" nhưng cái chết đến quá sớm. Đinh Hùng cũng nhắc đến thời kỳ thập niên đăng hỏa: "Anh sẽ viết *Thập niên đăng hỏa*, một thiên ký kể lại thời kỳ suốt mười năm anh đan díu với ả phù dung. Hiện anh đã ly dị cùng ả rồi, nhưng "mười năm đèn lửa biết bao nhiêu tình"? (xem bài Đỗ Đức Thu, Đinh Hùng, trên Thế Kỷ 21, số này). Theo Tú Mỡ, Thạch Lam có viết kịch. Trong *Từ điển văn học*, Hà Nội, 1984, Nguyễn Hoành Khung nhắc đến tuy bút "*Nghệ thuật ăn Tết*", bên cạnh "*Hà Nội băm sáu phố phường*".

Khi Đời Nay, cho in *Hà Nội băm sáu phố phường*, có hứa ở trang đầu: "*Chúng tôi sẽ còn sưu tầm văn phẩm về đủ các loại của Thạch Lam để in ra Thạch Lam văn phẩm toàn tập. Tập Hà Nội băm sáu phố phường này là bước đầu trong công việc ấy*". Tiếc rằng Đời Nay đã không tiếp tục công việc sưu tầm văn bản của Thạch Lam, và ngày nay trở thành công việc của chúng ta.

Một chú thích: Trong Văn 36, tưởng niệm Thạch Lam, ra ngày 15-6-1965, có bài sưu tầm của Lãng Nguyên, tựa đề *Thạch Lam ký giả và họa sĩ*, với đoạn sau đây: "*Ngoài tài viết văn, làm thơ, Thạch Lam còn là một họa sĩ. Khi vẽ ông ký tên thật là Nguyễn Tường Lân. Trong Ngày Nay số 2, ta thấy có bài phê bình tranh ông như sau: "Bức họa "Hiện vẽ hoa", cô con gái ngồi im lặng dưới bức rèm vừa cuốn của Nguyễn Tường Lân làm ta nghĩ đến những bức họa mỹ nhân, nét bút linh diệu nhẹ nhàng của họa sĩ Tàu và Nhật. "Trên đường Bắc Kạn" cũng là một bức họa đẹp nét vẽ giản dị, màu không nhiều. Ông Lân năm nay đã tỏ ra một họa sĩ có bản năng, các hình màu đã rõ rệt, không có mịt mù như trước nữa."*

Tới năm 1939, tranh vẽ của Thạch Lam đã được họa sĩ Nguyễn Đỗ Cung nhận xét rằng "*Văn dí dỏm gầy lên những nét vui tươi xinh xắn trên những đường toàn thể rất sơ sài*" (Ngày nay, số 193, ra ngày 23-12-1939).

Khi còn sinh thời họa sĩ Lê Thị Lưu, chúng tôi có hỏi bà về vấn đề này, thì được biết: Bà có học cùng với Nhất Linh ở trường Mỹ Thuật Đông Dương trong một thời gian và họa sĩ Nguyễn Tường Lân không phải là Thạch Lam. Mới đây, chúng tôi hỏi lại họa sĩ Phạm Tăng, thì ông cũng xác định: Họa sĩ Nguyễn Tường Lân không phải là Thạch Lam, ông đã từng gặp họa sĩ Nguyễn Tường Lân trong kháng chiến, và sau ông Lân bị Việt Minh thủ tiêu vì tình nghi có hoạt động cho Việt Nam Quốc Dân Đảng. Họa sĩ Nguyễn Tường Lân (1906-1947), là tác giả bức tranh lụa nổi tiếng "Hiện về hoa" vẽ một thiếu nữ hay thiếu phụ ngồi trên đôn sứ, trước bức rèm cuốn, vẽ năm 1943, hiện để ở Viện bảo tàng Mỹ thuật, Hà Nội.

*

Hành trình cảm giác

Nếu Thạch Lam là họa sĩ,

Nếu Thạch Lam là nhạc sĩ,

Nếu Thạch Lam là nhà thơ,

Thật ra Thạch Lam có thể là cả ba, bởi nhà văn ấy ngắt câu bằng màu, chấm câu bằng nốt nhạc, chuyển đoạn bằng hình ảnh. Thử ngắm và nghe bức tranh Thạch Lam vẽ *Nắng trong vườn*, một bức tranh rất tầm thường, nhìn qua ta có cảm tưởng như ai cũng có thể viết được:

"... tôi thong thả theo con sông Cống, chạy khuất khúc lên giữa các đồi. Một cái cầu gỗ mong manh bắc qua sông. Hai rặng thông từ trên đỉnh đồi chạy xuôi xuống tận gần bờ, giữa luồng gió thoảng và cái tiếng ri rào như nhớ nhung của lá thông trái gió nhắc tôi nghĩ đến những cánh rộng rãi, bao la.

Buổi chiều rất êm ả. Về phía tây, mây trời rục rờ những màu sáng lạn và ánh nắng chiều loáng một khúc sông, trông như một dải vàng nổi lên giữa đồi ruộng đã bắt đầu tím lại. Một đàn chim đi ăn về vút bay qua ngang đầu, tiếng cánh vỗ rào rào như trận mưa; tôi ngừng lên nhìn theo đến khi cái vết đen linh động của đàn chim lặn hẳn với chân mây." (Nắng trong vườn, in lại tại Hoa Kỳ, trang 8)

Ngòi bút vờn phác một dòng sông, có cầu gỗ bắc ngang, chấm phá thêm hai rặng thông từ trên đỉnh đồi chạy xuống, rồi điệu nhạc thắm nổi lên với âm chìm của tiếng thông "trái gió", tiếng nắng chiều "loáng" trên sông, họa cùng âm nổi trong tiếng chim vỗ cánh "rào rào" như mưa, tiếng chim "lặn" vào chân mây... tất cả nhịp nhàng giao hoà trong thanh lặng, như thể cây cọ vẽ đến đâu, nhạc đệm lên lời đến đấy, nhạc thoát ra từ thanh âm thầm kín của những con sông chạy khuất khúc, những cây thông chạy từ đỉnh đồi xuống bờ sông, những lá thông trái gió nắng chiều loáng/ đồi ruộng tím lại/ đàn chim vút bay/ cánh vỗ rào rào như mưa, cho đến lúc vết đen của đàn chim lặn hẳn... nhạc cũng chìm vào chân mây.

Vậy mà dường như Thạch Lam không làm văn cũng không tả cảnh, ông chỉ đơn thuần ghi lại hành trình cảm giác. Đối với ông, những ngõ dẫn con người ra khỏi trạng thái bình thường, tầm thường, để đến với những gì khác thường, có thể thay đổi toàn diện mạch sống, đôi khi phát xuất từ những cơ nguyên rất nhỏ như một tia nắng, vài cụm mây, mấy giọt sương, đôi mắt ngây thơ của đứa trẻ, tia lửa hồng trong lò sưởi... vô vàn hạt châu vẩy quanh quanh chúng ta, nhưng chúng ta không thấy, chúng ta vô tình dẫm lên, quay lưng lại. Thạch Lam lặng lẽ nhặt lên "từng hạt sáng" ấy, dẫn chúng ta trở về lối cũ, dưới gốc hoàng lan, hưởng lại những mùi xưa, mùi tuổi thơ, mùi quê hương đã tàn phai trong trí nhớ truyên chuyên phủ nhiều bụi bặm chua chát của trường thành. Nhà văn bảo chúng ta thử "ngửi cái mùi cát, mùi đất, lẫn mùi khói rác người ta đốt ở đầu làng buổi chiều, theo gió với sương mà tràn vào trong phố." rồi Thạch

Lam mách chúng ta nghe *"tiếng tích tắc đều đều kêu se se cái sống ban đêm của giầy cốt thép"*, cho ta biết *"nước giữ cái mát của đêm trên mặt, và cây hồng giữ cái mát của đêm trong kẽ lá"*, tất cả những thứ đó tạm gọi là những "thủ pháp" sống, tiếng Pháp có chữ "truc", lâu hơn; và những nhân vật của Thạch Lam đầy những "truc" nhỏ như thế, Bính (trong *Buổi sớm*) cảm thấy "cái yên" và cái mát" gặp nhau trong giác quan "thứ sáu" của mình: *"yên tĩnh và mát quá, một cái yên tĩnh mát hay một cái mát yên tĩnh chàng cũng không biết nữa"* (trang 116), Bính còn nhận ra cả *"cái chấm đỏ thắm như màu mệ của một ngọn đèn lục lộ treo giữa lối, lạng chiếu từ đầu xa"* (trang 116).

Phải thính và tinh lắm mới nhìn được những màu sắc như thế, nghe được những tiếng động như thế, hoặc bắt gặp được *"đôi mắt chị bóng tối ngập đầy dần"* như thế (trang 102).

Với giác quan "thứ sáu", Thạch Lam hay "chú sáu" có khả năng làm cho cái tĩnh trở thành cái động, cái động trở thành cái tĩnh, đôi khi cả tĩnh lẫn động cùng lên tiếng một lúc trong cõi giác vô âm: giác quan bí mật của nhà văn cộng hưởng với óc tưởng tượng của chúng ta; và để tạo nhạc, nhà văn không cần đến những tiếng động có sẵn, ồn ào bên ngoài.

Âm thanh, màu sắc, hương thơm, thoáng tấp vào ngũ quan những bước âm thầm. Thạch Lam đã tìm ra con đường huyền bí nối liền thiên nhiên và con người, những huyền bí ấy đôi khi ta cảm thấy, nhưng không thể nói ra, không thể diễn tả một cách chính xác. Cuộc đi của Thạch Lam bao giờ cũng mở đầu bằng một *ngẫu nhiên* hết sức tầm thường:

"Gần hết mùa hè ... Tôi không rời bỏ Hà Nội một cách đột nhiên. Buổi sớm kia, khi trở dậy trong căn phòng nhà trọ, tôi thấy ánh nắng rực rỡ xuyên qua các khe lá đến nhảy múa trên mặt tường."

Trời trong và gió mát quá, khiến tôi chợt nhớ đến cánh đồng, ruộng ở chỗ ông Ba ở mà đã lâu năm tôi chưa về thăm." (*Nắng Trong Vườn*, trang 7).

Đó là lối *kết hợp ngẫu nhiên và thiên nhiên*, một bí quyết nghệ thuật thường thấy trong tác phẩm của Thạch Lam: Hôm nay trời nắng, nảy ra ý đi chơi, từ đó sinh ra bao "sự" khác: gặp lá, gặp hoa, gặp người... Hôm nay trời mưa, giờ quyền sách cũ ra đọc, lạc lối đến một chỗ khác, vào những quanh co rắc rối khác của tư tưởng...

Bên kia sông, quê tác giả, qua con cầu gỗ, có một chốn bí mật gọi là bên Sen, cậu sáu hồi đó muốn sang khám phá lắm nhưng chưa dám. *Tình cờ* có anh bạn ở bên Sen xin vào học cùng trường. Thế là có dịp sang chơi bên Sen, gặp và yêu *chị Thúy*... Bà Cả (trong *Đứa con*) là một người đàn bà không có con, keo kiệt và đanh ác. *Bỗng* một hôm được bé một đứa bé khalu khinh, lòng dịu đi, bà thay đổi thái độ, trở nên rộng rãi gần như nhân từ... *Chỉ cần* một chút than hồng, khơi thêm ngọn lửa trong lò sưởi, Vân (trong *Bóng người xưa*) đã thấy hiện lên hình ảnh một người vợ khác - người đàn bà trẻ chàng đã yêu ngày xưa - khác hẳn người vợ già mà chàng luôn luôn dày vò và hành hạ bây giờ. *Đổi hẳn* cách sử xử với vợ, từ lãnh đạm tàn ác chàng trở lại với âu yếm săn sóc... *Chỉ cần* một hôm dậy sớm, tiếp nhận *"cái yên tĩnh mát"* của buổi sáng và *"một thứ ánh sáng lạnh và biêng biếc như thiếc mới"* là Bính thấy *"máu bắt đầu chảy mạnh như xô nhau đi đón khí trời trong"* và chàng đã tìm lại được *"buổi sáng"* mà từ lâu, sống đời trác táng giang hồ, chàng đã *"quên không biết buổi sáng thế nào"*...

Thạch Lam khác với những người cùng thời, kể cả các anh. Trong khi mọi người thi nhau viết tiểu thuyết luận đề, hoặc hiện thực xã hội, với những mục đích chính xác: lên án xã hội hoặc cổ vũ quần chúng theo con đường mới. Thạch Lam cũng muốn *"tổ cáo và thay đổi một cái thế giới giả dối và tàn ác"* đấy, như ông viết trong "Lời nói đầu" tập *Gió đầu mùa*, nhưng Thạch Lam không cải thiện, giáo huấn mà ông nhờ *thiên nhiên*, nhờ *tình cờ* nói hộ để gián tiếp "gợi ý"

cho ta biết chỉ một "sự" còn con như vậy cũng có thể thay đổi định mệnh con người; ta có thể sống cao hơn, nhân ái hơn, tại sao không nghĩ ra? Và tất cả chỉ chênh vênh trên một "sợi tóc", ai cũng có thể "làm nên" hay "làm xuống" những truyện tày đình. Từ chối chỉ đạo mà chỉ gợi ý, Thạch Lam đã làm công việc của một nhà thơ trong văn và ông coi *ngẫu nhiên* như một tất yếu của cuộc sống.

Phê bình Tchekhov, Nabokov có những nhận xét tinh vi: ông phân biệt Tchekhov với Gorki, theo ông, Tchekhov là nghệ sĩ đích thực (artiste authentique) còn Gorki là nghệ sĩ giáo khoa (artiste didactique); và Nabokov thuật lại một giai thoại về Tchekhov, theo lời nhà báo Korolenko, lúc hai người mới quen nhau, Tchekhov hỏi:

- Anh có biết tôi viết truyện như thế nào không?

- Như...

Korolenko còn đang lưỡng lự chưa biết trả lời thế nào. Tchekhov nhìn quanh bàn, thấy ngay chiếc gạt tàn thuốc lá, cầm để trước mặt Korolenko và bảo:

- Nếu anh muốn, ngày mai tôi sẽ có một truyện cho anh, nhan đề "Chiếc gạt tàn thuốc lá".

Lập tức, chiếc gạt tàn thuốc lá, đối với Korolenko, đã biến dạng trở thành cái gì thần diệu: những tình huống hư ảo, những cuộc phiêu lưu nào đó chưa thành hình, bắt đầu kết tinh chung quanh cái gạt tàn thuốc lá để trước mặt ông...

Thạch Lam có nhiều điểm giống Tchekhov: như Tchekhov, Thạch Lam cũng chỉ viết được đoản thiên (truyện dài duy nhất *Ngày mới* chỉ là một truyện ngắn kéo dài) và Thạch Lam không viết luận đề cũng không bịa ra những tình huống éo le cho hợp với "chủ đề". Thế Lữ kể: Thạch Lam không cần tìm "đầu đề", tìm "câu chuyện". Đúng vậy, với Thạch Lam, cái gì cũng có thể là một "đầu đề", kể cả sợi tóc. Hơn nữa, một nhà văn đích thực, trên nguyên tắc, không thể "bí" được, tại sao? vì họ có thể "xoay" được trong tất cả mọi tình huống. Trong đời sống, mỗi thực thể đều có một "sự sống" riêng, kể cả sợi tóc, kể cả chiếc gạt tàn thuốc lá... vấn đề là bạn có đủ tinh tế để nhận ra và đủ óc tưởng tượng để kết nối những tương quan trong trời đất, trong đồ vật, sự vật và con người với nhau không. Nếu đầy đủ những khả năng ấy thì lúc nào và ở đâu, bạn cũng có thể viết được, nếu thực sự muốn viết.

Tchekhov có thể viết dễ. Còn Thạch Lam, vẫn theo Thế Lữ, cũng viết dễ: *"cái người tối hôm trước trả lời tôi rằng chưa biết viết gì, sáng hôm sau đã cho tôi cảm động vì một tập truyện viết đều hàng, nét chữ nhỏ và nhanh, câu văn đằm thắm..."* (Thế Lữ, *Tính cách tạo tác của Thạch Lam*, Thanh Nghị số 39, in lại trong Văn số 60, tháng 6-1966); nhưng Hồ Dzếnh lại bảo Thạch Lam viết rất khó: *"Thạch Lam là người viết rất khó khăn và thận trọng. Có những truyện anh phải viết đi và sửa lại tới bốn lần như truyện Sợi tóc, Một cơn giận, Nhà mẹ Lê"* (Hồ Dzếnh, *Với Thạch Lam*, tạp chí Sông Hương, số 31 tháng 5-6, 1988, in lại trong *Tự Lực Văn Đoàn trong tiến trình văn hoá dân tộc*, nxb Văn hoá Thông Tin, Hà Nội 2000, trang 506).

Cả Thế Lữ lẫn Hồ Dzếnh đều có lý, bởi cái dễ và cái khó có thể hiểu theo nhiều cách, ngay khi Tchekhov tuyên bố như trên cũng chưa chắc là ông viết dễ. Nói là dễ, bởi trong đầu những nghệ sĩ đích thực luôn luôn có nhiều tia sáng lóe ra về bất cứ một đề tài, một bối cảnh, một nhân vật, một tình huống... gì, có thể gọi là những tia sáng tạo, là cảm hứng này khác, Lâm Ngữ Đường gọi là những "con trùng" nó đục, nó thúc, bắt buộc phải viết, phải vẽ, phải làm thơ... nếu không thì không thể chịu được. Nhưng sau cái "khâu" trùng phá hoại hay "xúi dại" đến công việc đứng đắn hơn, tức là sửa lại văn bản, một mình khổ sai với chữ nghĩa, Lê Đạt gọi là "phu chữ", việc ấy nhanh hay chậm tùy người.

Phê bình Thạch Lam, Vũ Ngọc Phan cho rằng Thạch Lam "tiến bộ" rất nhiều từ hai tập truyện ngắn *Gió đầu mùa*, *Nắng trong vườn* sang đến *Sợi tóc*. Theo ông, trong *Sợi tóc* có năm truyện thì chỉ có *Dưới bóng hoàng lan* là tầm thường còn bốn truyện kia thuộc loại những truyện ngắn hay nhất Việt Nam. Cảm nhận như thế, có thể bởi Vũ Ngọc Phan không tinh tế như Thạch Lam, cho nên ông đã không tiếp nhận được những *cái hay khác* của Thạch Lam, trong *Gió đầu mùa*, nhất là *Nắng trong vườn*, mà ông cho là nhà văn chỉ "chuyên tả cảnh", hết "nương chèo bên sườn đồi" lại đến "vườn sắn bên sườn đồi"... và rất tiếc là nhiều người viết sau hay chép lại nhận định của Vũ ngọc Phan mà không suy xét, kể cả một người khá thận trọng như Đỗ Đức Thu... Còn một hướng khác, đến từ một số nhà phê bình muốn kéo Thạch Lam vào hàng ngũ những nhà văn "đấu tranh giai cấp" và có lẽ "nhờ đó" mà Thạch Lam là nhà văn trong Tự Lực văn đoàn được "phục hồi" sớm nhất. Tuy nhiên kéo vĩnh cửu xuống nhất thời cũng là điều chẳng nên làm, hãy để Thạch Lam giữ nguyên địa vị nhà văn đích thực của ông, với những tư tưởng nghệ thuật và nhân văn vượt trên mọi yếu tố tranh chấp nhất thời của các cuộc cách mạng này khác.

Số sáu có nhiều gắn bó với Thạch Lam, sinh vào tháng sáu âm lịch, mất tháng sáu dương lịch, là người con thứ sáu trong gia đình Nguyễn Tường, trong cuộc đời ngắn ngủi 32 năm, kể cả đoán thiên đầu tay *Cô áo lụa hồng*, in trên Phong hoá, số ngày 4-10-1935, là hơn sáu năm đích thực viết văn, Thạch Lam đã để lại sáu cuốn sách nhỏ, trung bình mỗi năm một cuốn: *Gió đầu mùa*(1937), *Nắng trong vườn* (1938), *Ngày mới*, tiểu thuyết (1939), *Theo giòng*, tiểu luận (1941), *Sợi tóc* (1942), *Hà Nội băm sáu phố phường* (1943). Những truyện ngắn của Thạch Lam trong ba tập *Gió đầu mùa*, *Nắng Trong vườn*, *Sợi tóc* và tùy bút *Hà Nội băm sáu phố phường* là một chuỗi tác phẩm viết khá đều tay, mỗi quyển đều có một số truyện thật hay, xứng đáng xếp vào loại những truyện ngắn giá trị của Việt nam trong thế kỷ hai mươi.

Một tác giả viết đều đều, với phẩm chất cao như thế là nhiều chứ không phải ít. Nhiều người trách Thạch Lam viết ít, cũng là trách vội. Có lẽ Thạch Lam chỉ cho in những gì ông biết là sẽ trụ được, trong khi khá nhiều tác giả nổi tiếng thường hay tham lam, lạm dụng tên tuổi của mình, gì cũng in, làm ô nhiễm những tác phẩm giá trị của chính mình và trong một chừng mức nào đó đánh lừa độc giả.

Nắng trong vườn

Nhận xét về Thạch Lam, Khải Hưng đưa ra một nét rất chính xác: Thạch Lam *dám* viết hết những cảm nghĩ trong đầu: "*Ờ Thạch Lam sự thành thật trở nên sự can đảm, đọc nhiều đoạn văn của Thạch Lam, tôi rung rợn cả tâm hồn. Tôi xin thú thật rằng những điều nhận xét gay go về mình và những người sống chung quanh mình, tôi cũng thường có song vị tất đã dám viết ra. Tôi vẫn ước ao có cái can đảm ấy nhưng không sao có được cái can đảm mà tôi thấy ở Tolstoi, mà trong đám văn sĩ mới ở nước ta tôi thấy ở Thạch Lam. Lòng ta là một thế giới mênh mông, nếu ta để trí suy xét của ta len vào các ngách các nơi kín tối chăm chỉ tìm tòi, ta sẽ thấy nhiều mới lạ. Tuổi sống tới trăm tuổi ta cũng không biết thực rõ được lòng ta*"(trích theo Phạm Thế Ngũ, Việt Nam văn học sử giản ước tân biên, tập III, Đại Nam in lại, trang 495)."

Đúng là Thạch Lam có bạo hơn các anh, bạo hơn những nhà văn cùng thời. Ông *dám* viết và *dám* sống những gì ít ai dám làm, trong thời ấy: Thạch Lam là người duy nhất trong gia đình lấy vợ vì yêu (theo Thế Uyên). Các anh Nhất Linh, Hoàng Đạo đều hô hào tự do hôn nhân, nhưng các ông lại lấy vợ theo diện bà mối, thậm chí các ông còn chẳng thèm đi xem mặt cô dâu, mà nhờ em gái xem hộ (hồi ký Nguyễn Thị Thế). Sự kiện này, làm cho chúng ta hiểu rõ hơn thái độ *cực kỳ mới* của Thạch Lam trong *Nắng trong vườn* với những đoạn văn có tính chất tự truyện đầy nét tính dục: Các cô chỉ 15, 16; chàng "tuổi chỉ mới mười ba" đã yêu lần đầu. Thời ấy, trong văn chưa có "nhà nào" bạo thế, trừ đám nhà thơ vẫn quen yêu sớm: Nguyễn Bính chả biết mấy tuổi đã yêu "Chị Trúc", Hoàng Cầm, 7 tuổi đã biết yêu, 12 tuổi yêu da diết "chị Vinh" (lá diêu bông), nhưng cả hai đàn em này vẫn chưa bằng anh Thạch Lam, ở tuổi 13

(vào khoảng năm 1923) đã dám yêu "chị Thủy", tức là cậu sáu hồi đó bằng "tuổi của nàng", Nguyên Sa ba mươi năm sau! Yêu sớm cũng chẳng có gì ghê gớm, thiếu gì người làm được, kể cả anh Khải Hưng, nhưng cái tái tảo bạo của Thạch Lam là dám viết phăng ra trên giấy trắng mực đen điều đó ở thời điểm nghi lễ tôn nghiêm, anh cả, anh hai, anh ba, anh tư đều mẹ đặt đâu, con xin ngồi đấy; đám cưới anh Tam áo the khăn đoạ, xe rước râu chạy mấy vòng Hà Nội. Có phải chính ở cái chỗ "can đảm" ấy mà em Sáu đã làm cho anh Hưng phải "rùng rợn cả tâm hồn" chẳng?

Rùng rợn hay không, Thạch Lam là người đi trước thời đại, tự do trong một xã hội đầy cấm kỵ và thành kiến. Thạch Lam không đòi hỏi tự do như những người khác mà ông *thể hiện* tự do qua cách *sống* và *yêu* một cách hồn nhiên, không gượng ép, không mảy may nề hà đến nền đạo lý chặt chẽ bao bọc chung quanh: Hậu trong truyện *Nắng trong vườn*, mới 15, 16 tuổi đã không ngừng tấn công cậu Bính rất sát: "*Hậu ngồi sát lại bên tôi, tôi nghe thấy hơi thở của cô ròn rập. Buổi sớm cô mặc cái áo lụa mỏng màu đỏ, càng tươi bên nước da trắng muốt của Hậu. Tôi đoán thấy cái thân hình mềm mại, hai cánh tay chắc rắn, đôi vú nhỏ và tròn. Người Hậu như thoảng ra một thứ hương thơm ngát và say sưa*" (sđd, trang 20). "*Hậu đưa tay nắm lấy tay tôi, lần lên vai rồi kéo tôi lại gần mình. Mái tóc chúng tôi vướng vào nhau, tôi thấy trước mắt tôi cái miêng xinh thắm của nàng. Chúng tôi lặng lẽ ôm lấy nhau, say sưa trong cái hôn đầu tiên đắm đuối của linh hồn*". (trang 21)

Một đêm trăng rằm, cả gia đình đi xem hội bắt cá ở làng Vị, được người anh họ giữ lại xem hội đêm, mình Hậu phải về trông nhà, Bính cũng "tìm cớ thoái thác xin về", và "*Thế là chỉ có hai chúng tôi xuống thuyền. Bấy giờ trời đã tối, trăng bắt đầu lên, một mặt trăng vàng đỏ, to như một cái nia, từ từ nhô lên sau rặng thông ở chân đồi. Tôi đỡ Hậu xuống thuyền, rồi chúng tôi cởi giày, để mặc thuyền theo giòng suối (...)*

Vừa xuống thuyền, Hậu đã ôm quàng lấy tôi, kê đầu vào má tôi, ngáp ngừng nói những lời ân ái. Tôi thấy tấm thân trẻ và dẻo dăng của Hậu quấn lấy tôi như một giầy leo. Chúng tôi hoà hơi thở với nhau, tóc nàng bông buông soã trên người tôi, thoảng ra một thứ hương ngát dịu và đậm ấm.

Khi tiếng trống hội làng Vị đã nghe không rõ, Hậu ngồi dậy ở đầu thuyền, một tay dúng xuống sông? Nàng nghịch tung những hạt nước long lanh sáng như hạt ngọc"(trang 24).

So sánh đoạn văn này (viết khoảng những năm 36-37), với những đoạn văn khác của những người cùng thời viết về tình yêu, về sự gần gũi thể xác, mới thấy Thạch Lam đi trước thời đại.

Người bạo nhất, có lẽ là Khải Hưng trong *Hồn Bướm mơ tiên*, từ 1933, đã cho Ngọc tán sát chú tiểu Lan, dụ chú tiểu ngủ cùng, nhiều lần cố tình đẩy chú tiểu ngã vào lòng mình, Khải Hưng đưa ra cảnh "chạy đàn" bắt hủ, cảnh Ngọc đàng co với chú tiểu, Lan ngã, bị xô áo, rất sexy, nhưng Khải Hưng chưa dám cho các nhân vật hôn nhau, kể cả trong *Trống Mái*. Nguyễn Tuân mới chỉ lơ mơ nhắc đến các "cổ nhân". Nhất Linh trong *Đoạn tuyệt, Đôi bạn*, gần như yêu chay, đến *Bướm trắng*, Trương chỉ được tiếp xúc thể xác một cách rất hàm thụ với Thu qua trung gian chiếc áo cánh, và khi được hôn Thu là đã tự cho mình đi đến "*một mực cao cực điểm và từ nay trở đi chỉ là lúc tàn dần*" (Bướm trắng, in lại ở Hoa Kỳ, trang 151).

Nắng trong vườn là một truyện tình mùa hè giữa người con gái 15, 16 và cậu học trò 18, từ Hà Nội về quê nghỉ hè ở nhà người bạn cũ của cha trên đồn điền trồng sắn và trà. Hậu là con gái trại chủ. *Nắng trong vườn*, giữa thập niên ba mươi, Thạch Lam không viết một truyện tình lãng mạn kiểu cũ nữa, không yêu thầm, nhớ trộm trong tim, trong óc, mà là một truyện tình consommer, tình đi tới đích thể xác và không "có hậu". Các nhân vật của Thạch Lam không sử sự với nhau như Dũng, Loan trong *Đoạn tuyệt, Đôi bạn*, như Mai, Lộc trong *Gánh hàng hoa*, họ đi thẳng vào "thực chất vấn đề", không qua trung gian lễ nghi, cưới hỏi, đạo đức xã hội.

Truyện của Thạch Lam có không khí tự do của thập niên 60, những năm "đợt sóng mới" (nouvelles vagues) trong *Bonjour tristesse-Buồn ơi chào mi*, với những mối tình mùa hè, hết hè chia tay, rất thực tiễn, không thể thốt yêu nhau trọn đời, bởi ở tuổi ấy đã biết thế nào là trọn đời, mà thế thốt? Rồi xa nhau vì *chính họ* quyết định như thế: hết hè, Bính về Hà Nội, không thư từ

cho Hậu nữa. Trước khi yêu Bình, Hậu cũng biết rồi sẽ như thế, nhưng vẫn bước vào cuộc tình. Sự đăm đúi ở những mối tình trong tập *Nắng trong vườn* đậm chất thể xác "*Hậu quán lấy tôi như một giây leo*", người con gái biết thân xác mình là thuộc về mình chứ không thuộc về cha mẹ, và đó là một trong những yếu tính căn bản của ý thức tự do. Trong truyện "*Đêm sáng trắng*", Mai đã sống với người yêu những đêm trăng thần tiên trước khi đi lấy chồng và trước ngày cưới người ta thấy "*nàng nằm chết dưới vệ ao, mái tóc xổ ra vương lẫn với cánh bèo*" (trang 73).

Đêm sáng trắng là một huyền thoại mới về tình yêu, với những bức tranh tuyệt đẹp: "*Trong cái vườn nhỏ bên bờ ao, Tuấn nằm trên chiếc chõng kê vào bóng tối, ngửa mặt lên trời. Chàng nhìn trắng qua cành lá tre, cành lá sặc và đen như mực vắt qua mặt trăng như một bức tranh tàu. Rêu ở tấm đá gần đó bốc lên hơi lạnh. Bức tường hoa giữa vườn sáng ánh trắng lên, lá lựu dầy và nhỏ lấp lánh như thủy tinh.*

Bóng cây trông mát quá, thân mật và kín đáo. Tim chàng đập mạnh lên. Tuấn với tay và lắng tai nghe; như có tiếng là động, tiếng chân đi nhẹ nhàng, và nhỏ nhắn. Một cành cây cong xuống, rồi vụt lên, lá rung động ánh trắng như ánh nước.

Khóm hoa đơn rẽ ra, một bóng trắng mơ hồ tiến lại. Tuấn giơ tay ôm lấy, cảm động thì thầm: - Mai... em...

Nàng không trả lời, đến gần rồi yên lặng ngã người vào lòng chàng.

Tuấn cúi mặt vào đồng tóc thơm, ngạt ngào một mùi hương quen mến. Tay ôm chặt lấy nhau, quán chặt. Chàng tìm đôi môi xinh đẹp của nàng, hé ra, hai hàm răng chạm vào nhau trong một cái hôn say mê và đăm đúi.

Hồi lâu, hai người buông nhau ra. Mai gỡ tay vuốt lại mái tóc rối, những sợi tóc tung ra vuốt buồn trên da mặt chàng, vì hai người vẫn gần nhau quá. Họ nhìn nhau bàng hoàng, Tuấn thấy trong bóng tối của vành khăn, hai con mắt Mai long lanh yêu mến. Chàng đỡ lấy nàng, uốn xuống để ánh trăng soi tỏ mặt... " (trang 66-67)

Và đêm cuối cùng trước khi Tuấn trở về Hà Nội:

"Nàng vòng tay qua cổ Tuấn kéo chàng cúi xuống nàng hoà hợp trong một cái hôn lặng lẽ. Đôi môi nàng chảy máu và đau đớn. Mai sung sướng chịu đau, gửi thác trong cánh tay Tuấn tất cả thân thể và tâm hồn trong sạch của nàng" (trang 72).

Nhiều yếu tố cổ điển có mặt trong truyện ngắn này: cô hàng xóm, bé tí đã "*lách rào chui sang vườn nhà Tuấn, rủ nhau ngồi thì thầm trong bóng tối như hai đứa trẻ phạm lỗi. Đến khi tiếng mẹ gọi vọng bên kia, Mai mới bỏ tay Tuấn lách hàng rào chạy về*" (trang 67). Năm mười ba tuổi, Tuấn lên tỉnh học, quên dần cô láng giềng... Cho đến hôm mẹ chàng từ quê ra, tình cờ kể chuyện cô Mai hàng xóm sấp về nhà chồng, Tuấn mới quyết định trở về thăm Mai...

Thạch Lam khởi đi từ sự táo bạo rất Nguyễn Du *xấn tay mở khoá động đào*, bước qua tình láng giềng Nguyễn Bình *nhà nàng ở cạnh nhà tôi*, và tìm đến cái chết bi kịch Roméo et Juliette để viết một truyện tình. Một truyện tình giản dị phi thời gian không gian: nếu không có "bóng tối của vành khăn", người đọc không thể xác định được Tuấn và Mai đang sống ở thời nào, họ chỉ là hai kẻ yêu nhau, và Mai, một mình, yêu đến chết.

Hai đứa trẻ (chuyện thật của hai chị em Thạch Lam, theo Nguyễn Thị Thê), một trong những truyện ngắn hay nhất của Thạch Lam dựa trên sự tương phản giữa ánh sáng và bóng tối. Những điểm sáng loé lên trong đêm tối tựa như những ánh diêm soi đêm đông buốt giá sườn ảm những giấc mơ của đứa nhỏ trong truyện cổ tích Andersen. Thạch Lam viết về hai đứa bé sống ở một huyện lỵ, tối tối, sau khi đóng cửa hàng tạp hóa nhỏ và nghèo của mẹ, hai chị em ngồi chõng ngắm sao, ngắm phố... Trong bóng tối, hai đứa bé nhìn, đếm những ánh sao trên trời và chờ đợi những đốm lửa hiện ra ở chung quanh; mỗi lần gặp một đốm sáng, cuộc sống nội tâm của hai chị em lại bừng lên. Mỗi đêm, chúng sống một hiện thực đầy mộng tưởng, mỗi hình ảnh tạt ngang qua mắt, mỗi âm thanh vắng đến bên tai gieo vào lòng hai chị em một mảnh đời, gọi lại trong ký ức chúng những lam lũ chung quanh. Hai đứa bé nghèo không có gia sản gì, trừ bóng tối, và từ bóng tối ấy, dấy lên những đốm lửa soi rọi tâm hồn chúng.

Câu chuyện bắt đầu từ ban chiều, buổi chiều tàn với những nét rực rỡ: "*Phương Tây đỏ rực như lửa cháy và những đám mây ánh hồng như hòn than sắp tàn. Giấy tre làng trước mặt đen lại và cắt hình rõ rệt trên nền trời*" (trang 102). Các nguồn sáng tỏa ra từ một đám cháy: mặt trời và mây cùng bốc hoả, đốt dãy tre làng đen lại -đen lại chứ không phải đen- từ đen đến đen lại đã có chuyển động, rồi chính rặng tre đen, lại cắt hình trên nền trời như một nghệ sĩ tạo hình. Và chuyển động vẫn tiếp tục: "*Tối hết cả, con đường thăm thẳm ra sông, con đường qua chợ về nhà, các ngõ vào làng lại sẫm đen hơn nữa, giờ chỉ còn ngọn đèn con của chị Tý, và cái bếp lửa của bác Siêu; chiếu sáng một vùng đất cát. Trong cửa hàng, ngọn đèn của Liên, ngọn đèn vắn nhỏ, thưa thớt từng hột sáng lọt qua phen nứa.*" (trang 109).

Thạch Lam đi từ vĩ mô đến vi mô, thoát tiên, ống kính nhà văn hướng về mặt trời, từ từ chuyển sang mây rồi di xuống những con đường làng và "zoom" lại trên ngọn đèn của chị Tý, quay sang bếp lửa bác Siêu, dừng lại trên ngọn đèn con của chị em Liên rồi chiếu xuống cả những "hột sáng" lọt qua phen nứa. Đây mới là phần "ngoại cảnh". Về phía "nội dung", ngòi bút của Thạch Lam nhẹ nhàng lướt qua phố huyện ban đêm "*Các nhà đã lên đèn cả rồi, đèn treo trong nhà bác phở Mỹ, đèn hoa kỳ leo lét trong nhà ông Cửu, và đèn giầy sáng xanh trong hiệu khách... Những nguồn ánh sáng ấy đều chiếu ra ngoài phố khiến cát lấp lánh từng chỗ và đường mấp mô thêm vì những hòn đá nhỏ một bên sáng một bên tối.*

Chợ họp giữa phố vẫn từ lâu. Người về hết và tiếng ồn ào cũng mất. Trên đất chỉ còn rác rưởi, vỏ bưởi, vỏ thị, lá nhãn và bã mía. Một mùi âm ẩm bốc lên, hơi nóng của ban ngày lẫn mùi cát bụi quen thuộc quá, khiến chị em Liên tưởng là mùi riêng của đất, của quê hương này" (trang 103).

Bút dạo một vòng phố huyện, đến từng *trạm sáng*, ở mỗi trạm bút rực lên một chút, như để tấp sáng cho người và vật, tỏ sự hân hoan mừng rỡ chào đón một nguồn sáng mới: "*Về phía huyện, một chấm lửa khác nhỏ và vàng lơ lửng đi trong đêm tối, mất đi, rồi lại hiện ra. An trở tay bảo chị:*

- *Kìa, hàng phở bác Siêu đã đến kia rồi.*" (trang 108)

Không ai bị bỏ quên, từ hạt cát, hòn đá, đến vỏ bưởi, vỏ nhãn, vỏ thị, lá nhãn, bã mía, rồi chuyển sang mùi: mùi cát bụi, mùi đất, và mùi quê hương, lần này nhà văn lại đi từ cái nhỏ nhất, hạt cát, để đến cái lớn nhất, mùi quê hương. Đờn sông phố huyện đêm, từ từ mở ra với những điểm sáng lác đác ở nhà bác phở Mỹ, nhà ông Cửu, ở hiệu khách... càng về đêm càng khép lại, càng thu nhỏ đi, tàn lụi dần với những điểm sáng cô đơn cuối cùng, leo lét bên những thân phận nhỏ nhoi, xoay quanh ngọn đèn chị Tý, bếp lửa bác Siêu, gia đình bác Xẩm với chiếc thau sắt trắng và ngọn đèn con của chị em Liên. Úp trên những chấm sáng nhỏ nhoi ấy, là một "*vòm trời hàng ngàn ngôi sao ganh nhau lấp lánh, lẫn với vệt sáng của những con đom đóm bay là trên mặt đất hay len vào cành cây*" (trang 108), "*Qua khe lá của cành bàng ngàn sao vẫn lấp lánh; một con đom đóm bám vào dưới mặt lá, vùng sáng nhỏ xanh nhấp nháy rồi hoa rụng xuống vai Liên khe khẽ, thỉnh thoảng từng loạt một.*" (...)

Trống cầm canh ở huyện đang tung lên một tiếng ngắn, khô khan, không vang động ra xa, rồi chìm ngay vào trong tối. Người vắng mãi; trên hàng ghế chị Tý mới có hai, ba bác phu ngồi uống nước và ăn thuốc Lào" (trang 111). Đặt ngàn sao bên một con đom đóm, hài hoà cái lớn và cái nhỏ, nhà văn tạo sự tương phản không những trong thân phận con người mà còn tìm đến những tương phản trong thiên nhiên, vũ trụ. Nghệ thuật của Thạch Lam trong toàn thể truyện ngắn này là giao cảm, chỉ trong ba chữ "người vắng mãi", ông đã tạo được một vùng bí mật của chốn không người, rồi trống cầm canh *tung* lên, ngàn sao *ganh* nhau lấp lánh, vùng sáng nhỏ *xanhnhấp nháy* rồi *hoa rụng xuống* vai Liên khe khẽ...

Những chữ: *mãi, tung, ganh, nhấp nháy*... ở đây, giữ nguyên chất quyền rũ bí mật của chúng, tại sao lại *mãi, lại tung, lại ganh, lại nhấp nháy*? Bởi vì những chữ ấy đã tách biệt thế giới Thạch Lam với những thế giới khác, một thế giới thuần túy nghệ thuật, có những ngôi sao *ganh* nhau, những tiếng trống cầm canh *tung* lên rồi chìm vào bóng tối, những con đom đóm tỏa vùng ánh sáng *xanhnhấp nháy* bung ra như những cánh hoa khe khẽ "rụng" xuống... vai Liên. Ở đây, người vắng *mãi*, một chữ *mãi* ẩn bao nhiêu ngụ ý: người chờ người, người

mong người, quán đêm vắng chờ khách, chờ sự sống, chờ ngày mai... Phố huyện Thạch Lam thắm thì những tiếng bí mật như thế, tiếng của thanh vắng, của đêm khuya, của thiên nhiên và con người im lặng giao cảm với nhau trong vũ trụ. Đối diện với cái nhỏ nhoi tăm tối của người dân nghèo trong phố huyện là một vũ trụ bao la đầy ánh sáng huyền ảo của thiên nhiên và vạn vật, nhưng với chị em An, Liên trạm sáng đẹp nhất của mỗi đêm là *chuyến tàu qua tỉnh lỵ*.

Hai chị em đêm nào cũng cố thức chờ tàu, không chỉ để vâng lời mẹ đón khách mua hàng. Thằng nhỏ buồn ngủ nhíp mắt, nhưng vẫn dặn chị nhớ gọi em dậy khi tàu đến, vì sao, vì tàu sẽ đưa chúng viễn du ra khỏi phố huyện, đem chúng vào những giấc mơ:

"Chuyến tàu đêm nay không giống như mọi khi, thưa vắng người và hình như kém sang hơn. Nhưng họ ở Hà Nội về! Liên lặng theo mơ tưởng, Hà Nội xa xăm, Hà Nội sáng rực vui vẻ và huyên náo.

Con tàu như đã đem một chút thế giới khác đi qua. Một thế giới khác hẳn, đối với Liên, khác hẳn các vầng sáng ngọn đèn của chị Tý và ánh lửa của bác Siêu. Đêm tối vẫn bao bọc chung quanh, đêm của đất quê, và ngoài kia, đồng ruộng mênh mang và yên lặng." (trang 112).

Phố huyện với từng ấy tâm hồn *"trong bóng tối mong đợi một cái gì tươi sáng cho sự sống nghèo khổ hàng ngày của họ"* và ánh sáng Hà thành do con tàu chở đến, đem lại cho huyện nhỏ vài phút mộng mơ. Nhưng con tàu chở ánh sáng ấy, chưa đến đã vội bước đi, như một niềm vui vừa bùng lên đã lụi tàn trong khoảnh khắc, *"chiếc tàu đi vào đêm tối, để lại những đốm than đỏ bay tung trên đường sắt. Hai chị em còn nhìn theo cái chấm nhỏ của chiếc đèn xanh treo trên toa sau cùng, xa xa mãi rồi khuất sau rặng tre."* (trang 112). Con tàu như chiếc que diêm của đứa bé trong truyện cổ tích Anderson, lóe lên ánh lửa rồi tàn ngay trên những kiếp người cô đơn bỏ lại trong con phố *tích tịch và đầy bóng tối*.

Nếu trong một số truyện ngắn Thạch Lam có ý đứng riêng, đứng ngoài, để khách quan viết về các nhân vật của mình, thì trong truyện *Người đằm*, như một người viết "sơ hở" tác giả để lộ lòng mình. Cơ sự xảy ra là do lỗi của một người: người đằm.

Người ấy đi xem ciné mà lại không ngồi lỏ, không ngồi hạng nhất, *"một người Pháp, mà lại là một người đàn bà, ngồi ở hạng nhì lẫn với người!"* chữ *người* sau cùng thật ghê, chỉ một mình nó đã nói thay bao chữ lớn lao về nhân quyền, về chế độ thực dân, về những đàn áp... mình nó bao trùm lên những thái độ, những chế độ không coi người là người.

Người đằm này cùng chung làn sóng với Thạch Lam, đã dám làm những việc mà người khác không làm: bởi thời ấy, các người đằm không bao giờ ngồi lẫn với "người" như thế.

Thạch Lam *ting cờ* gặp gỡ "người đằm", người đàn bà Pháp mới đến, lạ lẫm, không giống ai, một mình với đứa con bơ vơ trên mảnh đất xa lạ đầy cạm bẫy. Lướt qua những ánh mắt "lãnh đạm và ác cảm" chiếu vào hai mẹ con, Thạch Lam, cũng một mình, can đảm đi ngược chiều "cộng đồng", dám biện hộ cho "kẻ thù" dân tộc. Trút mọi thành kiến, hận thù, để chỉ nhìn con người trần trụi dưới lăng kính của cảm thông: người đàn bà tội nghiệp ấy với những ngờ ngác, nhũn nhặn, tế nhị và nhân ái đã làm đảo chao mọi thành kiến về người Pháp và dẫn nhà văn đến một mối tương quan khác, lên trên và ra ngoài tương quan thực dân - thuộc địa, để trụ lại ở sự cảm thông, lòng trắc ẩn giữa người và người, đến tình nhân loại.

Thạch Lam khám phá ra những vùng bí mật ấy của con người bằng một bút pháp sẽ sàng, gần như thắm lặng. Những chữ bé nhỏ ấy hoá ra lại có khả năng tỏa sáng bằng bao nhiêu lời lẽ ồn ào, chúng dội dàng chiếu vào những tương phản, tạo sáng-tối trong bức tranh đời sống. Nhà văn thường nhật nhặt ở chỗ chúng ta không ngờ nhất: một chút sương, vài ba gáo nước, hai góc thông, mấy tượng đá dấu trong cỏ... những dấu ấn nhỏ nhoi đưa chúng ta vào hành trình cảm giác đôi khi có thể làm thay đổi cả một lẽ sống, một máu chốt suy tưởng.

Gió đầu mùa và Sợi tóc

Về cách trình bày xã hội Việt Nam những năm 30-40, chúng ta có thể nhìn thấy rất rõ hai mẫu hình: mẫu Tự Lực Văn Đoàn, gồm các ông Tuần, bà Ân, tượng trưng cho lớp già trong

"chế độ" cũ đối chọi với những Loan, Nhung, Mai... lớp trẻ, phản kháng chế độ. Và mẫu hiện thực phê phán xã hội gồm bọn cường hào ác bá đàn áp bóc lột và người dân quê thấp cổ bé miệng trong các tiểu thuyết Ngô Tất Tố, Nguyên Hồng, Nam Cao, Tô Hoài...

Thạch Lam không chiếu ống kính vào những nhân vật nằm trong hai phạm trù trên đây, dường như với ông, con người phức tạp hơn, không dễ chia cắt thành hai giới tuyến thiện ác thường xuyên đối chọi nhau kịch liệt như thế; ngoài ra, con người còn có trách nhiệm tự thân về những hành động của chính mình, cả trong những xã hội khép kín nhất.

Sớm nhìn đến vấn đề trách nhiệm cá nhân, những người con gái trong truyện của Thạch Lam trao thân cho người yêu không cần hỏi ý cha mẹ. Liên trong *Một đời người*, tuy bị chồng và mẹ chồng hành hạ, nhưng vẫn không bỏ chồng theo người yêu, một phần vì nàng thiếu tự tin và không dứt khoát, Liên không chỉ là nạn nhân xã hội. Những khổ đau của Dung trong *Hai lần chết* đã bắt nguồn từ khi chào đời, bị cha mẹ ghét vì Dung "yếu đuối, ghẻ lở, bẩm thiêu, khó nuôi" và khi bị gả chồng thì chính sự yếu đuối thể xác của Dung đã không cho phép nàng thoát ly gia đình. Dung cũng không thuộc lớp người phản kháng chế độ cũ, bởi ở nàng không phải là sự phản kháng mà là sự đầu hàng vô điều kiện.

Thoát khỏi những cliché thời đại, tác phẩm Thạch Lam mở ra một xã hội Việt Nam dưới những khía cạnh ít thấy xuất hiện trong tiểu thuyết lúc bấy giờ: một xã hội đói và buồn, như có gì báo trước thảm cảnh Ất Dậu.

Trước hết là cái đói. Cái đói trong *Gió đầu mùa* và *Sợi tóc* phũ phàng cuốn từ *Nhà mẹ Lê* sang người phu xe Dư trong *Một cơn giận*, đến anh Bào người học trò giỏi và đẹp như con gái trong *Người bạn trẻ*, lan đến Sinh người thanh niên bị mất việc trong *Đói*, rồi đến Liên và Huệ, hai cô gái điếm trợ trợ trong căn phòng sấm ầm mồm *Tối ba mươi*, và cuối cùng đến Thành, chỉ xem một ly đã tránh khỏi việc ăn cắp tiền trong *Sợi tóc*.

Trừ gia đình bác Lê, bác Dư là những người thật nghèo, còn lại phần đông là cái đói của giai cấp trung lưu, thành thị. Cái đói của một xã hội phá sản không có việc làm.

Đi đôi với cái đói là sự cô đơn. Cá nhân lạc loài trong xã hội như những bóng ma đơn côi, không ai giúp ai được. Thạch Lam dự báo *cái đói và ý thức cá nhân*: mỗi người có một phần ứng khác nhau trước cái nghèo, cái đói, như Tâm trong truyện *Trở về*, chọn lối thoát ngắn nhất lấy vợ giàu, đoạn tuyệt với dĩ vãng, dĩ vãng nghèo đói ở quê với mẹ mà chàng cho là bẩm thiêu, tội tàn và chàng vội vàng chạy vọt ô tô, bắn vọt bùn lên quần áo mẹ, để người vợ giàu khỏi thấy di tích cái quá khứ lấm lem của mình. Hoặc như Minh trong truyện *Cái chân què*, liên miên bị ám ảnh bởi đồng tiền và khi chàng được nhiều tiền nhất là lúc chàng bị tai nạn xe hơi, phải cưa chân và được hãng bảo hiểm đền cho một món ketchup. Minh yêu đời trở lại. Sau một thời gian chơi bời trác táng, trở về tay trắng, Minh mới cảm thấy rân rân đau "*cả vết thương ở ngoài hình thể và trong tâm hồn*".

Trong ba truyện ngắn *Đói*, *Một cơn giận* và *Sợi tóc* Thạch Lam đã tận dụng những nghiệm sinh của chính mình. *Đói*, mổ xẻ bản năng sinh tồn của con người dưới những khía cạnh ghen tuông, tham lam, thành kiến, độc ác... *Một cơn giận* mô tả tình huống một người, chỉ vì một cơn giận gần như vô cớ, đã đối xử tàn nhẫn với một người phu xe, đẩy thân phận xấu số này tới bị kịch. Và *Sợi tóc*, viết về hành trình của Thanh, một người đi từ "lương thiện" đến "ăn cắp", với tất cả những chuẩn bị, tính toán, đẵn đo, liệu lượng... cuối cùng không hiểu sao, lại "thoát", không phạm tội. Và Thanh cho biết: "*Tôi cảm thấy một cái thú khoái lạc kỳ dị, khe khẽ và thẳm lặng rung động trong người, có lẽ là cái khoái lạc bị cảm dỗ, mà có lẽ cái khoái lạc đã đè nén được sự cảm dỗ. Và một mối tiếc ngấm ngấm, tôi không tự thú cho tôi biết và cũng cố ý không nghĩ đến, khiến cho cái cảm giác ấy của tâm hồn tôi thêm một vẻ rờn rợn và sâu sắc*" (*Sợi tóc*, Sống mới tái bản tại Hoa Kỳ, trang 77). Ăn cắp hay không ăn cắp? That is the question: "*Cái gì đã giữ tôi lại? Tôi không biết... Có lẽ chỉ một lời nói không đâu, một cử chỉ nào đấy, về phía này hay phía kia, đã khiến tôi có ăn cắp hay không ăn cắp. Chỉ một sợi tóc nhỏ, một chút gì đó, chia địa giới của hai bên. (...)* Hình như những ý nghĩ ham muốn hay trừ trừ tới ấy, không phải là của

tôi, hình như của ai ấy, của một người nào khác lạ, khác với cái người thường của tôi bây giờ...
" (trang 78).

Bộ ba truyện ngắn trên đây chứng tỏ lối phân tích tâm lý của Thạch Lam nhưng năm 40 cũng đã đầy xa hơn những người cùng thời, và nếu có thua, thì cũng chỉ thua người anh, thua sự dài hơi của Nhất Linh trong *Bướm trắng*, bởi trong *Bướm trắng* những phân tích tâm lý chi li như vậy, chạy suốt dọc chiều dài tác phẩm.

Trong bối cảnh phá sản của xã hội, người phụ nữ hiện ra như những đốm sao băng, như Liên và Huệ trong *đêm ba mươi*, chìm ngấm với miếng ăn trong cuộc đời giang hồ; như bà mẹ Lê, liều chết tìm gạo cho con lần cuối; như Tâm, *cô hàng xén*, tần tảo suốt đời, nuôi mẹ nuôi em, gánh vác nhà chồng cho đến tàn phai nhan sắc; như Mai, vì *đói*, phải bán thân kiếm vài miếng thịt ướp cho chồng, cho mình; như Liên, *một đời người*, bị chồng và mẹ chồng hành hạ, nhưng vẫn kéo dài kiếp sống, gánh đầy tủ nhục mà không tự mình gỡ bỏ; như Dung trong *hai lần chết*, muốn thoát ly khỏi ngõ cụt nhưng rồi cái chết cũng đánh lừa nàng.

Không phê phán xã hội, phê phán con người, dù tốt hay xấu mà chấp nhận họ, Thạch Lam lặng lẽ vượt trên bi kịch, bằng thái độ gần như lãnh đạm với tất cả mọi hình thức đấu tranh, ông đem cái "nhân phong" vào văn chương, thể hiện con người trong những hoàn cảnh sống, vừa như một thử thách, để lộ thú tính và nhân tính, và chính mỗi cá nhân đôi khi cũng không phân biệt được rõ ràng giữa xấu và tốt, bởi ranh giới chỉ nhỏ như sợi tóc, và bất cứ ai, trong một thoáng giây có thể chao đảo từ mảnh đất này sang mảnh đất kia mà không hiểu tại sao.

Từ hai phố huyện nhỏ, phố huyện Cẩm Giàng ở Hải Dương, nơi Thạch Lam sống những ngày thơ ấu, và phố huyện bên bến đò Tân Đệ, nơi cả nhà dọn lên ở với người anh cả dạy học ở Thái Bình, Thạch Lam tạo ra mảnh xã hội nhỏ bé của mình: một thế giới nửa quê, nửa tỉnh rồi ông nhả nha nghiêng mình xuống từng thân phận một. Những mẹ Lê, mẹ Hiền, mẹ Đói ... đều là những nhân vật có thật gắn liền với cuộc đời Thạch Lam bên phố huyện Cẩm Giàng và phố huyện Thái Bình. Cạnh những cô hàng xén chợ huyện, là những khuôn mặt khác của Huệ, Liên, anh Bào... ở Hà Nội, tất cả dệt nên hình ảnh một Việt Nam u buồn và đói kém những năm 40. Nhưng tại sao hình ảnh bà mẹ Lê và cô hàng xén lại rõ nét hơn cả, và tại sao cả hai anh em Nhất Linh, Thạch Lam lại bị cuốn hút bởi hình ảnh hai người đàn bà đó? Tại sao cái phố huyện nhỏ lại có một sức hút bí mật lạ lùng như thế?

Trước hết phải phân biệt hai mẹ Lê: mẹ Lê của Thạch Lam, trong *Gió đầu mùa*, xuất hiện năm 1937. Ba năm sau, khoảng 1940, Nhất Linh viết *Xóm cầu mới* (lần đầu), mẹ Lê cũng lại xuất hiện, và nếu chú ý đến cô Mùi trong *Xóm cầu mới*, Mùi tuy không gánh hàng xén đi bán như Tâm, nhưng vẫn có nhiều nét giống Tâm.

Qua chân dung của hai bà mẹ Lê và hai cô hàng xén Mùi - Tâm, anh em Nhất Linh như đã dở lại từng trang ký ức đời sống thanh bần của chính gia đình mình với hai phong cách khác nhau: Nhất Linh vui và no, Thạch Lam buồn và đói. Nhất Linh lạc quan và dăm thắm, Thạch Lam đi sâu vào bi kịch, báo hiệu thảm cảnh Ất Dậu. Thạch Lam sở trường về đoản thiên (truyện ngắn, tùy bút), Nhất Linh sở trường về truyện dài, họ cùng gặp nhau ở sự tế vi và nhạy cảm, và chắc chắn là Nhất Linh đã "bị ảnh hưởng" của em, hoặc ít ra, cũng nghĩ về em khi dựng lại hai nhân vật "của Thạch Lam" bà mẹ Lê và cô hàng xén. Và việc ấy cũng không tránh được, bởi đó là hai nhân vật tha thiết nói lên cuộc đời thẳm lặng của những người đàn bà tần tảo nuôi chồng, nuôi con, nuôi cha mẹ anh em, mà trong tay không có đến một tấc vốn, hình ảnh ấy có chung một nguồn: bà cụ Cẩm Giàng, mẹ của Thạch Lam, Nhất Linh, Hoàng Đạo chông chết sớm, tần tảo buôn gạo nuôi bảy người con ăn học. Bà cụ Cẩm Giàng chính là xuất xứ những mẹ Lê, những cô Tâm, cô Mùi, linh hồn của xã hội.

Gió đầu mùa, tập truyện ngắn đầu tay của Thạch Lam, ngoài không khí đói và buồn, nó còn hé cửa vào những ngõ ngách phố huyện, phố chợ trong buổi giao thời chuyển mình từ đời sống thuần túy nông thôn sang thành thị, tạo ra một lớp người nửa quê nửa tỉnh, có những thân

phận thoát được nghịch cảnh, có những thân phận chìm sâu trong dòng thủy triều cuốn mau, cuốn mạnh.

Tính chất tương phản giữa hai lối sống, hai trình độ khác biệt và kỳ thị nhau đó, đã được Thạch Lam nói đến ở ngay những dòng đầu *Nhà mẹ Lê*:

"Đoàn thôn là một cái phố chợ tồi tàn gần ngay một huyện lỵ nhỏ ở trung châu. Hai giã nhà lụp xụp, mái tranh xuống thấp gần đến thềm, che nửa những cái gại nửa đã mục nát. Gần đấy là những quán chợ xiêu vẹo đứng bao bọc một căn nhà gạch có gác, bưng bít như một cái tổ chim, nhà của một người giàu trong làng làm ra đấy để bán hàng.

Người ở phố chợ là bầy, tám gia đình nghèo khổ không biết quê quán ở đâu, mà người dân trong huyện vẫn gọi một cách khinh bỉ: những kẻ ngụ cư. Họ ở những đầu đến đây kiếm ăn trong mấy năm trời làm đói kém; làm những nghề lặt vặt: người thì kéo xe, người thì đánh dậm hay làm thuê, ở mượn cho những người giàu có trong làng. Người ta gọi mỗi gia đình bằng tên người mẹ: nhà mẹ Hiền, nhà mẹ Đồi, nhà mẹ Lê." (Trích, Nhà mẹ Lê, trong tập Gió đầu mùa, nxb Văn Học, Hà Nội, 1982, trang 12).

Mẹ Lê thuộc thành phần "những kẻ ngụ cư", mà không phải là nông dân. Gia đình mẹ Lê thuộc diện ngoại vi, sống bên lề xã hội. Nếu đặt vào bối cảnh bây giờ, nhà mẹ Lê có thể là một trong những gia đình lam lũ sống trong các chung cư ổ chuột ở ngoại ô các thành phố lớn.

Nhà mẹ Lê cứ thảm lặng trôi đi trong cái khổ và cái đói, bác Lê và mười một đứa con quánh lại với nhau, không ai than thở, vì biết rằng mọi người đều khổ như thế cả, than cũng bằng thừa: "Mùa rét năm ấy đến, giá lạnh và mưa gió lầy lội. Đàn con bác Lê ôm chặt lấy nhau, rét run trong căn nhà ẩm ướt và tối tăm, vì đèn đóm không có nữa. Mấy gia đình ở phố chợ đều đói rét, khổ sở. Nhưng mỗi nhà đều lặng lẽ, âm thầm mà chịu khổ một mình, không than thở với láng giềng hàng xóm, bởi vì ai nấy đều biết cũng nghèo khổn như nhau." (trang 16)

Sự im lặng chịu đựng ấy kéo dài và bao trùm lên bị kịch y như giọng nói của Bác Lê, sau khi đi vay nợ ông Bá bị chó tây cắn, chỉ nhỏ nhẹ giảng giải phần nản với các con: *"Thật cậu Phúc ác quá! Đã không cho thì thôi, lại còn thả chó ra đuổi."* Yêu tố "đối chất" duy nhất nằm trong câu "cậu Phúc mà lại ác quá" còn tất cả đều hiền lành. Phải chăng chính bởi lối viết đầy "nhân phong" ấy mà tác phẩm Thạch Lam cứ âm thầm dày vò chúng ta: *"cái nghèo nàn không biết tự bao giờ đã vào nhà bác, lúc sinh ra bác đã thấy nó rồi; và từ đấy nó cứ theo liền bác mãi. Nhưng giá cứ có người mượn làm thì cũng không đến nỗi. Bác nhớ lại những buổi đi làm khó nhọc, những lúc vui vẻ được lĩnh gạo về cho con..." (trang 18).*

Cuốn phim đời bác từ từ quay lại trong mê sảng của những cơn sốt, người ta chú ý đến câu *"giá cứ có người mượn làm thì cũng không đến nỗi"*, như thể bác Lê ở bên kia cuộc sống vẫn còn phân trần, giải oan cho hoàn cảnh oan nghiệt của mình và các con. Nhưng Thạch Lam hiền lành trong lời nói bao nhiêu thì lại mạnh dạn trong hình ảnh bấy nhiêu: *"Mùa rét thì giải ổ rom đầy nhà, mẹ con cùng nằm ngủ trên đó, trông như một cái ổ chó, chó mẹ và chó con lúc nhúc", "Dưới manh áo rách nát, thịt chúng nó thâm tím lại vì rét, như thịt con trâu chết" (trang 13).*

Cái ổ chó, chó mẹ và chó con lúc nhúc, thịt chúng nó thâm tím lại như thịt con trâu, những hình ảnh mạnh, cực thực, phi lý, gần như ác mộng báo hiệu thảm cảnh Ất Dậu, cứ chọc thẳng vào tim người đọc. Thạch Lam pha trộn chất bi đát cùng với chất thơ thành một thể tuyệt vọng mới, âu yếm trùm lên những thân phận không còn là phận người trước khi trở nên thầy người. Cả truyện ngắn là một liều lượng pha trộn tuyệt vời đói khát với no đủ, yêu thương với ác nghiệt, hy vọng với tuyệt vọng qua những hình ảnh đẹp rướm máu, cái chết của mẹ Lê âm thầm dẫn đến những cái chết của mười một đứa con, tuy không nói ra, lại càng làm cho chúng ta cảm thấy bàn tay của tử thần sờ trán mỗi đứa nhỏ mỗi lúc một gần trong từng tích tắc còn lại.

Bác Lê chết rồi, nhưng hình ảnh *"một người đàn bà quê chắc chắn và thấp bé, da mặt và chân tay răn reo như một quả trám khô"* như vẫn chiếm trọn ký ức người đọc, cái ký ức ấy có lúc thấy *"Bác Lê đề thẳng Hỉ, con Phún ra gọt tóc cho chúng nó bằng một mảnh chai sắc"*, có lúc bác còn *"lấy phẩm xanh bôi cho chúng nó. Trông mẹ con bác lại giống một mẹ con đàn"*

gà" khiến cho bác Đồi phải nhắc: "*Bác phải nhớ thỉnh thoảng đếm lại con không mất.*" Và như thế, mẹ con bác Lê lại âu yếm quay trở lại như một *éternel retour*, một phục hồi miên viễn.

Hà Nội 36 phố phường

Hà Nội băm sáu phố phường, gồm những bài văn ngắn, phóng bút, có thể Thạch Lam đã viết rất nhanh đề in trên báo. Sau khi ông mất, Tự lực văn đoàn thu thập và cho xuất bản. Khi *Hà Nội băm sáu phố phường* xuất hiện, tác giả của nó đã qua đời và có lẽ tác phẩm cũng chưa biết rằng nó sẽ trở thành cuốn tùy bút đầu tiên, mở ra một thể văn mới, viết về Hà Nội, về món ăn và sự gắn bó của ẩm thực với đời sống văn hóa xã hội con người, trong văn chương Việt Nam.

Hà Nội băm sáu phố phường dẫn đến ít nhất ba hiện tượng đáng chú ý: sau Thạch Lam, người ta thi nhau viết về Hà Nội; sau Thạch Lam, thể tùy bút được phát triển; và cũng sau Thạch Lam, người ta ganh đua viết về món ăn... Nếu nói đến một "trường phái" viết về Hà Nội với những ngòi bút như Nguyễn Tuân, Vũ Bằng, Tô Hoài, Nguyễn Công Hoan, Mai Thảo... thì Thạch Lam phải là người trưởng môn. Nếu nói đến thể văn tùy bút, người ta thấy rõ hai khuynh hướng: khuynh hướng trung thành với phong cách Thạch Lam, dùng văn nói và bàn phiếm có Vũ Bằng, Võ Phiến... khuynh hướng ly khai ảnh hưởng Thạch Lam, dùng văn chương phóng bút, có Mai Thảo.

Hà Nội băm sáu phố phường viết về Hà Nội, về cái ăn cái uống của Hà Nội, về thể thái nhân tình Hà Nội. Thạch Lam nói, bàn, kể, phê, tán thán, khi thì thăm, khi lên giọng, giận lắm sẽ gắt lên... với Hà Nội, với người Hà Nội, với người Việt. Loại văn này, ngày nay trở nên thông dụng, nhưng thời Thạch Lam, hình như chưa ai viết như thế:

- *Cũng là thứ bún chả chẳng hạn, cũng rau ấy, bún ấy, thế mà sao bún chả của Hà Nội ngon và đậm thế, ngon từ cái mùi thơm, từ cái nước chấm ngon đi.*

- *Rồi mùa nực thì hàng xôi cháo: cháo hoa quánh mùi gạo thơm, xôi nóng mùi nếp mới. Xôi đậu, xôi lạc, xôi vừng mỡ và dừa. Ô, cái xôi vừng mỡ, nắm từng nắm con, ăn vừa ngậy vừa bùi. Mà có đất gì đâu! Ăn một, hai xu là đủ rồi. Mùa rét thì xôi nóng, hãy còn hơi bốc lên như sương mù, ăn vừa nóng người vừa chắc dạ.*

- *Đối với các bà, các cô đi chợ, cô hàng vải, cô hàng cau, v.v... là những người ưa món quà vì vừa rẻ vừa ngon, lại vừa no lâu, đã có món quà của cô hàng com nắm lẳng lơ với hai quang thúng bỏ chùng. Món quà này sạch sẽ và tinh khiết, tự quà cho đến cả quang thúng, cả cô hàng. Tóc vấn gọn, áo nâu mới, quần thâm, cô hàng trông cũng ngon mắt như quà cô vậy"*
(*Hàng quà rong*, trong *Hà Nội băm sáu phố phường*, in lại tại Hoa Kỳ, trang 37-39).

Đó là "bản chính" của Thạch Lam, sau này nhiều người bắt chước nhưng ít ai viết được tự nhiên như thế. Thạch Lam là người tiên phong đưa món ăn vào văn hóa Hà Nội, khuynh hướng này trở thành một "trường phái" với Vũ Bằng, Nguyễn Tuân và những người viết sau ... tất cả đều ít nhiều chịu ảnh hưởng Thạch Lam, thậm chí có những "formule Thạch Lam" như "nhân tâm tùy thích", "của đáng tội", "thế mà không", "ngon từ cái mùi thơm, cái nước chấm ngon đi", "một miếng ăn là một sự khoái lạc cho khứu quan và đầu lưỡi" v.v... chỉ được son phấn qua loa rồi chạy thẳng vào văn Vũ Bằng.

Nhưng người đọc vẫn thấy "bản chính" của Thạch Lam thành thật và chính xác hơn các bản "remake". Vũ Bằng cũng tài hoa đấy, nhưng ông bị cái tật lém, hay phóng bút quá đà, cho nên văn ông nhiều chỗ giả tạo. Ví dụ viết về bánh cuốn Thanh Trì, Vũ Bằng cho những người bán bánh cuốn Thanh Trì *đi khắp các nẻo đường* là sai, Thạch Lam thấy họ đến từ phía Lò Lợn; rồi Thạch Lam *nhớ từ cái nước chấm nhớ đi*, cũng là được, đến Vũ Bằng *nhớ cả cái dáng người bàn hàng đội bánh nhớ đi*, là phịa quá rồi, nhớ bà già thì sao? chưa hết, Vũ húng chí nhớ *luôn cái cảm giác bánh trơn trôi nhẹ vào trong cổ*, thành ra, tài là một chuyện, nhưng có tài mà thiếu thành thực thì chưa chắc đã viết hay được(1).

Lang thang trên phố phường Hà Nội, một trong những điều bận tâm nhất của Thạch Lam là sự đổi thay, thành phố nào rồi cũng phải đổi thay, nhưng cái lạ là những điều Thạch Lam nhận xét Hà Nội từ những năm 40 đến nay, vẫn còn nguyên tính thời sự y như mới viết hôm qua:

"Hà Nội đã thay đổi nhiều lắm. Những phố cũ, hẹp và khuất khúc, với những nhà thò ra thụt vào, những mái tường đi xuống từng bậc như cầu thang, những cửa sổ gác nhỏ bé và kín đáo, đã nhường chỗ cho phố gạch thẳng và rộng rãi, với từng dãy nhà giống nhau đứng xếp hàng. Thẳng và đứng hàng, đó là biểu hiệu của văn minh (...)

Chỉ còn một vài cái ngõ con, ngõ Phát Lộc, ngõ Trung Yên... mấy ngọn cỏ trên mảnh tường cổng Ô Quan Trưởng, là gọi dấu vết của Hà Nội cũ.(...)

Những nhà cũ của ta có một lối kiến trúc riêng, ở các phố Hà Nội hiện giờ, thỉnh thoảng cũng còn được một vài. Giữa nhà, mảnh sân vuông lộ thiên, có bể non bộ và cá vàng, có dãy chậu lan, có bể đựng nước, và trên tường có câu đối chữ nho. Đôi khi đi qua, một cánh cửa chợt hé mở, chúng ta được thoáng nhìn vào: bóng một thiếu nữ nhẹ qua sân, hình dáng một ông cụ già cúi mình trên cây cảnh. Tất cả cuộc đời của những kẻ bên trong, cuộc đời xưa, những ý nghĩ cũ, những hy vọng và mong ước khác bây giờ". (sđd, trang 29)

Ai đã từng đi qua Paris, Florence, Athènes, Istanbul, Trường An, St Christobal, Quế Lâm... hay bất cứ một thành phố nào trên thế giới còn giữ được một ít quá khứ, một khu phố cổ với "những nhà thò ra thụt vào", với "những mái tường đi xuống từng bậc như cầu thang", hay "những "cửa sổ gác nhỏ bé và kín đáo", đều có thể bắt chội gặp được "một cây hoa nhô sau bức tường thấp", "bóng một thiếu nữ nhẹ qua sân", lại nhớ đến Thạch Lam, cảm thấy có một chút Thạch Lam trong tâm hồn mình, một Thạch Lam sẽ sàng sống với "cuộc đời của những kẻ bên trong" hay bên trong những cuộc đời, bằng lối văn mà Khái Hưng cho là thủ thi.

Bao giờ Thạch Lam cũng thủ thi, dù tức giận đến đâu. Hồi ấy Thạch Lam đã tức giận lắm khi đi qua đền Ngọc Sơn, thấy những sự thêm thắt kệch cỡm mà người ra bày vẽ cho Hà Nội. Vậy mà ông cũng chỉ gắt nhẹ:

"Mắc cho đèn sáng, cho tiện các người đi lễ đền. Một ý tốt, rất tốt. Nhưng sao lại phải trả bằng một cách bôi nhọ vẻ đẹp của đền thế?(...) Mắc những vòng sắt với những cánh hoa hoét rẽ tiền kia vào cái cổng đẹp để có lối kiến trúc riêng, có vẻ cơ sở ấy, thực là một cách đập phá mỹ thuật tai hại không gì bằng." (trang 34)

Những thêm thắt ấy, giờ vẫn chưa hết đâu. Nếu Thạch Lam trở lại, nhìn Tháp rùa, chùa Trấn Quốc, với lớp sơn mới toanh, đỏ lòm, trắng bóc, bởi chỉ cần vài giờ "trùng tu", người ta có thể hót hết màu thời gian rêu phong năm mươi thế kỷ, hắt Thạch Lam đau lòng lắm.

Hà Nội băm sáu phố phường không chỉ xót thương cho cảnh quan Hà Nội, mà còn hướng về sinh hoạt tinh thần của con người trong tiến trình văn hóa và lịch sử.

Sống ở Hà Nội là không chỉ sống trong không gian và cảnh quan hiện tại của hàng Ngang, hàng Đào... mà còn sống với vong linh những thời đã qua, những người muôn năm cũ. Ngõ ngách nào chúng ta đang đứng, có thể trước đấy đã là đền vua, phủ chúa, đã là nền các cửa trùng đài, đã là mộ những Vũ Như Tô... Thạch Lam nhắc lại điều đó trong tiếng thở dài:

"Không còn gì của Hà Nội ngoài năm sáu mươi năm về trước. Thăng Long của vua Lê, của chúa Trịnh không còn dấu vết nào: đâu còn những cung điện ngày xưa, những phụ đế của các bậc công hầu khanh tướng? Thỉnh thoảng một vài tên gọi còn nhắc lại, một vài đồng đất còn ghi dấu, thế thôi. Chúng ta không biết được mấy về dĩ vãng, về cảnh phố xá kinh kỳ hồi cụ Lãn Ông một túi thơ, một bó thuốc, đi từ Bát Tràng đến Hồ Tây để chữa cho hoàng tử." (trang 29-30)

Càng viết nhẹ càng đau, càng thấm, cái đau thương cho một lối xưa, một hồn thu thảo, không được đoái hoài, chăm sóc, gìn giữ, chúng ta không coi trọng quá khứ, dễ dàng đánh mất người cũ, đôi khi phỉ phui quá khứ, cắt rễ quá khứ, tiêu diệt quá khứ... và càng buồn hơn khi thấy những dân tộc khác biết bảo tồn quá khứ, gìn giữ quá khứ. Dường như tất cả mọi người đã biết từ lâu rằng chỉ có từ quá khứ con người mới có thể cắm mốc để xây dựng tương lai, duy chúng ta vẫn ngờ ngợ chưa thấy rõ điều đó: một sự trùng tu vội vàng như mèo rửa mặt, cũng chẳng khác gì việc đập đổ văn bia, lấy đá lát ngõ.

Vấn đề Thạch Lam nêu lên trong *Hà Nội băm sáu phố phường* là những vấn đề hôm nay. Bởi Thạch Lam chưa bao giờ đi ra ngoài quỹ đạo đời sống, nên không lỗi thời, lúc nào ông cũng ở trong thời, để nhìn thấy những lỗi lằng, dốt nát của mọi thời:

"Chữ Elégant hình như được nhiều người yêu chuộng nhất: vì tỏ ra élégant phải không?"

P.T. coiffeur élégant (Bạch Mai), Boulangerie élégante (hàng Bông), A la coupe de Paris -D M. tailleur élégant (hàng Quạt), Aux paradis des élégants (hàng Trống), Aux trousseaux des élégants (Lê Quý Đôn), hiệu này đầu trước là: Au gout des élégants... P. T. tailleur des élégants (hàng Quạt)...

Toàn những Elégance là Elégance, thật xứng đáng với "Hà thành hoa lệ". (...)

Một hiệu khác tham bác cả Tây lẫn ta, và tạo nên được cái tiếng thần tình này: Satin súp.

Nhưng đến tên các hiệu thì sự văn hoa và cầu kỳ thực đã đến cực điểm: Au parfait tailleur (hàng Quạt) -Chữ luxe chắc hẳn trong trí các ông chủ hiệu thợ may, là biểu hiệu của cái tuyệt đích trong sự sang trọng, nên có đến ba ông dùng: La mode tailleur de luxe, D.P.T. Tailleur de luxe (hàng Gai), Tailleur de lux (Lê Quý Đôn) (ông này lại viết lux không có e, ý chừng tỏ ra luxe một bức nữa). (...)

Nhưng ngẫm nghĩ kỹ ra thì cũng chẳng nên lấy làm lạ, vì ở một xứ có tờ báo (nghĩa là do hạng trí thức viết), dịch Hôtel de ville là khách sạn của thành phố và Stars à Hollywood là dân tộc Siars ở Mỹ Châu, thì các ông chủ hiệu trên kia kể còn là giỏi nhiều.

Mà, có phải không, tờ báo Phụ Nữ Tân Văn ở trong Nam đã treo biển "Le journal des dames" và tờ Phụ Nữ Thời Đàm ở ngoài Bắc, "La première organe de la femme Annamite" ? (sđd, trang 24-27).

Chỉ cần đổi những chữ Tây trên đây thành chữ Mỹ thì thấy ngay cảnh quang Hà Nội bây giờ. Hoá ra sự đánh Tây, đuổi Mỹ, chẳng ăn nhằm gì. Mà cũng không cứ chỉ có một mình Hà Nội, nó là quang cảnh chung của các sự học đòi bắt chước mà không hiểu rõ nội dung, như thể Thạch Lam viết thư cho chúng ta từ dưới mộ, những dòng chưa ráo mực.

Hiện nay, những ngôn từ rỗng tuếch, cóp đi cóp lại, cứ tràn ngập thị trường, thứ ngôn ngữ mà Pierre Bourdieu, nhà xã hội học người Pháp vừa qua đời cách đây mấy năm, gọi là novlangue này không biết từ đâu đến mà tất cả mọi người đều đồng thanh ca cẩm: nào là toàn cầu hóa, nào là mở cửa, nào kinh tế thị trường, nào chủ nghĩa cộng đồng, chủ nghĩa đa văn hoá, chủ nghĩa hậu hiện đại, tính sắc tộc, tính linh động... Thứ ngôn ngữ ấy, tệ hơn, được quảng bá rộng rãi trong môi trường trí thức, chúng đáng ngại hơn dăm ba chữ tây viết sai của mấy bác chủ tiệm may, và mớ kiến thức "phổ thông toàn cầu" này là sản phẩm của một thứ "đặc quốc đặc biệt biểu trưng" và hậu quả của nó cũng "đặc biệt" tai hại. Người ta không cần biết nó là gì, nhưng người ta cứ nói như con vẹt và với những phương tiện tối tân của vi tính, các con vẹt lanh lẹ truyền đi, thành một "hiện tượng xã hội phổ quát" khiến Pierre Bourdieu phải bàn đến trong xã hội học, để vạch mặt chỉ tên một thế giới lấm lem, học lõm, loè bịp từ nguồn cội chữ nghĩa đến tất cả mọi vấn đề. Tất cả những điều đó, trong một chừng mức nào đó cũng là những điều mà Thạch Lam nhìn thấy từ *Hà Nội băm sáu phố phường*, sáu mươi năm trước: *"Người ta bây giờ chỉ ham cái gì rẻ, và chỉ cần có cái màu mỡ bề ngoài. Sự giả dối, điều ngoa và luộm thuộm thay chỗ cho sự thực thà, cẩn thận. Không cứ gì trong các thức ăn, cả những sản phẩm khác cũng vậy."* (trang 69).

Hà Nội băm sáu phố phường không chỉ là những tiếc thương cảnh quan đường phố, với Thạch Lam văn hóa là con người và con người bắt đầu bằng món ăn. Tất cả gói gọn trong câu: *"Sự bất tử ở văn chương và ở thực phẩm thật có giống nhau."* (trang 89). Thật thế, cơm tây và cơm tàu là hai chứng từ về sự đi đôi giữa thực phẩm và văn hóa, nói khác đi, món ăn là một sản phẩm văn hóa.

Thạch Lam trách người Việt có hai tật: Thứ nhất: *"Chúng ta đã khinh bỉ cái ăn, cái uống quá, tuy không tự thú rằng cái đó là cần, rằng tự mình vẫn thích"* (trang 90). Vì khinh bỉ nên *"cách ăn chơi của người mình mới luộm thuộm và cầu thả"* (trang 91). *"Biết ăn tức đã là một điều tiến bộ"*

lớn trong các điều tiến bộ, nếu không phải là trong hàng những điều quan trọng nhất." Diễm thứ nhì: "Người mình phần nhiều giàu có rồi thì không hay cố nữa. Đó là tật chung khiến cho không có một công cuộc nào phát đạt được lâu dài, cả từ trong cách buôn bán, khi đã đông khách rồi là tự nhiên người chủ "chênh mảng đi", chất lượng ban đầu không còn nữa. Người ta không biết giữ những báu vật của mình. Những báu vật ấy là những tinh túy nghiêm cẩn của nghề nghiệp, như thể làm tỏi đi, như đánh lừa được người mua thì lấy làm sung sướng."

Viết về món ăn tưởng dễ mà không dễ, Thạch Lam không chỉ viết về món ăn, mà còn viết về cả môi trường của món ăn, về người ăn và người bán món ăn, tất cả quyện vào nhau trong một nhịp đập tri kỷ. Đây là bún ốc về khuya:

"... đêm khuya, đi qua các nhà cô đào, và các chị em thanh lâu, thấy họ ăn cái quà ấy một cách chăm chú và tha thiết đến đâu không? Nước ốc chua làm nhăn các nét mặt tàn phẩn và mệt mỏi, miếng ớt cay làm xoa xuyết những cặp môi héo hắt, và khiến đôi khi rỏ những giọt lệ thật thà hơn cả những giọt lệ tình." (trang 47)

Tất cả những món quà Hà Nội, từ bánh tây, bánh cuốn, xôi lúa, cơm nắm, tiết canh, lòng lợn, phở, bún ốc, miến lươn, bún chả, bánh giầy giò, bánh ít, cốm, bánh cốm, bánh xu xê ... đến những món quà tàu như phán sì thông, chí mà phù, mìn páo, súi in, sa cốc măng ... dưới ngòi bút Thạch Lam, mỗi món đều tỏa ra một không gian văn hóa, quay quanh người bán, người ăn, người làm món ăn, thức ăn, khung cảnh và cả thời gian đã trôi qua trên bước đi của món ăn ấy từ xưa đến nay. Ông tạo không khí tương giao giữa những linh hồn đã làm thành khung cảnh văn hóa đó, thành một Hà Nội riêng, và mỗi lần ghé lại chốn ấy của Thạch Lam qua tiếng rao bánh giầy giò, chúng ta thấy lại không gian văn hóa của tất cả những nơi còn giữ được chất thiêng của kiếp người trên hương vị các món:

"Đêm khuya nữa ... ở các con đường vắng, một bóng người lúi thủ đi, một chầm lửa nhỏ lung lay theo từng bước. Chạm chạp và thông thả, bác hàng quà đi nhẹ như chân ma, thỉnh thoảng cất lên một tiếng rao khe khẽ, ngẩn và chóng chìm vào quăng tối. Giầy giò... giầy giò..."

Tiếng rao buồn thảm, yếu ớt và uest oải như hàm một mối thất vọng không cùng. Cái đời tối tăm ấy ở những đường phố xa, hẻo lánh như không còn mong mỗi chút gì. Cả cái thứ quà của bác ta cũng vậy: mấy khoanh giò nguội, mấy chiếc bánh giò chua ăn lạnh như sương trên mồ người chết. Cho nên bác cứ đi như thế, lẩn lút ở các ngõ tối đêm khuya, chả mong bán được mà cũng chả mong ế, lặng lẽ và chán nản như một linh hồn có tội ... " (trang 58-59)

Trên đường tiến bộ và mở cửa, nếu chúng ta cố giữ được một vài mảnh linh hồn ấy, lưu lại được chút hương thời gian trong không gian trắng phau của Hà Nội văn minh bây giờ, dù trên tô phở, bát bún hay trên màu rêu một ngòi đền, trong ngõ hẻm, vài mái nhà thò ra thụt vào ... của Hà Nội, cũng là quý lắm. Chẳng nên gột rửa quá khứ một cách kỹ càng, như cây đã cất rễ, làm sao có thể vươn lên được?

Paris tháng 5-2004

Chú thích:

Văn Thạch Lam:

"Nếu chúng ta về ở các tỉnh nhỏ ít lâu, hay ở ngay Hải Phòng, Nam Định nữa, chúng ta mới sẽ biết quà Hà Nội ngon là chừng nào. Cũng là thứ bún chả chẳng hạn, cũng rau ấy, bún ấy, thế mà sao bún chả của Hà Nội ngon và đậm thế, ngon từ cái mùi thơm, từ cái nước chấm ngon đi.(...)

Tang tảng sáng, tiếng bánh tây đã rao, lẫn với tiếng chổi quét đường.Đó là quà của những thợ đi làm sớm. (...)

Này đây mới là quà chính tông: bánh cuốn, ăn với chả lợn béo, hay với đậu rán nóng. Nhưng là bánh cuốn Thanh Trì mỏng như tờ giấy và trong như lụa. Vị bánh thơm, bột mịn và dẻo. Bánh chay thì thanh đạm, bánh mặn đậm chút mỡ hành. Người bán bánh cuốn Thanh Trì đội mẹt và

rổ trên đầu, từng tùm năm, bảy người từ phía Lò Lợn đi vào trong phố, dáng điệu uyển chuyển và nhanh nhẹn... "

(xem tiếp bài *Hàng quà rong*, in trong số này)

Và đây là văn Vũ Bằng:

"Có ai ở Hải phòng, Nam định, Thanh Nghệ chẳng hạn, về Hà Nội, mà đã có lần được thưởng thức món bánh cuốn Thanh Trì ăn với đậu rán sốt, tất còn lâu lắm mới có thể quên được món quà đặc biệt Hà Nội đó.

Khắp các nẻo đường, người ta vẫn được thấy những người đàn bà mặc áo nâu dài, đội cái nón quà đó đi bán từ lúc trời vừa hừng sáng.

Cơ nghiệp của họ không có gì: một cái thúng đội đầu, trên có đặt một cái mẹt. Anh gọi, người bán hàng hạ thúng ở trên đầu xuống. Anh nhìn vào sẽ cũng chẳng thấy gì lạ hơn: một chai nước mắm, một chai giấm, một chén ớt, dăm cái chén, cái đĩa và mười đôi đũa.

Thế thôi. Nhưng thưởng thức vài lần món bánh cuốn Thanh Trì rồi, anh sẽ thấy nhớ mãi món quà đó và nhớ từ cái dáng người bán hàng đội bánh nhớ đi, nhớ thứ nước chấm, nhớ cái cảm giác bánh trơn trôi nhẹ vào trong cổ... nhớ quá, nhớ khôn nguôi!

Hồi còn tạm lánh ở một làng vắng vẻ khu ba, có những buổi sáng êm trời, tôi vẫn vọng phía Thanh Trì nghĩ đến những hàng bánh cuốn đó và thấy thèm như thèm một hương yêu.

Nỗi "sầu Hà Nội" làm cho lòng người ta rã rời, se sắt (...).

Không tài nào vui được. (...).

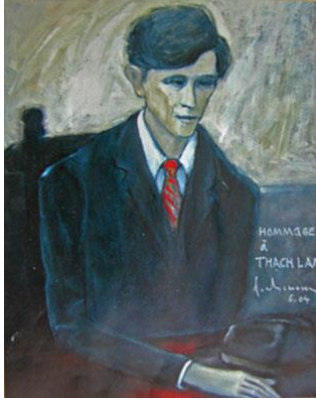
Bánh cuốn Thanh Trì đặc biệt nhất ở chỗ tráng mỏng, hành mỡ thoa vào vuốt mặt mà nếm vào thì thanh nhẹ, mát rượi đi. (...)

Ngay từ lúc trông thấy bàn tay người bán bánh bóc từng chiếc một, rồi cuộn lại một cách lơ là, bày ra trên những chiếc đĩa khiêm nhường, ta đã thấy yêu ngay những cái bánh óng ả, mềm mại đó rồi. Có khi đương cầm đĩa, ta muốn bỏ ngay ra để lấy ngón tay nhón từng chiếc bánh đưa lên cho khẽ chạm lấy môi ta như kiêu một cái hôn yêu trong buổi trao duyên thứ nhất."

(Vũ Bằng, *Bánh cuốn*, trích trong *Miếng ngon Hà Nội*, in lại tại Hoa Kỳ, trang 33-35).

Thạch Lam, tiểu thuyết gia Huỳnh Phan Anh

Thạch Lam vẫn được xem là một nhà văn chuyên về truyện ngắn. Trong Tự Lực Văn đoàn và cả trong văn chương Việt-nam, tính đến thời đại ông, Thạch Lam gần như chiếm giữ một địa vị riêng biệt nhờ ở "một ngòi bút lặng lẽ, điềm tĩnh vô cùng, ngòi bút chuyên tả tỷ mỉ những cái rất nhỏ và rất đẹp, những cảm tình, cảm giác còn con nẩy nở và biểu lộ ở đủ các hạng người, mà ông tả một cách thật tinh vi" (1). Chỉ cần ba tập truyện ngắn (*Gió đầu mùa*, *Nắng trong vườn*, *Sợi tóc*) lần lượt xuất bản trong khoảng cách năm năm (1937-1942), Thạch Lam đã khẳng định cho mình một giọng văn và từ đó một vũ trụ văn chương độc đáo bên cạnh những tài năng sáng chói cùng thời. Điều đáng nói là khác hẳn với Nhất Linh, với Khái Hưng,



Thạch Lam – Đinh Cường

Thạch Lam viết rất ít: tác phẩm ông vốn vẹn có sáu quyển trong số đó chỉ có bốn quyển thuộc loại sáng tác. Và cũng khác hẳn với hai nhà văn trên, Thạch Lam không thể hiện trong tác phẩm mình quá nhiều tham vọng vượt khỏi thẩm quyền và giới hạn của một nhà văn, một tác phẩm văn nghệ. Những cuốn sách của Thạch Lam cần được quan niệm trước tiên như những tác phẩm, những cách thể hiện của cái đẹp hay một chân lý thuần túy văn chương nào khác, trước khi chúng lãnh nhận một vai trò hay một sứ mạng nào ở bên ngoài chúng. Và có lẽ Thạch Lam khi cầm bút viết những trang sách đầy rung động và xúc động của mình cũng đã không có một ưu tư nào khác hơn là ưu tư nhằm thể hiện, biểu hiện, thực hiện những giá trị nghệ thuật bằng chính tâm hồn và chữ nghĩa của mình. Có thể nói rằng trên khắp các trang sách của Thạch Lam đều bàng bạc mỗi ưu tư cao cả đó. Tưởng tượng một tâm hồn nhà văn không ngừng lắng nghe và trò chuyện với từng nhân vật, từng cảnh trí, từng sự kiện hay sự vật nhỏ nhặt nhất góp phần làm nên cái thế giới giàu có ở bên ngoài hay ở ngay trong tác phẩm của hắn. Đọc Thạch Lam người ta dễ dàng bắt gặp tâm hồn nhà văn của ông như đang rung động theo từng dòng chữ ông viết nên. Có lẽ cũng vì thế người ta đọc Thạch Lam và thấy tâm hồn mình nhẹ nhàng, dễ chịu hơn khi đọc những tác phẩm mệnh danh là luận đề của hai tác giả nói trên. Vấn đề là tham dự vào những xúc động của tác giả, tham dự và, một cách nào đó, sống chính những xúc động đó. Văn Thạch Lam là một lời mời gọi không của lý trí sáng suốt đầy ẩn tình, ẩn ý mà của tâm hồn, không của tư tưởng mà của rung động và cảm tình.

Viết về Thạch Lam, Vũ Ngọc Phan đã đi tới một kết luận như sau:

“Đọc các văn phẩm của Thạch Lam, người ta thấy ông chỉ sở trường về truyện ngắn. Trong truyện dài của ông, người ta thấy nhiều đoạn tỷ mỹ vô ích, nhân vật nào cũng giống nhân vật nào, làm cho người đọc phải chán. Sở dĩ các nhân vật trong truyện Thạch Lam giống nhau, là vì Thạch Lam đã đem những tính tình riêng của mình để tạo nên các nhân vật. Tất cả các nhân vật trong truyện của Thạch Lam đều có những cái phẳng phất của tâm hồn Thạch Lam.” (Sđd. Tr.140)

Ý kiến của Vũ Ngọc Phan về Thạch Lam trên đây cũng là ý kiến chung của rất nhiều người thường chỉ chấp nhận ở Thạch Lam một cây bút sở trường về truyện ngắn và từ đó, để nói một cách nào đó, phủ nhận một Thạch Lam, tiểu thuyết gia. Dường như đối với họ, những người có khuynh hướng trên đây, *Ngày mới*, quyển tiểu thuyết độc nhất của Thạch Lam, ngoài những khuyết điểm lớn lao của nó, đã không giúp cho người đọc quên được những thiên truyện ngắn tuyệt vời của chính ông. Những trang sách đẹp nhất của *Ngày mới*, những đoạn tả tình hay tả cảnh rải rác trên khắp *Ngày mới*, tất cả dường như đã chỉ làm nổi bật một Thạch Lam “sở trường về truyện ngắn.” Nghĩa là *Ngày mới* sau cùng chỉ còn giữ lại những trang sách, những dòng chữ dùng để làm chất liệu cho truyện ngắn. Cuốn tiểu thuyết *Ngày mới* của ông, do đó được xem như một thất bại. Và cùng chung số phận với quyển trên, quyển *Theo giòng*, tức là quyển bình luận về văn chương, của Thạch Lam, đã không để lại một tiếng vang nào vì những

ý tưởng được xem là “rời rạc, tan tác như bèo trôi” của nó, để nói theo ngôn ngữ phê bình của Vũ Ngọc Phan.

Như vậy tài sản văn chương của Thạch Lam sau cùng chỉ còn lại có ba tập truyện ngắn là đáng kể.

Dĩ nhiên tôi không đồng ý với quan niệm có phần khắt khe và độc đoán đó, nói rõ hơn là quan niệm của nhà phê bình Vũ Ngọc Phan.

Điều có phần chắc chắn là nhan đề của bài viết này, THẠCH LAM, TIỂU THUYẾT GIA sẽ khiến một số người không hài lòng, những người vẫn quen phủ nhận khả năng viết tiểu thuyết ở Thạch Lam, tức là mặc nhiên xem *Ngày mới* như một phần thừa thãi trong tác phẩm Thạch Lam. Dĩ nhiên khi viết bài này tôi không cố tình làm chuyện ngược đời, cố tình đặt cho *Ngày mới* một ý nghĩa hay một địa vị lẽ ra không xứng đáng đối với nó. Công việc đó thừa vì *Ngày mới* tự nó là một cái gì không thể tách rời khỏi Tác phẩm của Thạch Lam, Tác phẩm được xem như một toàn thể, một định mệnh. Vấn đề không phải là loại bỏ, lại càng không phải là khôi phục. Vấn đề là đặt cho đúng chỗ một tác phẩm trong toàn bộ một sự nghiệp. Bởi vì một trong những lỗi lầm tai hại của người phê bình là đặt nặng phần này xem nhẹ phần kia để từ đó tự ý giản lược tác phẩm theo chủ quan độc đoán của mình. Thậm chí có người không ngần ngại loại bỏ trọn một sự nghiệp tác phẩm để chỉ giữ lại một cuốn sách, một trang sách hay một câu văn được xem là điển hình nhất, có giá trị nhất, xứng đáng nhất để được tồn tại.

Viết về một Thạch Lam, tiểu thuyết gia, tôi muốn nói tới một khía cạnh vẫn thường bị bỏ quên hay coi thường ở tài năng Thạch Lam. Viết về *Ngày mới*, cuốn tiểu thuyết duy nhất của Thạch Lam, tôi mong góp thêm một cái nhìn gửi đến một Tác phẩm hiểu như một toàn thể, một Tác phẩm cho tới bây giờ, theo tôi, vẫn được nhận thức một cách bất công và thiếu sót, ảnh hưởng từ một số quyết đoán của các nhà phê bình hay các soạn giả sách giáo khoa.

Người ta có thể nghi ngờ sự thành công của Thạch Lam trong địa hạt tiểu thuyết. Người ta có thể tiếc cho Thạch Lam đã chỉ viết có một cơ hội độc nhất để phô trương tài năng của ông trong địa hạt này. Nhưng điều không thể chối cãi là chính Thạch Lam, mặc dù vẫn sở trường về truyện ngắn, vẫn là người mang nặng những mối ưu tư về tiểu thuyết, về nghệ thuật tiểu thuyết cũng như các vấn đề liên quan tới bộ môn quynh rữ này. Chỉ cần đọc cuốn *Theo giòng* của ông để thấy rõ mối ưu tư bàng bạc trong hầu hết các bài viết ở đó. Nói cách khác, cuốn *Theo giòng*, mà Vũ Ngọc Phan đã từng chỉ trích, cần được xem như một cơ hội giúp tác giả nhìn lại và soi sáng chính mình hơn là một tác phẩm phê bình theo quan niệm thông thường của mọi người cho tới bây giờ. Vâng, tôi vẫn xem *Theo giòng* như phần lý thuyết do tác giả vạch ra cho chính mình hơn là cho kẻ khác.

Trong *Theo giòng*, Thạch Lam đã viết:

“...Tôi tưởng quynh tiểu thuyết hay nhất – hay công dụng nhất – là quynh tiểu thuyết sẽ làm cho ta yêu, ham muốn yêu, không phải là yêu một người, nhưng yêu mọi người; không phải một vật, nhưng yêu mọi vật. Hiểu biết tình yêu, thường thức những thú vị phức tạp và nhiều màu sắc của tình yêu, còn gì sung sướng hơn nữa! Mỗi cử chỉ, mỗi hành vi của ta đều có một ý nghĩa riêng. Chính nhà tiểu thuyết gia có biệt tài là nhà văn đã diễn tả đúng và thấu đáo cái tâm lý uyển chuyển của người, nhà văn chính mình có một tâm hồn rất phức tạp và giàu có.”

(*Theo giòng*, tr.47)

Đó không phải là lời nói của một nhà phê bình. Nhà phê bình nói trong khoảng cách với đối tượng. Nhà phê bình thiết định hay đề nghị những tiêu chuẩn cho kẻ khác, không cho chính mình bởi lẽ đơn giản là hẳn không nhất thiết phải kiêm nhiệm một nhà văn. Ở đây, Thạch Lam không đề nghị những tiêu chuẩn cho ai khác ngoài chính ông là người đầu tiên phải nghe theo. Ông đưa ra một quan niệm về tiểu thuyết, đồng thời là người đầu tiên bị chi phối bởi chính qua niệm đó. Những điều Thạch Lam nói trong *Theo giòng*, người ta có thể kiểm điểm lại ngay trong tác phẩm của ông. Những ý nghĩ về tiểu thuyết của Thạch Lam có thể được xem như những lời chú giải có tầm quynh nhất của Thạch Lam về Thạch Lam. Những ý nghĩ đó, dù rời rạc và đứt đoạn, đã nói lên mối ưu tư về tiểu thuyết mà ông không ngớt trở về. Những ý nghĩ đó không

làm nên một quan điểm phê bình mà làm nên lý thuyết của ông, một Thạch Lam tiểu thuyết gia. Dù góp lại từ những bài đăng báo lẻ tẻ, quyển *Theo giòng* vẫn nói lên mọi đăm chiêu, lo lắng liên tục và thống nhất của một người viết tiểu thuyết luôn bị ám ảnh bởi chính tác phẩm của mình. Ở đó người đọc có thể tìm thấy ẩn hiện qua những bài viết về các đề tài khác nhau một quan niệm của Thạch Lam về chính Thạch Lam. Ở đó chính tác phẩm của Thạch Lam được chiếu rọi bằng những tia sáng có thẩm quyền nhất. Khi Thạch Lam nói về cái hoàn toàn “lạnh lẽo” của nhân vật tiểu thuyết, về nỗi “rung động” của chính nhà văn trong tác phẩm mình hay về sự “quan sát bề trong” để đi sâu vào cái “bí mật” của tâm hồn nhân vật, một cách nào đó, ông đã chỉ lập lại những điều đã “nói” ở ngay trong tiểu thuyết của ông. Vậy thì tại sao đòi hỏi *Theo giòng* phải là một tác phẩm phê bình chặt chẽ vững vàng hơn khi nó chỉ là một cuộc kiểm thảo trong đó tác giả dù nói về ai hay về một điều gì thật ra đã chỉ trò chuyện với chính mình với chính tác phẩm của mình?

Nhưng mà Thạch Lam đã viết *Ngày mới* thế nào?

*

Như mọi người đều biết, Thạch Lam, qua hầu hết các truyện ngắn của ông, đã chứng tỏ là một nhà văn có lối viết nhẹ nhàng, kín đáo và tế nhị hiếm có trên văn đàn Việt-nam. Ở Thạch Lam, dường như không hề có những đề tài táo bạo, những thảm kịch quá lớn lao. Ngòi bút ông chuyên mô tả, làm sống lại những tấn kịch tầm thường của đời sống, đời sống với muôn ngàn kẻ hở, với muôn ngàn động tĩnh nhỏ nhặt, đời sống đáng yêu và đáng ghét, đời sống với vẻ đẹp muôn màu của nó. Đọc truyện Thạch Lam, người ta dễ bắt gặp tâm hồn của chính ông, một tâm hồn nghệ sĩ lúc nào cũng nhạy cảm, sẵn sàng rung động với từng cảnh trí, từng biến đổi thoáng qua của vũ trụ cũng như của tâm hồn con người. Như Vũ Ngọc Phan đã từng nêu nhận xét khá đúng:

“Phải là người giàu tình cảm lắm mới viết câu này: ‘Một cơn gió hay một cái mầm cỏ non, đối với chàng đều có ý nghĩa riêng’ (Những Ngày Mới, trang 25). Ý nghĩa đây là những ý nghĩa gây nên bởi cảm giác đối với ngoại vật và cảm tình của người ta đối với một hoàn cảnh thích hợp với mình.” (Sđd. tr.119-120).

Từ truyện ngắn bước sang truyện dài, ngòi bút Thạch Lam vẫn giữ nguyên bản sắc cùng tâm hồn của nó. Vẫn một bút pháp, vẫn một cách thế nhìn ngắm cuộc đời, vẫn một thế giới với những cảnh vật và nhân vật quen thuộc, thân mến. Đọc *Ngày Mới* cũng như đọc một số truyện ngắn của Thạch Lam, người ta có thể trách Thạch Lam đã chỉ tạo nên những nhân vật quen thuộc, gần gũi nhau cũng như những tấn kịch gần như đồng dạng với nhau. Nhưng liệu người ta có thể trách Thạch Lam đã chọn cho mình một nguồn cảm hứng để trở về, một vũ trụ để thương yêu. Liệu người ta có thể trách Thạch Lam trung thành với chính Thạch Lam qua nguồn cảm hứng đó, qua vũ trụ mộng tưởng đó. Tại sao ta cứ phải đòi hỏi một Thạch Lam tiểu thuyết gia phải khác với một Thạch Lam “sở trường về truyện ngắn” hay một Thạch Lam của “mấy ý nghĩ về văn chương”?

Ngày mới trước tiên là sự mở rộng, đào sâu của một vũ trụ tiểu thuyết quen thuộc, của một Tác phẩm, của một ý tưởng về Tác phẩm mà Thạch Lam đã không ngừng bận tâm, lo lắng.

Trong vũ trụ quen thuộc đó, ngòi bút Thạch Lam tiếp tục dựng lên hình ảnh con người đơn sơ, bình dị và sống thật với những ước muốn, những lo âu, những tấn thảm kịch không vượt ngoài tầm vóc, kích thước của nó.

Trường, nhân vật chính trong *Ngày mới* cũng là hình ảnh con người đó, gần gũi và thân mật:

“Trường bước từng bước nhẹ nhàng trên hè phố, ngược mắt nghịch nhìn ngôi sao hôm cùng theo chàng đi lấp vào các lá cây. Trời mùa hạ đen và trong thăm thẳm, các vì sao lấp lánh như cùng một điệu. Trường thấy tâm hồn mình cũng cùng một điệu vui vẻ như thế, và vòm trời, ngàn sao, với những cơn gió mát thoảng đến đối với Trường như hòa hợp, thân mật lắm.

Cái vui của Trường chỉ là một cái vui rất giản dị. Hai ngày trước, chàng vừa thi đỗ bằng Thành chung một cách bất ngờ. Khi nhận thấy tên mình trên bảng, Trường hồi hộp cảm động. Tuy chàng coi sự thi đỗ là một việc thường, và thấy người ta chú trọng đến cuộc thi một cách thái

quá, chàng sinh ra khinh bỉ cuộc thi, vậy mà chàng không giữ nổi được sự vui mừng. Đến bây giờ Trường vẫn còn thấy người nhẹ nhõm và khoan khoái.”

(Ngày mới, tr.5)

Trang sách đầu tiên. Những dòng chữ thứ nhất. Bao nhiêu đó đã quá đủ để, về phần tác giả, giới thiệu một nhân vật. Và bao nhiêu đó cũng quá đủ để về phần người đọc, nhận ra một vóc dáng, một chân dung, một tâm hồn với những đường nét, những kích thước nổi bật và quyết định.

Ngay trong lần đầu tiên xuất hiện – trên trang sách, dưới mắt người đọc – Trường, nhân vật chánh của cuốn truyện dài, đã “nói” với người đọc rất nhiều. Hắn “nói” bằng thứ ngôn ngữ thâm lặng nhất. Bằng lời tự nhủ. Bằng sự lắng nghe. Hắn lắng nghe, ghi nhận, đo lường từng tiếng động bên ngoài và bên trong hắn, đúng hơn là từng nhịp điệu hòa hợp giữa cái bên ngoài và cái bên trong. Trong suốt quyển truyện, hắn còn phải lắng nghe không ngớt. Nghĩa là kiếm tìm không ngớt một trạng thái tâm hồn lý tưởng nhất trong đó nội giới chuyện trò thân mật với ngoại cảnh, trong đó không còn sự xung khắc hay phân ly giữa cái bên trong và cái bên ngoài, trong đó, để nói theo một cách nói của Goethe, cái bên trong cũng là cái bên ngoài.

Trang sách đầu tiên. Những dòng chữ thứ nhất. Bao nhiêu đó để giới thiệu một nhân vật và đồng thời báo hiệu một đoạn đời, một câu chuyện, một chuyến phiêu lưu. Vâng, tất cả đều được báo hiệu ngay từ trang sách mở đầu, ngay từ cách thể tác giả mở đầu. Tôi muốn nói: tất cả đều được báo hiệu ngay từ những dòng chữ đầu tiên trong đó tác giả thể hiện đầy đủ giọng văn và giọng văn của mình. Một nhận xét thông thường cho thấy qua những dòng chữ đầu tiên đó, Thạch Lam chứng tỏ một ngòi bút tả tình, tả cảnh đặc sắc. Dĩ nhiên qua hầu hết những tác phẩm của Thạch Lam, ông đã không ngừng xác nhận nhận xét nói trên. Và có lẽ cũng không còn ai nghi ngờ giá trị của những đoạn văn tả tình và tả cảnh của Thạch Lam. Nhưng thiết nghĩ vấn đề không chỉ đơn giản có vậy. Cảnh và tình thể hiện trong văn chương Thạch Lam chỉ là hai bộ mặt của cùng chung một trạng thái. Chúng không ngừng kêu gọi lẫn nhau để hòa hợp, tan biến vào nhau. Chúng hiện hữu trong một mối tương quan đằm thắm. Cảnh là cơ hội xuất hiện của tình, và ngược lại. Do đó theo tôi, Thạch Lam không cốt yếu là một nhà văn tả cảnh hay tả tình mặc dù, như Vũ Ngọc Phan đã lập lại nhiều lần trong bài phê bình của ông, Thạch Lam “tả tình, tả cảnh rất hay.” Có lẽ phải nói Thạch Lam là nhà văn của những trạng thái hòa hợp tốt đẹp, của sự bình yên trong tâm hồn, của niềm vui và hạnh phúc. Đó cũng là trạng thái mà nhân vật của Thạch Lam không ngừng tìm kiếm: sự hòa hợp giữa tâm hồn và cảnh vật cùng là sự hòa hợp giữa tất cả những ý tưởng, dự phóng, hồi tưởng... không ngừng trò chuyện với nhau, quán quýt lấy nhau trong nội giới con người.

Thiên truyện dài *Ngày mới* đã mở đầu và kết thúc bằng một trạng thái tâm hồn: sự hòa hợp, niềm vui. Và tôi không ngần ngại cho rằng đó là đề tài chính, câu chuyện chính của *Ngày mới*. Trong suốt cuốn truyện, Trường là hình ảnh một con người luôn khát vọng, luôn tìm kiếm và luôn sống trong ám ảnh của những giây phút êm đềm, vui sống, lý tưởng. Những phút giây đó, hắn đã từng gặp gỡ và đánh mất để sau cùng tìm lại được sau bao nhiêu chặng đường của kinh nghiệm và của sự thất bại. Đó là ý nghĩa của hai tiếng *Ngày mới* mà Thạch Lam đã dùng để đặt thành nhan đề của cuốn truyện. Người thanh niên (Trường) thi đỗ, từ chối cuộc hôn nhân được hai gia đình ưng thuận, yêu và lập gia đình với một người thiếu nữ con nhà nghèo. Đó là bước đầu của những ngày sống kham khổ, thiếu hụt, hắn phải bỏ học đi làm nuôi vợ con với một đồng lương quá ít ỏi. Hắn khao khát sự giàu sang của mọi người chung quanh và tiếc rẻ đã bỏ lỡ cuộc hôn nhân với người con gái thuộc gia đình khá giả. Hắn bỏ bê vợ con, đi tìm những nguồn an ủi riêng tư. Sau cùng nhân cuộc gặp gỡ một người bạn giàu có hãnh tiến và đàn độn, hắn chợt thức tỉnh trước hạnh phúc chân thật của con người, không tùy thuộc vào tiền của mà tùy thuộc vào chính tâm hồn của mình. Hắn vui vẻ trở về với hoàn cảnh sống khiêm nhường của hắn và bắt đầu sống những “ngày mới” của cuộc đời hắn. Câu chuyện *Ngày mới* có thể tóm lược bằng những dòng chữ ngắn ngủi trên đây, một việc làm gượng gạo, càng gượng gạo hơn đối với tác phẩm Thạch Lam. Bởi điều đơn giản là Thạch Lam thường không quá chú trọng

tới phần cốt truyện và những tình tiết trong những sáng tác của ông. Dường như tất cả chỉ là một cái cớ để ông khám phá, đi sâu vào tâm hồn con người với những ước mơ, những mộng tưởng âm thầm lặng lẽ của nó.

Có lẽ một độc giả thông thường cũng như một nhà phê bình bị ràng buộc trong những yêu sách những phạm trù cổ điển của văn chương, họ sẽ thất vọng khi muốn tìm kiếm trong *Ngày mới* một câu chuyện, một tấn kịch đúng nghĩa hay một đường lối giải quyết thỏa đáng, rõ ràng. Có lẽ họ chỉ tìm thấy ở *Ngày mới* một câu chuyện không ra chuyện, một tấn kịch tầm thường, một cách giải quyết đầy lý tưởng và không tưởng nữa. Điển hình cho lớp độc giả này là Vũ Ngọc Phan. Tôi thấy cần ghi nhận lại đây ý kiến của nhà phê bình tiền chiến này để người đọc có dịp tìm hiểu, một cách đọc tiểu thuyết và từ đó một cách nhìn ngắm tác phẩm, một quan niệm văn chương. Vũ Ngọc Phan đã phê bình *Ngày mới* như sau:

“... Trong tập này người ta cũng thấy nhiều đoạn rất xinh tươi, tả tình và tả cảnh, như những truyện ngắn trong tập Sợi tóc, nhưng nếu xét về toàn tập, người ta thấy cốt truyện xây dựng không được vững cho lắm...”

Dùng hai chữ ngày mới để chỉ vào sự yên phận, không những to tát quá, mà còn không đúng nữa. Vì yên phận tức là quay về cái phận mình đã có, không đứng núi này trông núi nọ nữa. Vậy cái ý mới đã không có rồi. Sau nữa, đã gọi ngày mới thì phải có sự tiến hành về một mặt nào rõ rệt, cả về ý nghĩ lẫn về hành động, chứ riêng về ý nghĩ không, không thể được. Nếu Trường biết yên phận nghèo mà vẫn làm công cho nhà buôn, lương tháng vài ba chục, sự túng thiếu vẫn luôn luôn áp bức cái gia đình nhỏ của chàng thì sự yên phận ấy không làm sao bền được. Ai cũng biết cái ảnh hưởng của vật chất, của tài chánh, của kinh tế là cái ảnh hưởng rất ghê gớm, nó làm cho người ta thay đổi cả tâm tính, cả cuộc đời, như vậy thì những ngày mới của Trường có còn là những ngày trường cửu được không?

Người ta có thể có những cảm giác và những cảm tưởng thú vị khi người ta biết xét mình, biết nhận thấy cái “phong phú trong lòng” mình và biết ruồng bỏ sự khao khát giàu sang. Đối với những việc nhỏ, cảm giác và cảm tưởng có thể có một địa vị khá quan, còn đối với những việc lớn như cả một cuộc đời, cả một cuộc sống của nhiều người trong gia đình, sự thú vị về yên phận chỉ là một cảm giác hay một cảm tưởng trong chốc lát.

Nếu đã là những ngày mới, Trường ít ra phải thay đổi cả cuộc sống của mình, chứ chỉ biết yên phận nghèo không, không đủ.”

(Sđd, tr.137-138)

Tôi thấy thật khó lòng chấp nhận quan điểm phê bình thể hiện qua những lời lẽ trích dẫn trên đây, vì những tính cách sơ sài, nông cạn và độc đoán của nó. Sơ sài: người phê bình không nhìn tác phẩm như một toàn thể hợp nhất và đơn nhất, trái lại đã giản lược nó về những đoạn những trang hợp sở thích của mình. Nông cạn: người phê bình chỉ lĩnh hội tác phẩm, bỏ quên câu chuyện thật, ý nghĩa thật còn tàng ẩn dưới mắt người đọc. Và độc đoán: người phê bình đã chỉ nhìn tác phẩm qua một số khuôn khổ và yêu sách có sẵn của mình, không nhìn tác phẩm như một thực tại có ý nghĩa và đầy đủ ý nghĩa cho nó nghĩa là như một định mệnh. Thành kiến độc đoán của người phê bình dường như lúc nào cũng muốn tác phẩm phải thế này hay thế nọ tức là một cách nào đó phủ nhận chính tác phẩm (cuốn sách) đang nằm dưới mắt mình. “Trường ít ra phải thay đổi cả cuộc sống của mình, chứ chỉ biết yên phận nghèo không, không đủ.” Tại sao người phê bình cứ phải yêu sách một nhân vật tiểu thuyết phải làm hơn một nhân vật tiểu thuyết, một tác phẩm phải làm hơn một tác phẩm. Ở đây phê bình vượt qua giới hạn của chính phê bình. Bởi nó đã phủ nhận thực tế của tác phẩm đang là đối tượng của nó. Thực tế tác phẩm: thực tế của những dòng chữ được viết ra, thực tế của cuốn sách được hoàn tất; thực tế của một cái gì tự đầy đủ, không thể sửa đổi hay hàn gắn gì được nữa. Không thể nhân danh những ảnh hưởng “ghê gớm” của vật chất, của kinh tế, của tài chánh mà “buộc” Trường phải trở thành một nhà cách mạng xã hội, theo đúng khuôn mẫu của người phê bình đặt ra. Không thể đòi hỏi Thạch Lam phải là một nhà văn xã hội trong khi ông chỉ là một nhà văn của những trạng thái và những biến chuyển của tâm hồn bát ngát. Không thể đòi hỏi ở Thạch Lam

một quyền năng vượt ngoài giới hạn của chính ông, một nhà văn. Và không trách Thạch Lam, trên bình diện thuần túy văn chương, đã không đi trên một con đường nào khác hơn con đường ông đã đi.

Để trở lại với cái phần ẩn giấu, tới câu chuyện của tác phẩm, tôi muốn nói tới một cái gì khác hơn chính cốt chuyện của cuốn sách mà người đọc có thể tóm lược với một số dữ kiện cần thiết như: Trường thi đỗ, Trường lấy vợ, Trường đi làm, Trường khao khát sự giàu sang, Trường vui vẻ với cảnh nghèo v.v..., những dữ kiện tầm thường của câu chuyện cũng tầm thường không kém. Nhưng đó chỉ là những dữ kiện giả, đó là câu chuyện giả, tất cả chỉ dùng che giấu một sự thật. Sự thật đó chính là tâm hồn Trường trên đường tìm kiếm một niềm vui, niềm vui của một phút giây thoải mái êm đềm hay niềm vui trường cửu của đời người. Diễn tiến của *Ngày mới* không là diễn tiến của một câu chuyện dàn trải trong một giới hạn không gian và thời gian nào đó. Trái lại đó là diễn tiến của một tâm trạng, một cuộc phiêu lưu.

Ngày mới chỉ là cuộc phiêu lưu của một tâm hồn, đúng hơn, của một ý tưởng. “Cái bên trong cũng là cái bên ngoài.” Thế giới bên ngoài mang trọn vẹn dự phóng của con người, nó chỉ còn là một phản ảnh, một hình ảnh của chính tâm hồn hay ý thức con người không ngừng thao thức, nói năng, nghe ngóng. Có một dòng ý thức miên tục chạy suốt qua “câu chuyện” của *Ngày mới*, dòng ý thức làm nên từ tất cả những hồi tưởng cùng phóng tưởng của nhân vật. Nhân vật Thạch Lam không ngừng sống và nghĩ, nói khác hơn họ luôn luôn có hai cuộc đời để sống, cuộc đời này chỉ là cái cớ của cuộc đời kia được sinh động, phong phú hơn. Những hồi tưởng, phóng tưởng, dự tưởng, ý tưởng, mộng tưởng..., tất cả làm nên một dòng ý thức, một dòng sống, một đời sống. Tất cả làm nên một tấn thảm kịch.

Tôi nghĩ người đọc còn phải tìm tới thứ ngôn ngữ thảm lặng nhất của *Ngày mới* để truy nguyên tấn thảm kịch sống động nhất của nó. Và người ta không chỉ đọc *Ngày mới*, người ta còn phải lắng nghe, như nhân vật *Ngày mới* đã không ngừng lắng nghe trong khi sống, như chính tác giả *Ngày mới* đã không ngừng lắng nghe trong khi viết, câu chuyện thật của *Ngày mới* là một câu chuyện làm nên từ những bản thảo, trắc trở của một tâm hồn không ngớt tìm kiếm một sự bình yên, một sự ổn định, một trạng thái trong đó không còn sự phân ly hay xung khắc giữa ý thức và thực tại, giữa ý thức và chính nó.

“Trường tưởng nhớ lại cả quãng đời học hành chăm chỉ, với những điều ước vọng lúc bấy giờ. Hồi ấy, chàng chỉ mơ ước thi đỗ để ra đi làm kiếm tiền. Có lẽ tình cảnh nghèo nàn của gia đình chàng và chung quanh đã khiến chàng chỉ tha thiết mong có thể. Thi đỗ, rồi đi làm công sở, đó là mục đích của cả một đời. Nhưng bây giờ Trường mới rõ cái nhỏ mọn của điều mong ước ấy. Sự sống đã cho chàng bao nhiêu bài học hay. Trường không bản khoăn vì cảnh nghèo của mình nữa. Chàng không ganh ghét với những người sang trọng, giàu có hơn chàng (...), và tự thấy mình giàu hơn họ nhiều, giàu những tính tình tốt đẹp, những ý nghĩ đằm thắm mà những người chỉ biết đến mình không bao giờ có được.”

(*Ngày mới*, tr.236)

“Chàng tự kiêu đã xứng đáng với lòng yêu của vợ và thấy những nỗi bản khoăn, bức tức của chàng trước kia nhỏ mọn không đáng kể. Trường đã mong ước sự giàu sang vì không biết đến những cái phong phú trong lòng chàng, đã tìm danh vọng và địa vị vì chưa tự đầy đủ với tâm hồn.”

(*Ngày mới*, tr.240)

Ngày mới kết thúc khi Trường tỉnh ngộ, trở về với gia đình, chấp nhận hạnh phúc đơn sơ của mình, mãn nguyện với cái “phong phú trong lòng” của mình sau những bước thất lạc ngông cuồng. *Ngày mới* kết thúc ở ngưỡng cửa của những *ngày mới* trong đời Trường. Tôi muốn hiểu hai tiếng *ngày mới* tác giả dùng trong trường hợp này mang ý nghĩa một cuộc thay đổi bên trong. Đó là cuộc hóa thân của một tâm hồn sau chuyến phiêu lưu đánh dấu bằng thất bại và đổ vỡ. Mặc dù *ngày mới* chỉ hứa hẹn một cuộc trở về, trở về với phận nghèo quen thuộc, cũng là cách nào đó, trở về “với bao kỷ niệm êm đềm trong quãng đời trẻ thơ” – (tình yêu của Trường đối với Trinh cô bạn nhỏ ngày xưa phải chăng cũng chỉ là một cách níu kéo lại thời đã mất,

sống lại một trạng thái tâm hồn vô cùng bình yên và trong sáng?) – mặc dù thế, tôi vẫn không thấy ý niệm *mới* bị tổn thương chút nào. Không cứ phải “thay đổi cả cuộc sống của mình” mới gọi là *mới*. Bởi điều quan trọng trước tiên là đổi *mới* tâm hồn, làm *mới* viễn vọng.

Dưới ngòi bút Thạch Lam, con người nhất thiết là một khát vọng, một dự phóng không ngưng nghỉ. Hắn luôn sống trong một ý tưởng, một hình ảnh về hạnh phúc, mơ hồ hay rõ rệt. Điều đáng nói là Thạch Lam đã dựng lên những nhân vật với vóc dáng rất “người”, những nhân vật không hề được giao phó cho một sứ mạng quá lớn lao. Tôi muốn nói tới hình ảnh con người thường nhật trong tác phẩm Thạch Lam, con người gần gũi và thân mật. Con người không có thảm kịch, không có vấn đề. Và *Ngày mới* chính là thiên hùng ca của một linh hồn tầm thường và bé nhỏ luôn băn khoăn với ý tưởng hạnh phúc.

(Trích từ báo *Giao Điểm*, Sài Gòn, tháng 12, 1971)

(1) *Vũ Ngọc Phan, Nhà Văn Hiện Đại, quyển VI, tr. 119.*

Thạch Lam chưa biết kéo cánh với bồi và lính tập Vũ Trọng Phụng

Dường như Vũ Trọng Phụng không ưa gì tờ báo Phong Hóa (do nhóm Tự Lực Văn Đoàn chủ biên), và anh em Nhất Linh, Khái Hưng, nên thẳng tay công kích, không một chút e dè. Hai bài viết dưới đây được in cùng một lúc trên tờ Hải Phòng tuần báo. Mời các bạn đọc để thấy thời nào cũng có những cuộc bút chiến dù cùng đi trên một con đường...

Mục "Cuộc điếm báo" trong Phong hóa số 113 vừa rồi, trong khi muốn bêu ông Tú Ly về cái tội lời cổ điển giả ra đâm chém ghê gớm đến nỗi cổ điển giả bị vỡ đầu sát tai không còn ai nhận được mặt nữa, ông Thạch Lam sợ thua trận, đã phải buộc tội cho ông Lãng Nhân ba điều:

"Điều thứ nhất, khinh người đi lính tập, điều thứ hai, khinh người đi làm bồi, điều thứ ba khinh mạn độc giả."

Ông Lãng Nhân vốn có viết cho báo Nhật tân. Nếu độc giả của báo N.T. toàn là bồi và lính tập cả thì lời buộc tội của của ông Thạch Lam cũng nguy hiểm thay và tờ báo có tôn chỉ bình dân (?) là tờ báo P.H. chắc sẽ lôi về phe mình được hết các ông bồi và lính tập đương đọc Nhật tân quay sang đọc Phong hóa. Chắc ông Thạch Lam cho rằng đánh bằng cái miếng phân vua ấy là hại được bên địch nên ba điều buộc tội, ông cho nhà in xếp bằng chữ đậm nét hơn.

Nếu độc giả N.T. không là bồi và lính tập cả thì P.H. cũng đã nịnh được số đông bồi và lính tập độc giả của mình.

Ông Thạch Lam là người có thủ đoạn đấy chứ !

Song tôi muốn độc giả rõ tại làm sao ông Lãng Nhân đã... phạm mấy cái tội tày đình đó.

Đầu đuôi câu chuyện là thế này :

Ông Tú Ly muốn chê ông Nguyễn Trọng Thuật dốt. Nhưng trong khi chê người, ông Tú Ly cũng... dốt. Thấy ngang tai, ông Lãng Nhân phải ngăn lòng kiêu ngạo của ông Tú Ly. Vốn hiếu thắng, ông Tú Ly cãi quanh cãi quẩn rồi lấy giọng của bồi và lính tập ra cười trừ. Bực mình, ông Lãng Nhân bảo ông Tú Ly có họ với với bồi và lính tập. Thế là ông Thạch Lam buộc tội ngay ông Lãng Nhân : khinh bồi, lính tập, và độc giả.

Tuồng như Phong hóa xưa nay vẫn hết lòng kính trọng các ông bồi và lính tập vậy. Nào có thể cho !

Những bài vở và tranh vẽ mà P.H. dùng để bôi nhọ lính tập thế nào, các ông lính tập đã đọc cả. Còn về phần các ông bồi thì, để tôi xin dẫn ngay đoạn văn của ông Tứ Ly viết trong số báo mới đây để tổng công kích ông Lãng Nhân là dịch Héraclite sai (?):

Ông làm tôi lại nhớ lại câu "nhà nước có lắm đầu bò" mà có người dịch là "maison l'eau beaucoup tête boeuf."

Ông Tứ Ly thì lôi cái dốt của các ông bồi ra chế nhạo, mà ông Thạch Lam lại viết văn sùng bái các ông bồi hết sức, đó là điều thất sách của báo P.H.

Nếu trước khi đốt trầm lên để tỏ lòng ngưỡng mộ các ông bồi, ông Thạch Lam đã dặn trước ông Tứ Ly rằng : "Anh đừng có đụng đến các ông bồi, đó là những vị thần thánh bất khả xâm phạm, và là độc giả của ta " thì P.H. đã thành công nổi trong cái việc to lớn đó, và đã chẳng tiền hậu bất nhất.

Nhưng P.H. vẫn trọng các bồi lắm, nên trong một số vừa đây có đăng ở mục "vui cười" :

Tên Tây

Một anh bồi được nghỉ, về chơi quê, khoe:

- Này các bác ạ, tên annam nghe có lủng củng, các bác cũng nên cải tên tây như tôi, nghe nó hay hơn.

- Thế tên tây bác là gì?

- Hay lắm ! ông chủ đặt cho tôi là... Mặc-mít-toòng !